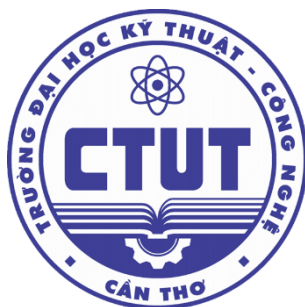


**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**

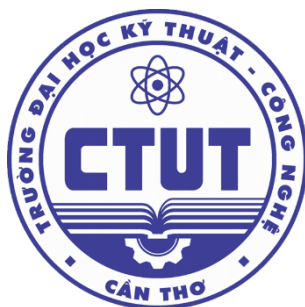


**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
QUẢN LÝ XÂY DỰNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Cần Thơ, tháng 12 năm 2023

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**

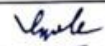
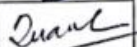
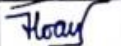
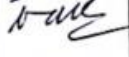
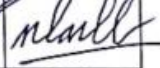
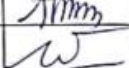
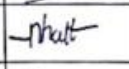
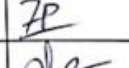
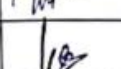
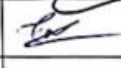
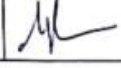


**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
QUẢN LÝ XÂY DỰNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Cần Thơ, tháng 12 năm 2023

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	TS. Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Lê Hoàng	Trưởng khoa KTXD	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng TTr-PC-KT-ĐBCL	Thư ký	
5	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách phòng QLKH-HTQT	Thành viên	
7	TS. Lê Anh Xuân	P. Trưởng phòng TC-HC	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên	
9	ThS. Võ Khắc Tâm	Trưởng phòng QT-TB	Thành viên	
10	ThS. Trần Long Hải	Trưởng phòng TC-KT	Thành viên	
11	TS. Nguyễn Tấn Hưng	Phó trưởng Bộ môn QLXD	Thành viên	
12	ThS. Hồ Quang Vinh	Phó trưởng Bộ môn KTCTXD	Thành viên	
13	ThS. Lê Hữu Quốc Phong	Giảng viên	Thành viên	
14	ThS. Đỗ Hưng Thời	Giảng viên	Thành viên	
15	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn	Giảng viên	Thành viên	
16	ThS. Phan Nhật Tân	Giảng viên	Thành viên	
17	ThS. Trần Thị Phương	Giảng viên	Thành viên	
18	ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi	Giảng viên	Thành viên	
19	ThS. Lê Thị Ánh Hồng	Giảng viên	Thành viên	
20	ThS. Nguyễn Minh Tân	Giảng viên	Thành viên	
21	SV. Phan Thị Trúc Nghi	Sinh viên lớp QLXD 2020	Thành viên	

(Danh sách gồm có 21 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	5
1. Đặt vấn đề.....	5
2. Tổng quan chung.....	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	32
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	38
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	47
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....	60
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	74
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	95
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	110
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	125
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	143
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	164
PHẦN III. KẾT LUẬN	181
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT	181
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.....	195
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	197
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.....	200
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	204
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	204
Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan	228
Phụ lục 3. Danh mục minh chứng.....	235

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CDR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT & QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cố vấn học tập
DVSV	Dịch vụ sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCMH	Đề cương môn học
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐH	Đại học
ĐHKTCN	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
GDĐH	Giáo dục đại học

GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HTNH	Hỗ trợ người học
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH & HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHMT	Khoa học máy tính
KPIs	Key Performance Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
MTKN	Ma trận kỹ năng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NH	Người học
NV	Nhân viên
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PGS	Phó Giáo sư
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng

QL	Quản lý
QLCL	Quản lý chất lượng
KTXD	Kỹ thuật xây dựng
QLXD	Quản lý xây dựng
QLKH-HTQT	Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế
QLSV	Quản lý sinh viên
QT-TB	Quản trị - Thiết bị
SĐH	Sau đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SM	Sứ mạng
SV	Sinh viên
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TLGD	Triết lý giáo dục
TN	Tầm nhìn
TS	Tiến sĩ
TS & TT	Tuyển sinh và truyền thông
TT-PC-KT-ĐBCL	Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
ĐCCT	Đề cương chi tiết

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Năm 2020, Trường đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Quyết định số 26/QĐ-CEA.UD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH, PVCD và tập trung triển khai tự đánh giá các CTĐT có sinh viên tốt nghiệp theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD, Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng. Đến tháng 10 năm 2023, Trường có 6 ngành đạt kiểm định CTĐT (Công nghệ thực phẩm; Công nghệ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Hệ thống thông tin và Quản lý công nghiệp). Trên cơ sở đó, Trường quyết định chọn CTĐT ngành QLXD để đăng ký kiểm định chất lượng.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT QLXD, Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được thành lập năm 2013, được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cho đào tạo ngành QLXD trình độ đại học từ năm 2015 theo Quyết định số 658/QĐ-BGDĐT. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã tuyển sinh được 6 khóa (từ khóa 6 đến khóa 11), trong đó có 6 khóa đã tốt nghiệp (từ khóa 1 đến khóa 6). Thông qua chương trình đào tạo này, Trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao cho xã hội. Trong xu thế đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Trường lập báo cáo tự đánh giá (TĐG) các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành QLXD trình độ đại học chính quy. Nội dung báo cáo được khái quát như sau:

- Về mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT: Trường và Khoa đã tập trung nghiên cứu xây dựng CTĐT với những yêu cầu về CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và đáp ứng yêu cầu của NH.

- Về bản mô tả CTĐT: CTĐT được mô tả với đầy đủ các thông tin và được công bố công khai, phục vụ nhu cầu tìm hiểu của NH trước khi đăng ký tham gia hoặc cho người

đang học chủ động trong công tác học tập và nghiên cứu. Đề cương các học phần cũng được xây dựng và công bố công khai nhằm hỗ trợ NH chuẩn bị cho từng học phần trước khi chính thức bắt đầu học tập. CTĐT và các đề cương định kỳ được rà soát và bổ sung cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế.

- *Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH)*: CTDH có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính liên mạch, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung CTDH được GV biên soạn cho từng học phần, bao gồm đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, cách thức học tập nghiên cứu, đánh giá kiểm tra, tài liệu tham khảo nhằm giúp NH từng bước đạt CĐR sau quá trình học tập.

- *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Trường đã chú trọng và xác định công tác đổi mới xây dựng các CTĐT, phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR. Sự đổi mới này thực hiện dựa trên những định hướng chung của Đảng, Nhà nước và Bộ GD&ĐT tăng cường tính chủ động sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu, và khả năng làm việc theo nhóm của NH trong trường ĐH. Chủ trương của Trường không ngừng đa dạng hoá các phương pháp dạy học, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- *Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH)*: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT đều được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả NH đều hiểu rõ. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

- *Về đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV)*: Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và vận hành chương trình được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD). Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

- *Về đội ngũ nhân viên (NV)*: Đội ngũ NV của Trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đội ngũ NV của Trường có tinh

thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ NV là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều NV được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ hỗ trợ của Trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác.

- *Về NH và hoạt động hỗ trợ NH*: Trường và Khoa đã xây dựng bộ máy, phân công trách nhiệm hỗ trợ NH trong quá trình học tập tại Trường; xác định chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; xây dựng tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của NH cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; đã triển khai các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho NH. Trường quan tâm và tạo môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu, rèn luyện và sự thoải mái cho cá nhân NH.

- *Về cơ sở vật chất (CSV) và trang thiết bị*: Trường đã từng bước hoàn thiện về CSV, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ NH, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSV và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học ngành QLXD phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

- *Về nâng cao chất lượng*: Trường và Khoa đã đánh giá nhu cầu của các BLQ và sử dụng thông tin phản hồi làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Trong quá trình tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác thường xuyên được đánh giá và cải tiến.

- *Về kết quả đầu ra*: Trường đã từng bước phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Trường xây dựng cơ sở dữ liệu về việc làm của SV, định kỳ tiến hành khảo sát NH tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Trường cũng đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến CTĐT.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QLXD bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin và bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của bản báo cáo tự đánh giá. Phần này đồng thời cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục lần lượt là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh - nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những điểm tồn tại và vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và các danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành QLXD dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành QLXD được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung đưa ra các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học; tiêu chuẩn 11 nêu đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành QLXD.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành QLXD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Quá trình tự đánh giá giúp Trường nói chung và Khoa Kỹ thuật xây dựng nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành QLXD, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QLXD.

Hoạt động tự đánh giá cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa Kỹ thuật xây dựng trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường và của Khoa.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2018 - 2023, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Công cụ TĐG: Bản “*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp*” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân

chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp – Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 04/2016/TT- BGDDT).

Trường đã ban hành Quyết định số 658/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng TĐG và Kế hoạch số 700/KH-ĐHKTCN ngày 29 tháng 9 năm 2022 về TĐG CTĐT ngành QLXD trình độ đại học. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã được tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công chuyên trách tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Các phòng ban có liên quan huy động toàn bộ nguồn lực GV, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng tiến hành họp phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các BLQ; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu, thông tin MC cần thiết khi có yêu cầu từ Phòng TT-PC-KT-ĐBCL.

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (tên viết tắt CTUT, sau đây gọi là Trường) trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ.

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Giá trị cốt lõi: "Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển".

Triết lý giáo dục: "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

• Đội ngũ cán bộ giảng viên

Tính đến tháng 6/2023, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực thuộc. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường 266 người, trong đó giảng viên cơ hữu 246 người, viên chức quản lý hành chính 20 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Trường có 04 PGS, 47 TS, 189 ThS và 06 ĐH. Trường có thỉnh giảng 45 giảng viên hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 02 PGS, 17 TS, 36 ThS.

- **Hoạt động đào tạo**

Tổng số sinh viên của trường là 5369 sinh viên thuộc 22 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy. Khoa Kỹ thuật xây dựng chịu trách nhiệm đào tạo 02 ngành (Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Quản lý xây dựng) với 522 sinh viên đang học, trong đó ngành Quản lý xây dựng có 248 sinh viên đang học

- **Hoạt động nghiên cứu khoa học**

Trường rất chú trọng công tác NCKH và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2018 tới nay, Trường có 98 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 02 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích; 01 đề tài NCKH cấp huyện đã hoàn tất. Trong năm 2023, Trường có 23 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Tính đến nay, Trường đã có 200 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 240 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có phản biện và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế. Bên cạnh đó, NCKH trong SV cũng được quan tâm, có 35 đề tài sinh viên được nghiệm thu, 13 bài báo sinh viên tham gia xuất bản và một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi khoa học và công nghệ.

Hằng năm, Trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên. Tính đến nay, Trường có 261 báo cáo khoa học cấp khoa, 59 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2023, Trường đã tổ chức được 12 Báo cáo khoa học cấp Khoa và 07 Báo cáo khoa học cấp Trường.

- **Hoạt động phục vụ cộng đồng**

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hằng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc)

tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

• ***Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác***

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các công ty trong và ngoài nước. Tính đến năm 2023, Trường đã ký kết được 15 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học và công ty nước ngoài như: Trường Đại học Ruse (Bulgaria), Trường Đại học Soonchunhyang (Hàn Quốc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Trường Đại học California Baptist (Hoa Kỳ), Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand), Trường Đại học Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản), Trường Đại học Kỹ thuật Hải Dương, Hải Bắc, Hải Nam (Trung Quốc); Các trường đại học, cao đẳng tại Hải Nam (Trung Quốc), Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Long Hoa, Hải Nam (Trung Quốc); Trường Đại học Công nghệ HungKuo Delin, Hải Nam (Trung Quốc), Trường đại học Yuan Ze, Hải Nam (Trung Quốc). Trường hợp tác với Học viện Ngoại ngữ Okayama để mở trung tâm đào tạo Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), Đại học Rajahat Rajanagarinda (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trường đã tổ chức 32 Hội thảo trong nước và quốc tế tại Trường. Trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự. Năm 2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2016, Trường tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Trường với Doanh nghiệp. Năm 2018, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT” và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019. Trong năm 2020, Trường tổ chức 04 Hội thảo trong đó, Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2020. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên

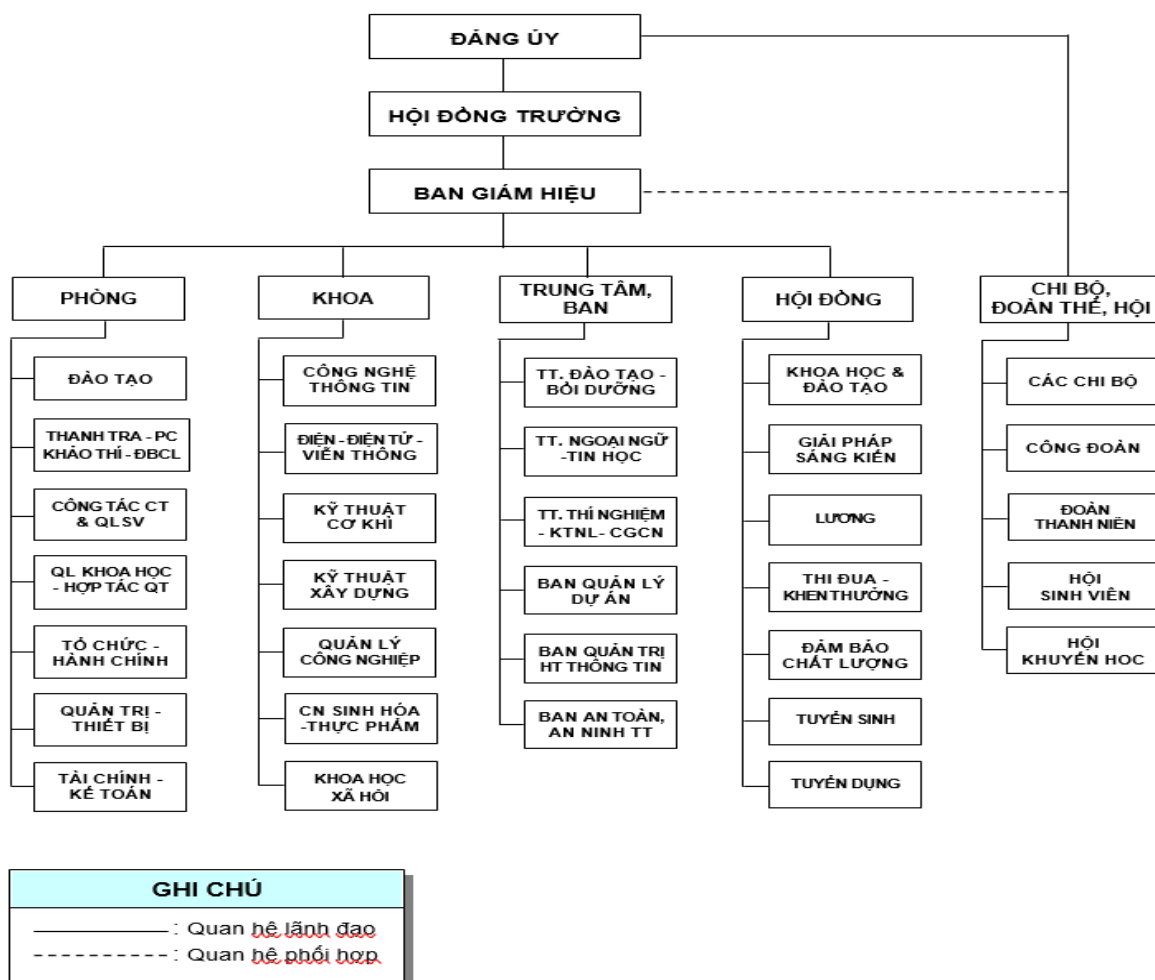
CTUT” và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019. Trong năm 2020, Trường tổ chức 04 Hội thảo trong đó, Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2020. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế “Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT” và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức “Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019. Trong năm 2022, Trường tổ chức 06 Hội thảo, với các chuyên đề về: (1) Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng - Định hướng sáng tạo khởi nghiệp; (2) Cơ điện tử và Tự động hóa lần thứ 1; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin trong nghiên cứu và định hướng việc làm sinh viên; (4) Giải pháp tự động hóa, số hóa cho các doanh nghiệp của Siemens và các vấn đề về khởi nghiệp; (5) Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Khoa; (6) Nâng cao năng lực chuyển đổi số, tự động hóa và quản lý hiệu quả năng lượng trong sản xuất công nghiệp. Và tổ chức chương trình tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng”. Trong năm 2023, Trường tổ chức 06 Hội thảo, chủ đề: (1) Việc làm và kỹ năng mềm theo xu hướng của thị trường lao động; (2) Vấn đề chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tại thành phố Cần Thơ năm 2023; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong ngành xây dựng; (4) Hội thảo "Công nghệ số và chuyển đổi năng lượng xanh cho sản xuất thông minh"; (5) Làm việc - Học tập sau tốt nghiệp đại học; (6) Giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ; (6) Hội thảo về Cơ điện tử và Tự động hoá lần thứ 2.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ gồm Hội đồng trường, Đảng ủy và các đoàn thể, Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng), 07 phòng chức năng, 07 Khoa chuyên môn, 03 Trung tâm, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu.



Hình 0.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường

2.4.2. Giới thiệu về Khoa Kỹ thuật Xây dựng

Khoa KTXD được thành lập theo Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Năm 2021, tổng số CBGV cơ hữu là 21 người, trong đó có 16 CBGV nam và 05 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 CBGV giữ chức vụ Phó trưởng khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Bộ môn QLXD-Thi công (theo Quyết định số 475/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ). Đối với Bộ môn Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn QLXD-Thi công có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Bộ môn, 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa KTXD gồm 01 Chi đoàn CBGV và 08 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa KTXD, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Về trình độ chuyên môn: có 03 CBGV có trình độ Tiến sĩ, 18 CBGV có trình độ Thạc sĩ. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa KTXD đang phụ trách đào tạo 02 ngành trình độ đại học: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Quản lý xây dựng. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa gần 517 SV, trong đó có 248 SV ngành Quản lý xây dựng.

Thường xuyên thực hiện phương châm “Tất cả vì sinh viên thân yêu!”, hằng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Năm 2023, Khoa có khoảng 57 sinh viên tìm hiểu thực tập thực tế ở trên nhiều công trình thi công và tổ chức khoảng 101 sinh viên đi tham quan thực tế tại các địa điểm, công trình xây dựng. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Hằng năm, trong các buổi giao lưu, hội nghị việc làm và hướng nghiệp, Trường cũng mời các doanh nghiệp đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ, định hướng nghề nghiệp cũng như có những phần thưởng nhằm khuyến khích, động viên sinh viên của các ngành thuộc Khoa. Trong năm, Khoa đã tổ chức thành công Chương trình hội thảo chuyên ngành, hướng nghiệp cho sinh viên “Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng – Định hướng sáng tạo khởi nghiệp; Khoa thường xuyên Tổ chức hội thảo về các giải pháp, công nghệ tiên tiến tiếp cận tri thức số hóa, vật liệu xanh, kiến thức chuyên ngành cho sinh viên như: hội thảo “Công nghệ mới Túi vật liệu D-Box; Cọc đá dầm Geopier; Vật liệu nhẹ Lightweight Soil áp dụng tại Đồng bằng sông Cửu Long” (2017); hội thảo “Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà – Vật liệu xây dựng cho công trình xanh – INSEE PRIZE” (2018); “Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà – Vật liệu xây dựng cho công trình xanh – INSEE PRIZE” (2019), hội thảo “Giải pháp ADS Civil trong thiết kế hạ tầng giao thông” (2020) và hội thảo cấp Trường “Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng” (2019), Qua đó tổ chức ký kết hợp tác với Công ty TNHH phần mềm Baezeni năm 2020 hỗ trợ chuyển giao gói phần mềm bản quyền thiết kế hạ tầng ADS Civil cho hệ thống phòng máy thực hành tương đương 2 tỷ. Các chương trình Tọa đàm, hội thảo có nội dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 12/2023, Khoa KTXD đã có hơn 163 sinh viên ngành Quản lý xây dựng tốt nghiệp đã tốt nghiệp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu và CDR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học, ngành đào tạo với nhu cầu đào tạo của XH. Do đó, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, TLGD, chiến lược dài hạn của Nhà trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDĐH đã quy định

tại Luật GDĐH, và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CDR này. Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng, cụ thể: CTĐT ngành QLXD đã thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT trong Quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ [H1.01.01.01], Bản mô tả CTĐT và Đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.02]. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành QLXD bao gồm mục tiêu chung (Được ban hành lần đầu tiên khi mở ngành đào tạo năm 2015, được bổ sung từ năm 2020 và điều chỉnh vào năm 2022) và mục tiêu cụ thể (được bổ sung năm 2020, điều chỉnh năm 2022 và không đổi cho tới hiện nay) như sau:

Về mục tiêu chung: Chương trình đào tạo Đại học chính quy Quản lý xây dựng trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp trong xây dựng và các lĩnh vực liên quan. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về mục tiêu cụ thể

i) Về kiến thức:

PO1: Có kiến thức lý luận chính trị cơ bản như Chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

PO2: Có kiến thức nền tảng về toán học và khoa học tự nhiên đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. Có kiến thức căn bản về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để có thể vận dụng vào thực tế.

PO3: Có kiến thức chuyên môn, hiểu rõ các nguyên lý cơ bản về quản lý xây dựng, ứng dụng các kiến thức tiên tiến về công nghệ kỹ thuật xây dựng; Thể hiện vai trò chủ động của một kỹ sư trong việc sử dụng hiệu quả các công cụ, công nghệ hiện đại vào nghiên cứu, phân tích, đánh giá, quản lý và thi công công trình xây dựng

PO4: Có kiến thức chuyên môn thực hiện việc lên kế hoạch và tổ chức quản lý các dự án liên quan đến lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan.

PO5: Áp dụng kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ lĩnh vực xây dựng.

ii) Về kỹ năng:

PO6: Có các kỹ năng đánh giá, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo,... tạo tiền đề cho việc phối hợp với các ngành khác để giải quyết các vấn đề liên ngành, đa lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực xây dựng.

PO7: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, tự tự nghiên cứu, kỹ năng thích nghi và phát triển trong các môi trường làm việc liên ngành. sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và xử lý các tình huống trong nghề nghiệp, hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo trong lĩnh vực quản lý xây dựng.

PO8: Có kỹ năng lãnh đạo, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

iii) Về mức độ tự chủ trách nhiệm nghề nghiệp:

PO9: Sinh viên làm việc có kế hoạch, khoa học; có tinh thần hợp tác; Có thái độ học tập suốt đời, ý thức tiếp thu kiến thức không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn; Có tinh thần yêu nước, yêu ngành nghề; làm việc theo pháp luật và có ý thức bảo vệ môi trường. Có ý thức khởi nghiệp, giúp sinh viên xây dựng hành trang sẵn sàng khởi nghiệp trong tương lai.

PO10: Sinh viên nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của người kỹ sư trong quản lý và thi công trong lĩnh vực xây dựng, có bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; Có thái độ tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Có ý thức rèn luyện sức khoẻ phục vụ cho ngành nghề.

Nhằm định hướng rõ ràng sứ mạng đã đề ra, mục tiêu đào tạo của Khoa KTXD được thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành QLXD, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa của Trường đã bám sát vào tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.03]. Mục tiêu đào tạo được cập nhật và chỉnh sửa (2 lần) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành QLXD. CTĐT cũng được tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, NH, nhà tuyển dụng) để hoàn thiện mục tiêu đào tạo và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình dạy và học của Khoa KTXD [H1.01.01.04]. [H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT cũng được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong nước (Trường ĐH Công nghệ TP.HCM, Trường Đại học Mở TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM, Trường Đại học Thủy lợi) [H1.01.01.06]. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế [H1.01.01.07]. Và đều được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa [H1.01.01.08].

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành QLXD

	Trường ĐH KTCN CT	Khoa KTXD	Mục tiêu CTĐT ngành QLXD (Áp dụng từ năm 2022)
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Đến năm 2030, trở thành Khoa đào tạo theo định hướng ứng dụng, đem lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng và thái độ tự chủ, trách nhiệm đáp ứng được nhu cầu nhân lực phù hợp với xu thế phát triển của ngành xây dựng trong thời đại công nghiệp lần thứ tư	Chương trình đào tạo Đại học chính quy Quản lý xây dựng trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp trong xây dựng và các lĩnh vực liên quan. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Sứ mạng	Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.	Khoa Kỹ thuật xây dựng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có kiến thức chuyên môn sâu vững và kỹ năng thực hành tốt trong lĩnh vực xây dựng, có khả năng tiếp cận và ứng dụng nghiên cứu khoa học cũng như công nghệ tiên tiến vào thực tiễn, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành xây dựng tại thành phố Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước.	

(Nguồn Khoa KTXD, 2022)

Đồng thời, triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mệnh được rà soát và cụ thể hóa qua mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng (Bảng 1.1.2). Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan của Khoa KTXD về mục tiêu đào tạo CTĐT ngành QLXD phù hợp với triết lý giáo dục năm 2022 với lệ 100% đồng ý từ phía doanh nghiệp, chuyên gia; trên 94% đồng ý từ cựu sinh viên và sinh viên đang học. [H1.01.01.05].

Bảng 1.1.2. Đối sánh sự phù hợp giữa mục tiêu cụ thể chương trình đào tạo ngành QLXD năm 2022 với tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục Trường

[illegible]

	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8	MT9	MT 10
Chất lượng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sáng tạo			X		X		X	X		
Năng động		X	X		X	X	X	X		X
Hội nhập				X				X		
Triết lý giáo dục										
Đức trí									X	
Kỹ năng				X	X	X	X	X		
Sáng tạo			X		X		X	X		
Hội nhập				X				X		

(Nguồn Khoa KTXD, 2022)

Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT QLXD với mục tiêu GDDH của Luật GDDH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể: Đối với mục tiêu chung trong luật GDDH là “*Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành QLXD với mục tiêu GDDH của Luật GDDH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể: Đối với mục tiêu chung trong luật GDDH là “đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” thì mục tiêu chung trong CTĐT ngành QLXD là “Chương trình đào tạo Đại học chính quy Quản lý xây dựng trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực thực hành nghề nghiệp trong xây dựng và các lĩnh vực liên quan. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.*

Bên cạnh đó, Kỹ sư ngành QLXD cũng có năng lực vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ, tin học đáp ứng nhu cầu phát triển và số hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ trong bối cảnh toàn cầu hay có ý thức tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp suốt đời; có đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp; có kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp.

Đối với mục tiêu cụ thể theo Luật GDDH là “*Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*”. Điều này được cụ thể hóa thành 10 mục tiêu cụ thể trong CTĐT ngành QLXD từ PO1 đến PO10 gồm: PO1: Có kiến thức lý luận chính trị cơ bản như Chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. PO2: Có kiến thức nền tảng về toán học và khoa học tự nhiên đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. PO3: Có

kiến thức chuyên môn thực hiện việc lên kế hoạch và tổ chức quản lý các dự án liên quan đến lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan. PO4: Có kiến thức về ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ lĩnh vực xây dựng. PO5: Có kỹ năng đánh giá, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định,... tạo tiền đề cho việc phối hợp với các ngành khác để giải quyết các vấn đề liên ngành, đa lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực xây dựng. PO6 : Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và lãnh đạo làm việc theo nhóm PO7 : Có kỹ năng viết tài liệu mô tả kỹ thuật trên cơ sở nền tảng lý thuyết và thực nghiệm, có khả năng trình bày và thuyết trình. PO8 : Có kỹ năng sử dụng về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng quy định giáo dục Đại học. Vận dụng kiến thức cơ bản để suy tư, khơi dậy ý tưởng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để có thể vận dụng vào thực tế. PO9: Có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội, công việc và môi trường để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội. PO10: Phát triển năng lực các nhân và làm việc nhóm khi phản biện, nhận định và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực có liên quan.

Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD được rà soát và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu xã hội, chiến lược phát triển của trường và luật GDĐH. Theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR như đã đề cập. Khoa KTXD thành lập đội ngũ rà soát, soạn thảo CTĐT là những người có chuyên môn cao và kinh nghiệm thuộc ngành của Khoa và của Trường [H1.01.01.09]. CTĐT được thẩm định và thông qua bởi Hội đồng thẩm định gồm những chuyên gia đến từ các trường đại học có uy tín và các tổ chức kinh doanh và nghề nghiệp ở Việt Nam, Hội đồng KH&ĐT của Khoa, của Trường. Sau khi CTĐT được Hội đồng KH&ĐT thẩm định, Hiệu trưởng Trường ký quyết định ban hành để triển khai vào thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Số lượng khảo sát các bên liên quan về nhu cầu thị trường lao động và góp ý mục tiêu CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường số lượng khảo sát các bên liên quan, trong đó mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp có tuyển dụng người tốt nghiệp ngành QLXD.	Khoa KTXD Phòng ĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa KTXD tiếp tục lập danh sách cụ thể các tổ chức/DN, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT.	Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng trong Quyết định công bố CĐR các ngành đào tạo của Trường ban hành năm 2018, 2020 và 2022 [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Chuẩn đầu ra được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ học phần (HP). CĐR của CTĐT ngành QLXD được xác định và tuyên bố rõ ràng theo các mục tiêu cụ thể: (1) Về kiến thức gồm CĐR, K1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành xây dựng. K2: Vận dụng được các kiến thức toán, khoa học cơ bản phù hợp cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành quản lý xây dựng. K3: Áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin tiên tiến đáp ứng được yêu cầu công việc hằng ngày trong cuộc sống và nghiệp vụ lĩnh vực quản lý xây dựng. K4: Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về kiến trúc, dự toán, quản lý và kiểm soát chất lượng các hoạt động của dự án, thí nghiệm và công nghệ xây dựng tiên tiến, bảo đảm kiến thức nền tảng phục vụ công việc chuyên ngành và các lĩnh vực liên quan. K5: Vận dụng được các

kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát và đảm bảo an toàn và chất lượng trong dự án xây dựng và các lĩnh vực liên quan. (2) Về kỹ năng gồm: S1: Đạt được trình độ tiếng Anh: TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và trình độ tin học cơ bản. S2: Thể hiện khả năng phát triển kiến thức trong việc tuy duy, sáng tạo và phát triển ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và liên ngành. S3: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, phản biện và thích nghi, phát triển trong công việc hằng ngày và các môi trường làm việc liên ngành. S4: Phân tích được các vấn đề và đề xuất các giải pháp, phương án, biện pháp trong quản lý dự án xây dựng quản lý an toàn, quản lý tiến độ, quản lý rủi ro, quản lý hợp đồng, quản lý nhân sự. S5: Lập và thực hiện kế hoạch quản lý dự án xây dựng trong các hoạt động giám sát, quản lý chất lượng, quản lý thi công, dự toán dự án. (3) Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm gồm: C1: Phối hợp tốt trong làm việc nhóm và thể hiện khả năng làm việc độc lập, ý thức về đạo đức, kỷ luật nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, ý thức và khả năng về đảm bảo chất lượng, tiến độ và liên tục cải tiến trong công việc. Qua đó, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp; Có khả năng tự nghiên cứu chuyên sâu, học tập suốt đời để nâng cao trình độ. C2: Đánh giá và thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực chuyên ngành và xử lý tốt các tình huống chuyên môn. C3: Tổ chức, tham gia được việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong triển khai thực hiện các dự án xây dựng. Nhìn chung CĐR (13 CĐR) và triển vọng việc làm sau tốt nghiệp được thiết kế đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định [H1.01.02.03].

CĐR của CTĐT ngành QLXD được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP. Trong đó mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được một trong các CĐR của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QLXD được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào ma trận giữa mục tiêu - CĐR. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QLXD thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn là ngành QLXD và các ngành liên quan khác [H1.01.02.04].

Khoa KTXD đã xây dựng kế hoạch khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR khi xây dựng CTĐT. Thông qua các biên bản đóng góp ý kiến, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT để đáp ứng CĐR phù hợp. Qua đó giúp GV, NH và các DN hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng đào tạo ngành QLXD của trường ĐHKTCNCT [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CDR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Trường, Khoa KTXD khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành QLXD.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy kiến về chuẩn đầu ra chủ yếu tập trung nội bộ trường (giảng viên, sinh viên). Số lượng doanh nghiệp, cựu người học tham gia khảo sát còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường số lượng khảo sát các bên liên quan, trong đó mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp và các trường đại học để góp ý về CDR	Khoa KTXD Phòng ĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát CDR của CTĐT ngành QLXD phản ánh được mục tiêu của CTĐT; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp.	Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CDR của CTĐT, Trường yêu cầu phải thực hiện có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT. Trường phân công Hội đồng KH&ĐT trường, Phòng QLKH-HTQT, Phòng Đào

tạo là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa thực hiện việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT. Qua đó, Khoa KTXD lấy ý kiến của chuyên gia, GV, NH, cựu NH, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức như đóng góp trực tiếp tại hội đồng nghiệm thu CTĐT hoặc bằng phiếu khảo sát [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Quá trình rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo kế hoạch định kỳ chung của trường, trên cơ sở đó, giai đoạn 2018-2023, Khoa KTXD tiến hành rà soát CĐR của CTĐT 03: lần thứ nhất vào năm 2018; lần thứ hai vào năm 2020 rà soát bổ sung kiến thức kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; lần gần nhất vào năm 2022 rà soát cập nhật các động từ theo khung trình độ quốc gia. Năm 2022 Hội đồng KH&ĐT Trường họp rà soát và ban hành quyết định thông qua CĐR của CTĐT ngành QLXD định hướng ứng dụng, đồng thời cập nhật, chỉnh sửa CĐR của CTĐT ngành QLXD định hướng trên. Tất cả các kết quả của việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa được thể hiện bằng biên bản, Khoa sẽ sử dụng làm căn cứ xây dựng CĐR của CTĐT gửi về Phòng Đào tạo, trình qua HĐ KH & ĐT Trường để họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành công khai bằng nhiều hình thức đến các Khoa, phòng chức năng GV, NH để thực hiện [H1.01.03.04].

CĐR của CTĐT ngành QLXD phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CĐR được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành QLXD, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan khi cập nhật CTĐT ngành QLXD, Khoa KTXD chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành đào tạo. Đó là sự cam kết của Khoa, Nhà trường với xã hội về chất lượng đào tạo đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.03.03].

CĐR của CTĐT ngành QLXD được rà soát, cập nhật theo kế hoạch cập nhật chỉnh sửa của CTĐT từ năm 2018, 2020 và 2022 với những nội dung được biên soạn theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện CĐR của CTĐT được ban hành mỗi năm cùng với CTĐT. Năm 2022, nhà trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại CĐR của CTĐT. Khoa có lập kế hoạch đề xuất nhóm chuyên môn cùng nhau thảo luận và rà soát bảng ma trận của các HP với CĐR, để khẳng định sự phù hợp của CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H1.01.03.04].[H1.01.03.05].

Bảng 1.3.1. Đối sánh phiên bản chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QLXD qua các năm 2018, 2020 và năm 2022

Chuẩn đầu ra		
QLXD 2018	QLXD 2020	QLXD 2022
<i>Kiến thức</i>		
Chuẩn đầu ra 1 (PLO 1): Nắm vững và vận dụng tốt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; An ninh quốc phòng và thể lực; Các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và ngoại ngữ.	Chuẩn đầu ra 1 (PLO 1): Nắm vững và vận dụng tốt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; An ninh quốc phòng và thể lực; Các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và ngoại ngữ.	K1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành xây dựng.
Chuẩn đầu ra 2 (PLO 2): Tiếp thu tốt các kiến thức về pháp luật, kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên một cách logic và tích cực.	Chuẩn đầu ra 2 (PLO 2): Tiếp thu tốt các kiến thức về pháp luật, kiến thức cơ bản về toán học, khoa học tự nhiên một cách logic và tích cực. Nắm vững kiến thức căn bản về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để có thể vận dụng vào thực tế.	K2: Vận dụng được các kiến thức toán, khoa học cơ bản phù hợp cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành quản lý xây dựng
Chuẩn đầu ra 3 (PLO 3): Khả năng ứng dụng các kiến thức về toán, khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng.	Chuẩn đầu ra 3 (PLO 3): Khả năng ứng dụng các kiến thức về toán, khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng.	K3: Áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin tiên tiến đáp ứng được yêu cầu công việc hằng ngày trong cuộc sống và nghiệp vụ lĩnh vực quản lý xây dựng
Chuẩn đầu ra 4 (PLO 4): Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực quản lý xây dựng.	Chuẩn đầu ra 4 (PLO 4): Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực quản lý xây dựng.	K4: Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về kiến trúc, dự toán, quản lý và kiểm soát chất lượng các hoạt động của dự án, thí nghiệm và công nghệ xây dựng tiên tiến, bảo đảm kiến thức

Chuẩn đầu ra		
QLXD 2018	QLXD 2020	QLXD 2022
		nền tảng phục vụ công việc chuyên ngành và các lĩnh vực liên quan
Chuẩn đầu ra 5 (PLO 5): Hiểu và vận dụng tốt những kiến thức chuyên ngành về kiến trúc, kết cấu, nền móng quản lý, quản trị và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực quản lý xây dựng.	Chuẩn đầu ra 5 (PLO 5): Hiểu và vận dụng tốt những kiến thức chuyên ngành về kiến trúc, kết cấu, nền móng quản lý, quản trị và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực quản lý xây dựng.	K5: Vận dụng được các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều hành, giám sát và đảm bảo an toàn và chất lượng trong dự án xây dựng và các lĩnh vực liên quan
Kỹ năng		
Chuẩn đầu ra 10 (PLO 10): Có khả năng đọc hiểu và viết được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra 10 (PLO 10): Có khả năng đọc hiểu và viết được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh	S1: Đạt được trình độ tiếng Anh: TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và trình độ tin học cơ bản
Chuẩn đầu ra 11 (PLO 11): Có kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình, tổng hợp, đánh giá, phân tích vấn đề tìm kiếm và sử dụng các tài liệu chuyên môn phục vụ cho công việc.	Chuẩn đầu ra 11 (PLO 11): Có kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình, tổng hợp, đánh giá, phân tích vấn đề tìm kiếm và sử dụng các tài liệu chuyên môn phục vụ cho công việc.	S2: Thể hiện khả năng phát triển kiến thức trong việc duy, sáng tạo và phát triển ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và liên ngành.
Chuẩn đầu ra 12 (PLO 12): Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm kỹ năng thích nghi và phát triển trong các môi trường làm việc liên ngành.	Chuẩn đầu ra 12 (PLO 12): Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm kỹ năng thích nghi và phát triển trong các môi trường làm việc liên ngành.	S3: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, phản biện và thích nghi, phát triển trong công việc hằng ngày và các môi trường làm việc liên ngành

Chuẩn đầu ra		
QLXD 2018	QLXD 2020	QLXD 2022
Chuẩn đầu ra 13 (PLO 13): Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng phần mềm chuyên ngành trong thiết kế thi công và quản lý dự án xây dựng	Chuẩn đầu ra 13 (PLO 13): Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng phần mềm chuyên ngành trong thiết kế thi công và quản lý dự án xây dựng	S4: Phân tích được các vấn đề và đề xuất các giải pháp, phương án, biện pháp trong quản lý dự án xây dựng quản lý an toàn, quản lý tiến độ, quản lý rủi ro, quản lý hợp đồng, quản lý nhân sự ...
		S5: Lập và thực hiện kế hoạch quản lý dự án xây dựng trong các hoạt động giám sát, quản lý chất lượng, quản lý thi công, dự toán dự án.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
Chuẩn đầu ra 14 (PLO 14): Có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp; Có khả năng tự nghiên cứu chuyên sâu để nâng cao trình độ	Chuẩn đầu ra 14 (PLO 14): Có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp; Có khả năng tự nghiên cứu chuyên sâu để nâng cao trình độ. Có ý thức học tập kiến thức khởi nghiệp, kiến thức tổ chức quản lý để thực hiện các công việc khởi nghiệp, kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và liên quan.	C1: Phối hợp tốt trong làm việc nhóm và thể hiện khả năng làm việc độc lập, ý thức về đạo đức, kỷ luật nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, ý thức và khả năng về đảm bảo chất lượng, tiến độ và liên tục cải tiến trong công việc. Qua đó, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp; Có khả năng tự nghiên cứu chuyên sâu, học tập suốt đời để nâng cao trình độ.
Chuẩn đầu ra 15 (PLO 15): Có khả năng nhận định và đưa ra được kết luận thể hiện quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực chuyên ngành và xử lý tốt các tình huống chuyên	Chuẩn đầu ra 15 (PLO 15): Có khả năng nhận định và đưa ra được kết luận thể hiện quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực chuyên ngành và xử lý tốt các tình	C2: Đánh giá và thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực chuyên ngành và xử lý tốt các tình huống chuyên môn.

Chuẩn đầu ra		
QLXD 2018	QLXD 2020	QLXD 2022
môn.	huống chuyên môn.	
Chuẩn đầu ra 16 (PLO 16): Ý thức về đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thái độ kiên trì, kỷ luật trung thực khách quan trong công việc. Có khả năng hợp tác và làm việc nhóm. Có ý thức và khả năng về đảm bảo chất lượng, tiến độ và liên tục cải tiến trong công việc. Có tư duy tích cực, thể lực tốt, yêu ngành nghề và đất nước.	Chuẩn đầu ra 16 (PLO 16): Ý thức về đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thái độ kiên trì, kỷ luật trung thực khách quan trong công việc. Có khả năng hợp tác và làm việc nhóm. Có ý thức và khả năng về đảm bảo chất lượng, tiến độ và liên tục cải tiến trong công việc. Có tư duy tích cực, thể lực tốt, yêu ngành nghề và đất nước.	C3: Tổ chức, tham gia được việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong triển khai thực hiện các dự án xây dựng.

(Nguồn Khoa KTXD, 2022)

CĐR của CTĐT ngành QLXD được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của Trường với xã hội về chất lượng đào tạo, đồng thời cũng là để CB quản lý, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn [H1.01.03.06].

Trường ban hành CĐR của ngành QLXD đã được điều chỉnh và gửi đến Khoa để thực hiện cũng như thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện. CĐR của ngành QLXD đồng thời được thể hiện trong ma trận kỹ năng và CĐR học phần được thể hiện trong đề cương học phần. CĐR của CTĐT ngành QLXD được đăng tải trên website của Trường, của Khoa KTXD; niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT. Bên cạnh đó, Trường và Khoa KTXD phổ biến đến SV về CĐR của CTĐT ngành QLXD tại Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H1.01.03.06]. Ngoài ra, tại buổi học đầu

tiên, GV bộ môn phổ biến đến SV đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần [H1.01.03.07].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành QLXD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động.

CĐR của CTĐT ngành QLXD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT. Trong đó CĐR của CTĐT năm 2020 đã bổ sung các kiến thức căn bản về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo để sinh viên có thể vận dụng vào thực tế. Gần đây nhất thì CĐR của CTĐT năm 2022 đã được rà soát và viết lại cho phù hợp với khung trình độ quốc gia bậc đại học

CĐR của CTĐT ngành QLXD được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCHP.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng CĐR chưa mở rộng lấy ý kiến được nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng do mạng lưới kết nối doanh nghiệp, nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành QLXD còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Giai đoạn 2024 - 2026, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa KTXD tăng cường tìm kiếm và kết nối với các nhà tuyển dụng có nhu cầu tuyển dụng sinh viên ngành QLXD và tiến tới ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng, mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý GD, các DN, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CĐR của CTĐT và kết quả đầu ra của NH	Khoa KTXD Phòng ĐT	Hằng năm	
2	Phát huy	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa	Khoa	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	KTXD tiếp tục rà soát cập nhật CDR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.	KTXD		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CDR của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT ngành QLXD xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. CDR của CTĐT ngành QLXD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu NH và nhu cầu của thị trường lao động. CDR của CTĐT ngành QLXD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. CDR của CTĐT ngành QLXD được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành QLXD chưa nhiều. Số lượng cựu NH, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CDR của CTĐT ngành QLXD còn hạn chế. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành QLXD ký kết hợp tác với Khoa KTXD chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành QLXD được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa KTXD gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, PP KT&DG KQHT của người học. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành QLXD có đầy đủ các nội dung. Từ năm 2015, ngành QLXD được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo theo Quyết định số 658/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01]. Đến năm 2018, CTĐT được điều chỉnh. Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính như sau: Tên CTĐT; tên gọi của văn bằng; cơ sở đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc CTĐT; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Ma trận kỹ năng; Nội dung tóm tắt các học phần; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.02]. Bản mô tả CTĐT tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật vào năm 2020, năm 2022 [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT ngành QLXD được rà soát và cập nhật những vấn đề mới có liên quan đến các nội dung về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT và ma trận kỹ năng. Đến nay, Khoa đã có 03 phiên bản mô tả CTĐT của các năm 2018, 2020 và 2022. Giai đoạn 2015 đến 2018, CTĐT ngành QLXD được xây dựng và áp dụng đào tạo nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) Mục tiêu đào tạo; (ii) CDR; (iii) Kế hoạch giảng dạy, (iv) ĐCCT các học phần [H2.02.01.05]. Năm 2018, Khoa tiếp tục cập nhật, điều chỉnh theo hướng quốc tế hoá mục tiêu đào tạo và CDR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, PP đánh giá hiệu quả, cùng với nhiều học phần mới gắn liền với sự phát triển của ngành, phù hợp với điều kiện CSVN của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và bắt đầu xây dựng bản mô tả vào thời gian này. Năm 2019, do Bộ GD&ĐT điều chỉnh tên và số tín chỉ các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất và quy định cụ thể tổng số tín chỉ tối thiểu đạt được của chương trình đào tạo cử nhân và kỹ sư nên bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo yêu cầu của BGDĐT. So với năm 2018, năm 2020 và 2022 số tín chỉ tăng lên là 15 (2018 là 135 tín chỉ, năm 2020 và 2022 là 150

tín chỉ), cập nhật thêm các môn chuyên đề để đáp yêu cầu. Đồng thời, thêm môn học Thực tập tốt nghiệp để tăng cường các kỹ năng làm việc cho sinh viên. Hằng năm, Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo kế hoạch [H2.02.01.06]. Trong quá trình điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành QLXD năm 2018, 2020 và 2022, Trường đã tham khảo ý kiến các BLQ: Trường (cán bộ quản lý), giảng viên, người học, cựu người học, người sử dụng lao động, các chuyên gia, đồng thời tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước và của nước ngoài: Trường ĐH Công nghệ TP. HCM, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. HCM, Trường ĐH Mở TP. HCM và ĐH Thủy Lợi [H2.02.01.04], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09].

Thông tin về Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh, tuần sinh hoạt công dân SV đầu năm học và trang thông tin điện tử của Khoa, Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học [H2.02.01.10], [H2.02.01.11]. Từ đó, các BLQ có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng CTĐT thiết thực hơn.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QLXD thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ một cách rõ ràng thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức giúp các BLQ dễ tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Thời lượng thực tập cho kỹ sư QLXD còn hạn chế ảnh hưởng đến việc làm quen nghề nghiệp sau này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để tăng cường cơ sở thực tập cho NH. Đồng thời, Khoa KTXD tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH khác	Khoa KTXD	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		theo định kỳ để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT ngành QLXD và thông báo đến các BLQ trong và ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Trình tự các môn học được thiết kế hợp lý giúp NH tiếp thu kiến thức hiệu quả.	Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu và phương pháp xây dựng ĐCCT HP, theo đó tất cả (100%) ĐCCT HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: tên đơn vị phụ trách, tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên HP (tiếng việt và tiếng anh); số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H2.02.02.01].

Tất cả (100%) ĐCCT HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch chung của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, ĐCCT HP của CTĐT ngành QLXD được rà soát, điều chỉnh 03 lần và vào các năm 2018, 2020, và 2022 trong đó điều chỉnh lớn vào năm 2018 và 2020 [H2.02.02.02]. Trường ban hành quy định, hướng dẫn về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCCT HP ngành QLXD.

So với năm 2018 thì lần rà soát điều chỉnh năm 2020 và năm 2022 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CĐR; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT; bổ sung (18 HP) và hủy HP (14 HP), điều chỉnh mã HP (2 HP); chỉnh sửa về hình thức trình bày, điều chỉnh biểu biểu mẫu đề cương theo Quyết định 218/QĐ-ĐHKTCN ngày 10 tháng 06 năm 2019 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; PP giảng dạy - học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài

liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, ...); bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT. So với năm 2018, 2020 thì lần rà soát năm 2022 là điều chỉnh chủ yếu tập trung vào mục tiêu đào tạo và CĐR, đồng thời điều chỉnh ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT, điều chỉnh và cập nhật nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo), điều chỉnh phân bổ số tín chỉ giữa các học kỳ hợp lý hơn [H2.02.02.03]. [H2.02.02.04], [H2.02.02.05]. Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc [H2.02.02.06].

Tất cả các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường và của Khoa; qua tuần sinh hoạt công dân đầu năm của NH, và gửi trực tiếp cho NH qua thông qua cuộc họp cố vấn học tập hàng tháng [H2.02.02.07], [H2.02.02.08]

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành QLXD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT vào năm 2015 và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020. ĐCCT học phần ngành QLXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2018, 2020 và 2022. Từ năm 2020, CTĐT đã bổ sung 5 HP thực tập để đảm bảo NH được tiếp cận các kiến thức thực tiễn.

ĐCCT HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật. Đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành QLXD. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của NH theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát CTĐT được lấy ý kiến các bên liên quan. Tuy nhiên, Khoa KTXD chưa định kỳ tổ chức hội thảo chuyên đề góp ý CTĐT từ các chuyên gia, nhà khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Giai đoạn 2024 -2028, định kỳ Khoa KTXD tổ chức hội nghị chuyên đề góp ý về CTĐT có sự tham gia đầy đủ chuyên gia, nhà khoa học.	Khoa KTXD	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật ĐCCT HP đúng theo quy định hiện hành và phù hợp với xu thế phát triển của ngành QLXD.	Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT (Quyết định số 283/QĐ-ĐHKTCN ngày 26/6/2018, số 641/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, số 643/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, số 496/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022) và ĐCCT (Quyết định số 283/QĐ-ĐHKTCN ngày 26/6/2018, số 641/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, số 643/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020, số 496/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/6/2022) sau khi được cập nhật bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa và phê duyệt chính thức để áp dụng [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT và tất cả ĐCCT HP được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyển sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa, công bố thông qua website của Trường và của Khoa, và sinh hoạt CVHT đầu năm [H2.02.03.02] [H2.02.03.03] [H2.02.03.02]. Qua đó, NH có thể tiếp cận về nội dung của học phần để lựa chọn học phần phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT học phần được GV giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể.

Ý kiến các BLQ về lĩnh vực hoạt động giảng dạy cho thấy, 100% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”; trên 70% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng”;

83% Cựu NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng”; 100% nhà sử dụng lao động được hỏi đều đồng ý bản mô tả CTĐT được thông tin một cách đầy đủ [H2.02.03.04].

Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả học phần ngành QLXD đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp. Vì vậy, GV và NH luôn được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP [H2.02.03.03].

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa KTXD xây dựng và ban hành Bản Mô tả CTĐT ngành QLXD với đầy đủ các thông tin theo đúng quy định được ban hành và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được thông báo trực tiếp đến NH và cập nhật ghi nhận ý kiến trực tiếp từ NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp, diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH [H2.02.03.05].

Bản Mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành QLXD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các BLQ dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học

ĐCCT học phần ngành QLXD được thông báo đến sinh viên ngay tại buổi học đầu tiên [H2.02.03.07].

Hàng năm, Nhà trường khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC học phần.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành QLXD đến các BLQ. Hiện nay, chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả và mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành QLXD đến các bên liên quan.	Khoa KTXD	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành QLXD và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP ngành QLXD đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật kịp thời. ĐCCT HP được thiết kế và chuẩn hóa đúng quy định, liên tục được cập nhật và đáp ứng xu thế phát triển của xã hội.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, các GV, cựu NH, các BLQ.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Định kỳ Khoa KTXD vẫn còn hạn chế về việc tổ chức hội nghị chuyên đề góp ý về CTĐT có sự tham gia đầy đủ chuyên gia, nhà khoa học. Chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả và mức độ tiếp cận của các BLQ về CTĐT và ĐCCT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2

Có 3/3 tiêu chí đạt mức 5,0. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu: Chương trình dạy học trình độ ĐH ngành QLXD được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành QLXD trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành QLXD được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR

1. Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của Trường [H3.03.01.01]. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành QLXD. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02].

Trong CTDH, mỗi HP có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR, cụ thể theo ma trận kỹ năng [H3.03.01.03]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR, được thể hiện ở Bảng 3.1.1. Theo đó, CTDH năm 2018 gồm 135 tín chỉ, năm 2020 và 2022 là 150 tín chỉ. Năm 2018 số lượng HP thực tập là 10, năm 2020 và 2022 số lượng HP thực tập là 14. Từ năm 2020, NH thực hiện HP tốt nghiệp bằng Khóa luận tốt nghiệp hoặc HP Thực tập tốt nghiệp có số tín chỉ là 10 (*không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Bảng 3.1.1. Phân bổ kiến thức CTĐT QLXD

Nội dung	2018			2020			2022		
	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng
Tổng số tín chỉ	119	16	135	129	22	151	129	22	151
Khối kiến thức GDTC, GDQP	11	0	<i>Không bao gồm</i>	11	0	<i>Không bao gồm</i>	11	0	<i>Không bao gồm</i>
1. Kiến thức đại cương	35	2	37 (27,41%)	35	2	39 (24,5%)	35	2	39 (24,5%)
2. Kiến thức chuyên nghiệp	72	16	98 (72,59%)	93	20	113 (74,8%)	93	20	113 (74,8%)
2.1. KT. Cơ sở ngành	42	0	42 (28,89%)	38	0	38 (25,2%)	38	0	38 (25,2%)
2.2. KT Chuyên ngành	26	4	37 (27,41%)	41	10	51 (33,8%)	41	10	51 (33,8%)
2.3. KT Thực tập	10	0	10 (7,41%)	14	0	14 (9,3%)	14	0	14 (9,3%)
2.4. KT Tốt nghiệp	2	10	12 (8,89%)	0	10	10 (6,6%)	0	10	10 (6,6%)
3. Thời gian	4,0 năm			4,5 năm			4,5 năm		

Nội dung	2018			2020			2022		
	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng
đào tạo									

(Nguồn Khoa KTXD, 2022)

2. Điểm mạnh

CTDH ngành QLXD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Số lượng lấy ý kiến của các BLQ về mức độ phù hợp của CTDH còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐCCT HP để từ đó áp dụng trong phương pháp giảng dạy nhằm đạt CĐR. Trường và Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.	Khoa KTXD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GDĐT. CTDH ngành QLXD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm	Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

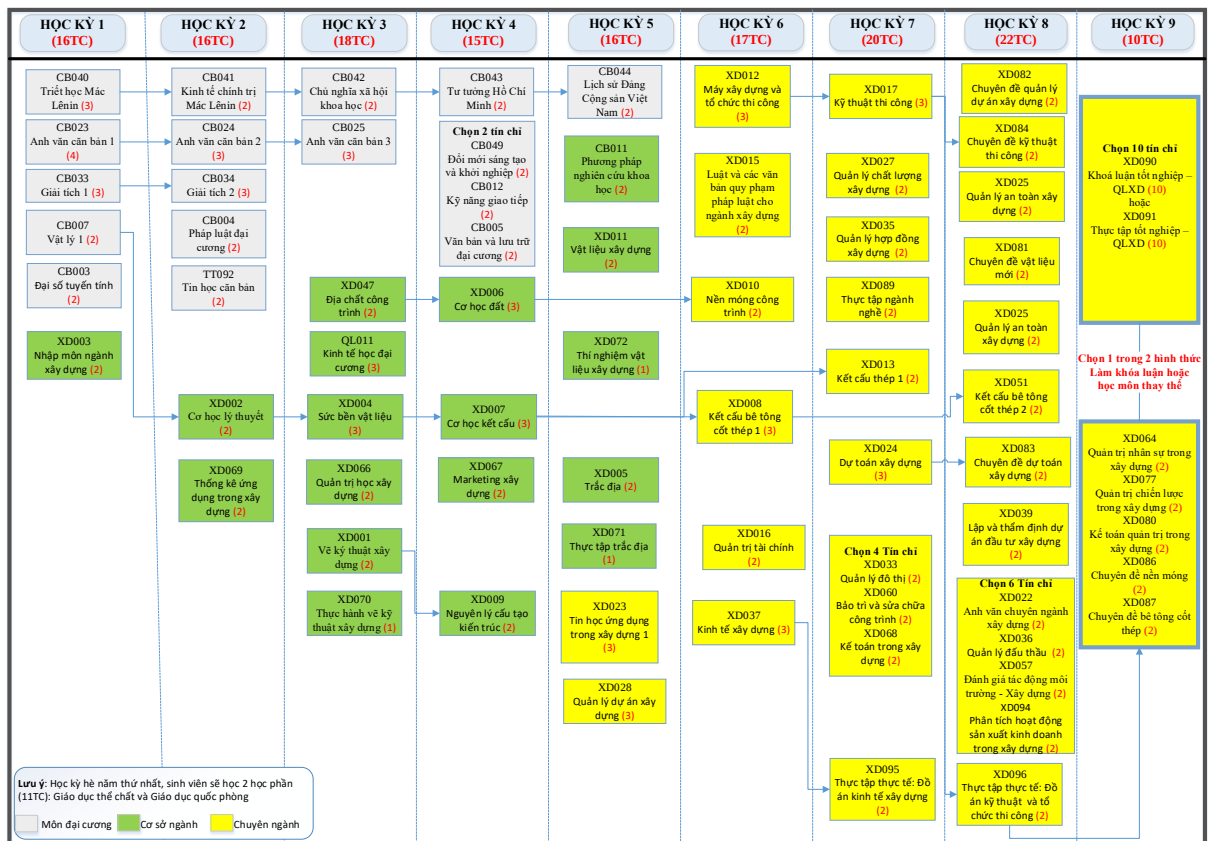
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các HP trong CTDH được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của NH thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR. Trên cơ sở đó, xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR HP. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCCT HP, Ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT. Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc HP về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV. Đối với các HP có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các HP được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR. Ma trận đáp ứng giữa các HP và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng [H3.03.02.03].

Các HP được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR, cụ thể được mô tả ở hình 3.2.1 như sau:



Hình 3.2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành QLXD

Các HP tự chọn được thiết kế giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Tỷ lệ tín chỉ học phần tự chọn chiếm khoảng 14,6% trong CTĐT.

100% HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, PP KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CĐR. Các PP giảng dạy, PP KTĐG phù hợp với từng học phần được quy định rõ trong ĐCCT của từng học phần. 90% NH hài lòng về môn học, 100% NH hài lòng về PP dạy học và PP KTĐG [H3.03.02.04].

Sau mỗi học phần, NH tham gia khảo sát, đóng góp ý kiến đối với nội dung các HP. Hằng năm, phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổng hợp các góp ý, các đánh giá của các BLQ về sự phù hợp nội dung của HP để đáp ứng CĐR [H3.03.02.05]. Các ý kiến này là cơ sở để Khoa cập nhật nội dung các môn học để đáp ứng CĐR. Kết quả khảo sát cho thấy 90% các BLQ nhận định rằng nội các môn học đáp ứng được CĐR.

2. Điểm mạnh

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. 100% các HP trong CTDH đều có phương pháp dạy và học, KTĐG phù hợp với CĐR. Mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR.

Nội dung các HP trong CTDH được xây dựng và điều chỉnh hợp lý dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ theo định kỳ nhằm đảm bảo đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến của các BLQ góp ý cho nội dung HP còn ít. Số lượng ý kiến của NH về phương pháp đánh giá còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các BLQ tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng cường lấy ý kiến góp ý của NTD và cựu SV về công tác xây dựng CĐR của mỗi HP. Tăng cường số lượng HP thực tập.	Khoa KTXD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát CTDH, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành QLXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR	Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành QLXD được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực QLXD [H3.03.03.01].

CTDH ngành QLXD được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức: kiến thức đại

cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp được gắn kết chặt chẽ với nhau thể hiện qua hình 3.2.1.

100% các HP trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4,5 năm. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các HP thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn trên giảng đường. Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực QLXD trong tương lai.

CTDH có 150 tín chỉ, được chia thành 9 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH, gồm: CTDH được thể hiện qua trình tự các HP theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các HP ở học kỳ trước là nền tảng cho các HP ở học kỳ tiếp theo [H3.03.03.02].

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của hai năm học đầu tiên (từ học kỳ I đến học kỳ IV). Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như HP Nhập môn ngành QLXD được giảng dạy ngay học kỳ I của CTĐT. Các học phần chuyên ngành cơ bản được bố trí theo trình tự từ các HP như Thống kê ứng dụng trong xây dựng cho đến các HP Kinh tế học đại cương. Đến năm học thứ ba (học kỳ V đến học kỳ IX), NH tập trung học các HP chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT. Qua đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CĐR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.03].

Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CTDH ngành QLXD được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H3.03.03.07], [H3.03.03.08]. Dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan như NH, GV và nhà tuyển dụng, CTDH được điều chỉnh để phù

hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động [H3.03.03.09].

Từ năm 2015 đến nay, CTDH ngành QLXD đã trải qua những lần thay đổi lớn vào năm 2018, 2020 và 2022 được Hội đồng KH&ĐT Khoa KTXD phê duyệt để triển khai chính thức. CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa KTXD đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTDH của một số CSGD uy tín khác trong nước như Trường Đại học Công nghệ TP. HCM, Trường ĐH Mở TP. HCM, Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TP. HCM, và Trường Đại học Thủy lợi [H3.03.03.10], [H3.03.03.11], [H3.03.03.12].

Đồng thời, CTDH có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các HP phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như: Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp, kỹ năng giao tiếp, quản lý dự án, kỹ thuật thi công.... Ngoài ra, ở học kỳ cuối của CTDH, NH có thể lựa chọn làm Khóa luận tốt nghiệp (*nếu đủ điều kiện*) hoặc Thực tập tốt nghiệp hoặc học các môn thay thế. Các HP này được lựa chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của NH. Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế hợp lý trong tổng số tín chỉ của CTDH chiếm 14.6%. Nhờ vậy, NH có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06].

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH ngành QLXD được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liền mạch tạo thành một khối thống nhất.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế về nội dung HP, phương pháp KTĐG. Việc đối sánh CTDH chưa đi sâu vào nội dung HP, phương pháp KTĐG

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD tăng cường tham khảo ý kiến các BLQ về nội dung HP,	Khoa KTXD	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	tại	phương pháp KTĐG. Tham khảo CTDH của các trường Đại học để điều chỉnh CTDH ngành QLXD theo hướng cập nhật liên tục, nhằm cải tiến chương trình một cách hiệu quả.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát CTDH ngành QLXD đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.	Khoa KTXD	Hằng năm	

5 Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Trường Đại học KT-CN Cần Thơ, Khoa KTXD đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình dạy học của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các BLQ nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành QLXD được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các DN sử dụng các NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Một số HP không thuộc Khoa quản lý chưa có tổ hợp các phương pháp KTĐG để đạt CDR. Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CDR của CTĐT và CDR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về

cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội dung và sự đóng góp chi tiết của từng HP để đạt CĐR của CTĐT. Việc tiếp thu ý kiến của các BLQ về CTDH còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay triết lý giáo dục là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở đào tạo xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, Khoa KTXD, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo triết lý giáo dục.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD hoặc mục tiêu giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường Năm 2017 là “Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn” được thể hiện trong Brochure quảng bá tuyển sinh của Trường. Đến năm 2020 và năm 2021 Trường tiếp tục triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH quyết định TLGD là “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của giáo dục đại học. TLGD của Trường được xác định là: “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và được ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHKTCN ngày 16 tháng 01 năm 2020. Ngày 19 tháng 02 năm 2020, Hội đồng Trường đã ra Quyết định số 11/QĐ-HĐT ban hành đề cương chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó công bố Triết lý

giáo dục của Trường. Đến năm 2021, Quyết định số 331/QĐ-ĐHKTCN ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung SM, TN của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ và vẫn giữ nguyên Triết lý giáo dục “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập”. TLGD của Trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường và BGH xác định dựa trên SM, TN và Kế hoạch định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. [H4.04.01.01].

TLGD của Trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện. Chiến lược phát triển Trường hướng đến năm 2030 cũng cụ thể hóa TN, SM, TLGD và Khoa thống nhất và truyền tải thành Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa KTXD giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030 đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành năm 2020 và được công bố rộng rãi trên website Khoa. Đồng thời, triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mệnh được rà soát và cụ thể hóa qua mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị cũng như tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để CB, GV, NV, SV biết và hiểu về TLGD của Trường. Trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến về TLGD của Trường, trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. TLGD của Trường còn được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay SV [H4.04.01.02]. Ngoài ra, TLGD của Trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường, Văn phòng khoa để phổ biến đến GV, NV, NH, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. SV còn được phổ biến TLGD thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa. GV thường xuyên được phổ biến để chuyển tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học tại các buổi họp chuyên môn [H4.04.01.03].

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV về TLGD. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường. Năm 2019, nhằm thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục hiệu quả, Trường ban hành hướng dẫn số 370/HD-ĐHKTCN ngày 23/12/2019 hướng dẫn rà soát, điều chỉnh và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục. Ngoài ra, Nhà trường xác định mục tiêu liên tục hoàn thiện và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong. Trường đã ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng nhằm phổ biến và triển khai tất cả nội dung, quy trình

của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động và sinh viên của Trường, trong đó công khai về SM, TN, TLGD [H4.04.01.04]. Trường đã khảo sát các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với Triết lý giáo dục của Trường. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy: CB, VC và NLD tiếp cận những thông tin về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường nhiều nhất qua trang thông tin điện tử của Trường/Khoa (100%); Đối với mức độ thấu hiểu về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường, 100 % CB, VC và NLD trả lời có tìm hiểu. Đồng thời, kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan của Khoa KTXD về mục tiêu đào tạo CTĐT ngành QLXD phù hợp với triết lý giáo dục năm 2022 với lệ 100% đồng ý từ phía doanh nghiệp, chuyên gia; trên 94% đồng ý từ cựu sinh viên và sinh viên đang học. [H4.04.01.05].

2. Điểm mạnh

TLGD của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Trường tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo -Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu NH tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Giai đoạn 2024-2027, Trường, Khoa KTXD tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm và đa dạng hóa các kênh khảo sát, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan bên ngoài nhà trường nhằm nâng cao chất lượng xây dựng và triển	Khoa KTXD Phòng ĐT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		khai triết lý giáo dục			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa tiếp tục tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường	Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. Để thực hiện triết lý giáo dục “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập”, Trường và Khoa đã chỉ đạo và thực hiện các quy trình xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp với TN, SM, TLGD. Đồng thời, xây dựng CĐR phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo. CĐR của CTĐT ngành Quản lý xây dựng bao gồm các yêu cầu về kiến thức chung giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, phẩm chất đạo đức. Trường ban đánh giá cao hoạt động dạy và học, thường xuyên rà soát và ban hành hướng dẫn số 845/DH-ĐHKTCN ngày 30/10/2020, cập nhật hướng dẫn số 147/DH-ĐHKTCN ngày 21/02/2023 nhằm hướng dẫn xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường ĐHKTCNCT, trong đó hướng dẫn các phương pháp giảng dạy tích cực và các phương pháp học tập. Đồng thời, để hiệu quả hơn trong hoạt động giảng dạy, Trường cũng ban hành quy định 609/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 12/12/20219 về tổ chức quản lý đào tạo trong đó có quản lý hoạt động dạy, học và thực tập. Từ đó, dựa vào CĐR của CTĐT để xác định CĐR của từng HP, Trường tổ chức các khóa tập huấn cho SV về kỹ năng tự học, phương pháp học tập đại học nhằm giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR, từ đây GV xây dựng hoạt động dạy giảng dạy và học đa dạng, phù hợp với CĐR của HP để sinh viên đạt được chuẩn đầu ra như Phương pháp tích hợp, Phương pháp lấy người học làm trung tâm; phương pháp trải nghiệm (thực tập, đồ án); phương pháp học tập hợp tác (làm việc nhóm)... Trong các phương pháp này, có phương pháp áp dụng cho tất cả các HP, có

phương pháp chỉ áp dụng cho một nhóm HP. Nhiều học phần có tích hợp các phương pháp giảng tích hợp thảo luận, thuyết trình nhóm trên lớp, kết hợp đánh giá theo chuẩn đầu ra cuối kỳ để NH rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự làm việc, tự học để tăng tính chủ động sáng tạo cho NH như các học phần Phương pháp nghiên cứu Khoa học, chuyên đề kỹ thuật thi công, luật xây dựng, quản lý dự án xây dựng Cấu trúc chương trình đào tạo ngành QLXD tích hợp và hệ thống các học phần từ cơ bản đến chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực tiễn, các học phần trải nghiệm như thực tập thực tế đồ án kỹ thuật thi công, thực tập thực tế đồ án kinh tế xây dựng, thực tập thực tế. Từ việc tiếp thu kết quả khảo sát doanh nghiệp, nhà tuyển dụng năm 2020, học phần thực tập tốt nghiệp được cập nhật giúp người học sẽ có kinh nghiệm thực tế, thực tập trong các công ty xây dựng kết hợp với báo cáo và phản biện về nội dung đã thực tập.

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc cho NH. Ngoài ra, ĐC học phần được thông báo, phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau như website Khoa, Trường. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Việc tổ chức các hoạt động thực tập và thực hành nên được thiết kế một cách chủ động, khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào quá trình học tập. Sinh viên có thể được giao nhiệm vụ thực hiện các bài toán thiết kế, quản lý và triển khai các dự án tham khảo thực tế, từ đó áp dụng lý thuyết vào thực tiễn và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề. Các giảng viên hướng dẫn sinh viên trong việc tìm kiếm và phân tích thông tin. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học dưới sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên. Bảng 4.2.1 trình bày kết quả khảo sát năm 2022 đánh giá về hoạt động giảng dạy của sinh viên đang học trên 89% và sinh viên năm cuối đều đạt 100% về mức độ từ hài lòng trở lên; đối với các hoạt động thực tập thực tế được đánh giá trên 88,5 % đối với sinh viên đang học và 100% đối với sinh viên năm cuối về mức độ từ hài lòng trở lên [H4.04.02.01].

Bảng 4.2.1 Kết quả khảo sát sự hài lòng về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Tiêu chí	Điểm trung bình	
	Sinh viên đang học	Sinh viên năm cuối
1. Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV		
Thực hiện giờ dạy trên lớp đúng quy định	4,27 (90,2% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)
Giảng viên giới thiệu đề cương chi tiết, tài liệu tham khảo, phương pháp học, phương pháp kiểm tra	4,27 (91,8% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)

Tiêu chí	Điểm trung bình	
	Sinh viên đang học	Sinh viên năm cuối
trong buổi lên lớp đầu tiên		
Giảng viên giải thích về ý nghĩa và khả năng ứng dụng của kiến thức liên quan đến học phần	4,27 (90,2% đồng ý)	4,38 (100% đồng ý)
Giảng viên trình bày rõ ràng về yêu cầu năng lực sinh viên cần đạt được sau khi kết thúc học phần	4,31 (91,0% đồng ý)	4,63 (100% đồng ý)
Giảng viên trình bày nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu và lôi cuốn	4,29 (90,2% đồng ý)	4,67 (100% đồng ý)
Giảng viên khuyến khích suy nghĩ độc lập và ý kiến phản biện của sinh viên, khơi dậy khả năng sáng tạo của sinh viên	4,27 (90,2% đồng ý)	4,54 (100% đồng ý)
Giảng viên giải đáp thắc mắc của sinh viên	4,30 (89,3% đồng ý)	4,54 (100% đồng ý)
Giảng viên thân thiện và gần gũi với sinh viên	4,26 (88,5% đồng ý)	4,56 (100% đồng ý)
Giảng dạy đúng với nội dung học phần	4,29 (89,3% đồng ý)	4,42 (95,8% đồng ý)
Đánh giá chung về giảng viên	4,30 (91,0% đồng ý)	4,50 (100% đồng ý)
2. Đánh giá về các học phần đồ án tốt nghiệp, thực tập thực tế, thực tập tốt nghiệp		
Công khai kế hoạch về việc hướng dẫn người học	4,25 (87,7% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)
Giảng viên hướng dẫn đầy đủ về cách thức thực hiện	4,26 (88,5% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)
Tài liệu tham khảo được giới thiệu đầy đủ	4,26 (88,5% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)
Giảng viên hướng dẫn tận tình	4,26 (88,5% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)
Giảng viên đánh giá/chấm điểm công bằng và khách quan	4,26 (88,5% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)

Tiêu chí	Điểm trung bình	
	Sinh viên đang học	Sinh viên năm cuối
Đánh giá sự hài lòng với GV hướng dẫn	4,26 (88,5% đồng ý)	4,58 (100% đồng ý)

(Nguồn Báo cáo khảo sát các bên liên quan ngành QLXD năm 2022)

Trong giảng dạy, giảng viên chuyển tại trực tiếp vào các hoạt động giảng dạy và hướng dẫn sinh viên cách học tập phù hợp với từng học phần để đạt chuẩn đầu ra. Giảng viên Khoa tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo về phương pháp giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy. Đồng thời, giảng viên được đào tạo nghiệp vụ sư phạm về các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp chuẩn đầu ra. Trên cơ sở đó, giảng viên Khoa xác định và vận dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp chuẩn đầu ra của ngành, thể hiện trong đề cương học phần. Trường, Khoa hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo. Các hoạt động giảng dạy và học được xây dựng và thể hiện rõ trong 100% đề cương chi tiết học phần. Các ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa. Trong đó, ma trận kết nối giữa học phần và phương pháp dạy và học và với CDR được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm 2020, 2022 nhằm đáp ứng CDR. [H4.04.02.02]. Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, nhân viên phòng ban trong toàn trường [H4.04.02.03].

Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy và học tập qua hệ thống E-learning cũng rất quan trọng, giúp sinh viên dễ dàng truy cập tài liệu, tham gia thảo luận và nộp bài tập trực tuyến. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả học tập mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự học và tự nghiên cứu, chuẩn bị tốt cho khóa luận tốt nghiệp và các hoạt động nghiên cứu khoa học. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online, thông qua hệ thống E-learning của Trường [H4.04.02.04].

Ban Giám hiệu thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường [H4.04.02.05].

Đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được Khoa thực hiện thường xuyên và định kỳ. Trong nội dung khảo sát ý kiến giảng viên và sinh viên có các câu hỏi về hoạt

động dạy và học, cũng như các phương pháp giảng dạy được giảng viên áp dụng. Kết quả khảo sát cho thấy sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động dạy và học, cũng như các phương pháp giảng dạy đang được sử dụng. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa tiếp thu ý kiến phản hồi từ sinh viên về hoạt động dạy và học, phương pháp giảng dạy thông qua diễn đàn đối thoại và sinh hoạt lớp. Khoa thực hiện đánh giá hoạt động giảng dạy giảng viên thông qua nhiều hình thức như giám sát, kiểm tra giảng dạy, khảo sát sinh viên. [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

GV Khoa KTXD xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành QLXD và thể hiện trong ĐC học phần.

Trường tạo điều kiện để GV Khoa KTXD tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.

GV Khoa KTXD tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

GV, SV Khoa KTXD hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành QLXD.

Nội dung đồ án môn học thực tập thực tế về được thiết kế phù hợp giúp SV đạt được chuẩn đầu ra theo triết lý giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Số lượng hội thảo, tọa đàm của Khoa KTXD về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy phù hợp với CĐR còn hạn chế. Chỉ tập trung thông qua công tác CVHT và hội nghị, hội thảo của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KTXD tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học	Khoa KTXD Phòng ĐT	Định kỳ tháng 9 hằng năm	
2	Phát huy điểm	Giai đoạn 2024-2027, Trường và Khoa KTXD tiếp tục tăng cường bồi	Khoa KTXD	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	manh	duong, tap huân cho SV, GV về phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập ở bậc đại học như: tăng cường các buổi tư vấn, hướng dẫn cho sinh viên năm nhất về phương pháp học tập đại học; Tổ chức thêm các khóa học, khuyến khích các sinh viên đã có kinh nghiệm buổi chia sẻ kinh nghiệm về kỹ năng học tập cho các sinh viên; Chỉ đạo Giảng viên giới thiệu đề cương, nội dung và trao đổi phương pháp học tập, cách đánh giá môn học cho SV trong các buổi học đầu tiên của học phần			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của GV, NH được thể hiện cụ thể trong các quy định quy chế giảng dạy, nghiên cứu, học tập tín chỉ của GV và SV [H4.04.03.01]. Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản lý xây dựng (QLXD) được thiết kế điểm nổi bật là 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Cụ thể, mỗi đề cương chi tiết xác định rõ mục tiêu kỹ năng trong phần "Mục tiêu của học phần", liên kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, đồng thời mô tả chi tiết các phương pháp giảng dạy đa dạng trong mục "Kế hoạch giảng dạy chi tiết" và "Phương pháp giảng dạy". Các phương pháp này thiết kế để phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực xây dựng, cùng với các kỹ năng mềm như thích nghi và sáng tạo. Toàn bộ CTĐT, bao gồm tất cả đề cương chi tiết, được xây dựng, rà soát và cập nhật định kỳ vào các năm 2018, 2020, 2022, đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với yêu cầu của ngành. Các hoạt động dạy và học theo CTĐT, ĐCCT hoàn toàn đáp ứng việc thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Ngoài ra, Quy chế đào tạo trình độ đại học Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 9 năm 2021 cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài. GV của Khoa KTXD sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: thuyết giảng, tiếp cận cá nhân, thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm, dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp,... Đề cương chi tiết các học phần đều yêu cầu người học tự học làm bài tập với tỷ trọng 50% trong thang điểm chuyên cần, với nội dung và tài liệu tham khảo được giới thiệu trong đề cương và được thiết kế để thúc đẩy thảo luận và tự học. CTĐT kết hợp hài hòa giữa lý thuyết, thực hành, và thực tập tại tốt nghiệp tại doanh nghiệp, tạo cơ hội cho sinh viên (SV) áp dụng kiến thức vào thực tiễn bằng các đồ án dự án thực tế, khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra CTĐT 2020, 2022 được thiết kế với thực tập tốt nghiệp tại thực tập tại các doanh nghiệp. Những điều đó thúc đẩy NH quan tâm, hứng thú đến các vấn đề của nghề nghiệp, tạo ra động lực cho học tập và phấn đấu. Qua đó rèn luyện kỹ năng CĐR về ngành nghề quản lý dự án xây dựng và hiểu rõ về môi trường làm việc thực tế trong ngành, đồng thời tạo điều kiện người học có thêm cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp thực tập. Học phần Thực tập và Khoa 1ua65n tốt nghiệp đòi hỏi sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế, phát triển năng lực tự nghiên cứu và tư duy sáng tạo, là cơ sở và nền tảng cho việc phát triển năng lực tự học tập suốt đời của người học. Kết quả khảo sát cho thấy 89,3% (điểm trung bình 4,19/5) cựu người học đồng ý rằng các hoạt động dạy và học giúp họ rèn luyện được các kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. [H4.04.03.02].

Để tăng cường tính chủ động học tập của SV, Trường triển khai cổng thông tin đào tạo trực tuyến Elearning. Ngoài ra, Trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Tin học, Câu lạc bộ SV 5 tốt,... nhằm động viên, khuyến khích SV rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR. Hằng năm, Trường tổ chức chuyên đề, hội nghị, hội thảo NCKH nhằm tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Kết quả khảo sát sự hài lòng về cơ hội thực tập và kiến thức áp dụng vào thực tế của sinh viên đang học là 93,3% (4,06/5,0) và sinh viên năm cuối là 97% (4,46/5,0) từ mức hài lòng trở lên; đồng thời kết quả khảo sát sự hài lòng về các hoạt động NCKH của Trường và Khoa KTXD đạt trên 82,8% sinh viên học và 91,7% sinh viên năm cuối từ mức hài lòng đến rất hài lòng. Ngoài ra, Bảng 4.3.1 thể hiện kết quả khảo sát cựu người học năm 2022 đánh giá về kết quả đào tạo từ chương trình đào tạo QLXD trong các yếu tố hình thành và thúc đẩy năng lực tự học tập suốt đời, nghề nghiệp. [H4.04.03.03].

Bảng 4.3.1 Đánh giá về các yếu tố hình thành và phát triển năng lực tự học tập suốt đời của cựu người học năm 2022.

Tiêu chí	Điểm trung bình
Đánh giá về kết quả đào tạo chương trình đào tạo	
- Kiến thức chuyên ngành được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh chị	4,18 (88,0% đồng ý)
- Kiến thức, kỹ năng học được ở trường giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời	4,19 (89,3% đồng ý)
- Các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, giao tiếp - thuyết trình, tư duy phản biện, nghiên cứu khoa học ...) được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh chị	4,19 (89,3% đồng ý)
- Các đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp?	4,26 (92,0% đồng ý)
- Các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, giao tiếp - thuyết trình, tư duy phản biện, nghiên cứu khoa học ...) được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh chị	4,24 (92,0% đồng ý)
- Các đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp?	4,26 (92,0% đồng ý)
- Đào tạo ngoại ngữ trong chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị?	3,92 (85,3% đồng ý)
Đánh giá các hoạt động hỗ trợ việc làm	
Sự hài lòng của bạn đối với các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học ?	4,35 (94,7% đồng ý)
Sự hài lòng của bạn về quan hệ giữa trường và doanh nghiệp, cơ hội việc làm và thực tập do trường tạo ra?	4,19 (89,3% đồng ý)

(Nguồn Báo cáo Khảo sát các bên liên quan ngành QLXD năm 2022)

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. thảo luận ... đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.04].

Trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát cho thấy: 100% NH và cựu NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV. Trường ký kết hợp tác với các trường đại học quốc tế để SV có cơ hội trao đổi học tập trong môi trường quốc tế. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như: Thái Lan, Đài Loan, đồng thời tiếp nhận SV Hàn Quốc, Thái Lan tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường, bao gồm: Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra: Giảng dạy tiếng Thái giao tiếp và giao lưu văn hóa, Cơ quan thông tin xã hội quốc gia Hàn quốc (KIV)/Hàn Quốc: giảng dạy CNTT, giới thiệu văn hóa Hàn Quốc, Đoàn Trường Đại học MIYAGI/Nhật Bản: thực hiện chương trình giao lưu sinh viên. Ngoài ra, GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học ngành QLXD mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PP giảng dạy đang áp dụng.

Tất cả ĐC học phần ngành QLXD mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

GV Khoa sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CDR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại công trường.

Trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và phương pháp học tập, tự học cho sinh viên do Khoa tổ chức còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa xây dựng kế hoạch và định kỳ tổ chức nhằm tăng cường tổ chức và khuyến khích GV, SV tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học cho giảng viên nhằm nâng cao năng lực sư phạm, đa dạng hóa phương pháp dạy học và nâng cao năng lực tự học tập suốt đời của người học.	Khoa KTXD Phòng ĐT	Định kỳ tháng 8 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa KTXD	Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh nổi bật

Trường tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục này được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan thông qua nhiều kênh khác nhau. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để hiện thực hóa triết lý giáo dục của nhà trường. Định kỳ hằng năm, nhà trường đánh giá việc triển khai thực hiện triết lý giáo dục thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên và các bên liên quan.

Triết lý giáo dục "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" được thực hiện rõ ràng và chủ đạo bởi Trường và Khoa trong các hoạt động dạy học, PPGD thiết kế đa dạng, phù

hợp để đạt được CĐR ngành QLXD và thể hiện trong ĐC học phần. Trường tạo điều kiện để GV Khoa KTXD tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa KTXD tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa KTXD hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành QLXD.

Việc thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học trong ngành Quản lý Xây dựng (QLXD) được thực hiện một cách hiệu quả thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng. Tất cả ĐC học phần ngành QLXD mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, ... Trường, Khoa tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Những tồn tại cơ bản

Trường chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa KTXD tổ chức chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 2/3 tiêu chí đạt điểm 5,0, 1/3 tiêu chí đạt điểm 4,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn 4 đạt: 4,67 điểm; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng giúp người dạy cũng như người học gắn kết những kiến thức, kỹ năng được học trong trường với cuộc sống thực, giúp người học có ý thức hơn với những nhiệm vụ mà họ sẽ phải thực hiện khi tốt nghiệp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành QLXD được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Phương pháp đánh giá KQHT ngành QLXD đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và người học tiếp

cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống văn bản toàn diện để đánh giá kết quả học tập của người học xuyên suốt quá trình từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp. Hệ thống này bao gồm nhiều văn bản quan trọng: Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ, Quy định đào tạo trực tuyến, Quy định về đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên hệ chính quy, Kế hoạch tổ chức đào tạo từng năm học, và Kế hoạch thi theo từng học kỳ. Các nội dung này cũng được cụ thể hóa thành kế hoạch giảng dạy, kế hoạch khoa học công nghệ của Khoa hằng năm. Những văn bản này tạo nên một khung pháp lý và hướng dẫn cụ thể, đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong việc đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình đào tạo. Cụ thể, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng dự thảo Quy định về Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định 93/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2017, cập nhật bổ sung Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/9/2021), Quy trình coi thi kết thúc (Quyết định số 354/QĐĐHKTCN ngày 30/8/2019), Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 22/QĐ-ĐHKTCN ngày 20/01/2020), Hướng dẫn tạm thời tổ chức thi theo hình thức trực tuyến năm học 2021-2022 (Quyết định số 578/QĐ-ĐHKTCN ngày 25/11/2021), và Quy trình chấm bài thi kết thúc học phần hình thức tự luận, trắc nghiệm kết hợp tự luận (Quyết định số 497/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/10/2021). Các văn bản này tạo nên một khung pháp lý toàn diện, điều chỉnh mọi khía cạnh của quá trình thi cử và đánh giá, từ coi thi, tổ chức thi (cả trực tiếp và trực tuyến) đến chấm bài thi, đảm bảo tính nhất quán và công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.. [H5.05.01.01]

Trường gửi Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, SV biết và thực hiện. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đồng thời được đăng trên website của Trường và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL. Tại tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, Trường phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho toàn thể SV biết để thực hiện [H5.05.01.02]. Năm 2020, Trường ban hành hướng dẫn các phương pháp KTĐG, phiếu đánh giá (rubric) môn học và phổ biến đến GV để tham khảo, sử dụng trong quá trình xác định các phương pháp KTĐG với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện. Để đáp ứng các CDR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các văn bản hướng

dẫn nêu trên có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá. 100% đề cương HP cũng có quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá như: tự luận, trắc nghiệm, báo cáo, thuyết trình, phản biện. Trường có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp kiểm tra đánh giá đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữ PPKTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT [H5.05.01.03].

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) Đối với các CĐR kiến thức: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CĐR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần (60%), điểm quá trình và điểm chuyên cần (40%) được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra, để tính điểm thành phần.

ii) Đối với các CĐR kỹ năng: đánh giá thông qua việc vận dụng, vận dụng kiến thức vào thực tế quản lý dự án xây dựng; khả năng phát triển ý tưởng, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong môi trường đa ngành; khả năng phân tích vấn đề và đề xuất giải pháp trong các lĩnh vực như quản lý an toàn, quản lý tiến độ, quản lý rủi ro, và quản lý hợp đồng; Vận dụng hiệu quả kiến thức phụ trợ (kinh tế, kế toán, quản trị, luật trong xây dựng...) giúp lập và thực hiện kế hoạch và quản lý hiệu quả các dự án xây dựng.

iii) Đối với các CĐR thái độ: đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ SV được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp... Tính kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP.

Tổ hợp các PPKTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm khóa luận. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 40%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 60%). Chương trình đào tạo ngành Quản lý với các ĐCCT xây dựng áp dụng đa dạng các công cụ đánh giá, bao gồm đánh giá quá trình học tập (thái độ, thời gian tham dự, bài tập, kiểm tra) và đánh giá kết thúc học phần (thi cuối kỳ, chấm đồ án, bài tập thực hành hoặc tổng hợp các kết quả). Đặc biệt, học phần Đồ án môn học và Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua việc chấm phản biện và bảo vệ trước hội đồng. Để đảm bảo tính chuẩn hóa và công bằng, đề cương chi tiết các học phần đã xây dựng rubric với các tiêu chí đánh giá cụ thể, nhằm đảm bảo việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với mục tiêu, mục đích cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT

HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Thực hiện khóa luận nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện khóa luận, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được CVHT triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, quy trình bảo vệ khóa luận, quy định về bảo vệ khóa luận/đồ án tốt nghiệp theo quyết định số 407/QĐĐHKTCN ngày 06/9/2021) [H5.05.01.04]. Tất cả các nội dung về đánh giá kết quả, hình thức đánh giá để đáp ứng CĐR đều được GV thông báo cho NH vào đầu khóa học, buổi học, và trong Sổ tay Sinh viên [H5.05.01.05]..

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị.

Trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện.

Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành QLXD và GV Khoa KTXD thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KTXD triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.	Khoa KTXD Phòng ĐT	Định kỳ tháng 01 hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành.	Khoa KTXD Phòng KT-ĐBCL	Định kỳ tháng 01 hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện, trong đó Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường [H5.05.02.01]. Hằng năm, căn cứ kế hoạch học kỳ, vào khoảng giữa học kỳ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL dự thảo lịch thi kết thúc học phần, gửi đến các đơn vị để góp ý và trên cơ sở đó điều chỉnh, tổng hợp lịch thi, trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, SV biết và thực hiện theo kế hoạch. Theo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chậm nhất trước 07 ngày kể từ ngày thi học phần, các khoa, bộ môn, GV phải nộp đủ số lượng đề thi, đáp án, niêm phong bảo mật và bàn giao về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL theo quy định. Bên cạnh đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng theo thời gian quy định Phòng ĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Trong Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCTN ngày 01/9/2021 quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có quy định cụ

thể về trọng số đánh giá học phần có tổ chức thi kết thúc học phần, cụ thể: Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; đối với các học phần thực hành, SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do GV đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐC học phần. [H5.05.02.02].

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT cũng như Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định đề cương chi tiết học phần, các Khoa triển khai xây dựng ĐC học phần, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CĐR. Khi thông qua ĐC học phần do GV biên soạn, Khoa KTXD, Hội đồng KH&ĐT luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp KTĐG để đạt CĐR học phần được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT và Bản Mô tả CTĐT [H5.05.02.03].

Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa KTXD, CVHT phổ biến, lưu ý SV thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường. Ngay buổi học đầu tiên, GV Khoa KTXD thông báo đến SV các phương pháp KTĐG học phần đã được xác định trong ĐC học phần. Bên cạnh đó, Trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị, CB, GV, NV thông qua trang hành chính điện tử nội bộ (EGOV). Ngoài ra, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành được niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT [H5.05.02.04].

Về thời gian, điểm quá trình được GV giảng dạy đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy theo quy định trong ĐCCT, GV sẽ nhập điểm quá trình để xét điều kiện thi kết thúc cho NH. Trọng số điểm quá trình chiếm 40%, cuối kỳ chiếm 60%. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Trường [H5.05.02.05].

Tiêu chí cụ thể để đánh giá các học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học [H5.05.02.06]. Tất cả thông tin về việc đánh giá đều được thông tin đến NH. Trong

quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định kiểm tra/ đánh giá KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.02.07]. Chính vì vậy, kết quả khảo sát năm 2022 với trên 94% người học hiểu và nắm rõ các quy định này.

NH xem kết quả thông qua trang thông tin điện tử của Trường, Cổng thông tin sinh viên [H5.05.02.08]. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 95 % NH Trường, Khoa KTXD cho rằng NH được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá từng môn học [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa KTXD triển khai thực hiện.

Trường, Khoa KTXD áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Khoa KTXD chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH.	Khoa KTXD Phòng ĐT	Định kỳ tháng 01 hằng năm	
2	Phát huy	Tiếp tục cải tiến phương pháp đánh	Khoa	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan)	KTXD Phòng KT-ĐBCL		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ và Quy định về đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên hệ chính quy đã nêu rõ các quy định về phương thức đánh giá học phần, số lượng điểm thành phần, công thức tính điểm quá trình, trọng số của điểm quá trình và điểm thi, được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần. [H5.05.03.01]. Trong đó, phương pháp kiểm tra đánh giá của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CDR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Các PPĐG được thực hiện theo từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. PPĐG được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm. Việc đánh giá kết quả học tập diễn ra xuyên suốt quá trình học, bao gồm đánh giá quá trình do giảng viên phụ trách thực hiện thông qua kiểm tra thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ, thảo luận, thực hành, kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận. Thi kết thúc học phần có nhiều hình thức như thi viết, vấn đáp, thực hành trên máy tính. Đối với học phần thực hành, đánh giá qua bài thực hành, tiểu luận hoặc thu hoạch cuối kỳ có thuyết trình và bảo vệ phản biện. Riêng học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải bảo vệ trực tiếp trước Hội đồng chấm. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại HP và PPĐG được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT. Trong số 55 học phần cơ sở ngành và chuyên ngành của CTĐT 2022, có 5 học phần thi kết thúc HP bằng hình thức trắc nghiệm; 35 học phần thi tự luận; 02 HP thi thực hành máy tính và thực tế; 14 học phần thi kết thúc học phần bằng thuyết trình, bảo vệ phản biện [H5.05.03.02]

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Trường xây dựng hệ thống

ngân hàng đề thi kết thúc HP để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của Trường [H5.05.03.03]. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Đối với các môn thi có đề thi trắc nghiệm, các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CDR trong chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bởi Bộ môn và Khoa, sau đó nộp về P.TT-PC-KT-ĐBCL để quản lý và sử dụng [H5.05.03.04].

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khóa luận/đồ án tốt nghiệp. Khi chấm khóa luận, đồ án tốt nghiệp, Trường đều thành lập Hội đồng và có các tiêu chí chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung và việc trả lời câu hỏi của NH; Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá luận văn. Điểm chấm khóa luận/đồ án tốt nghiệp được các Hội đồng xem xét, đánh giá công bằng và khách quan [H5.05.03.05].

Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về các phương pháp và Quy trình KTĐG, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, sự hài lòng về nội dung công tác thi và kiểm tra, đánh giá. Trong giai đoạn đánh giá, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PP đánh giá KQHT, nội dung được hỏi cho thấy người học khá hài lòng với PPKTĐG và kết quả đánh giá từ GV. Quá trình kiểm tra đánh giá được thực hiện chính xác, khách quan, công bằng; Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực và trình độ của NH; NH hài lòng về các cách thức công bố, phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá; Kết quả kiểm tra, đánh giá được phản hồi kịp thời, giúp NH cải thiện KQHT [H5.05.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi.

GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.

Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành QLXD được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng

Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 so với chương trình đào tạo

tất cả các học phần của ngành QLXD còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa KTXD tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần	Khoa KTXD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV.	Khoa KTXD Phòng KT-ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong quy chế đào tạo và quy định đảm bảo bảo chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập. Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có quy định GV công bố điểm quá trình cho SV trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Education) chậm nhất trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc học phần giảng dạy. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần. Đối với học phần vấn đáp, điểm thi của SV được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm học phần được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần và được cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin của Trường. Mỗi SV được Trường cấp 01 tài khoản và sử dụng để xem kết quả thi, KTĐG các học phần. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV. Các Khoa phân công GV chấm phúc khảo không

phải là GV chấm thi lần đầu tiên và nếu có thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa GV chấm lần đầu và GV chấm phúc khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (nếu có sai sót) theo quy định của Trường [H5.05.04.01].

Trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá đến các Khoa để phổ biến GV, SV của Khoa biết và thực hiện. Văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ban hành được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng CTCT&QLSV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa KTXD, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể quy định thi, KTĐG KQHT của người học đến SV [H5.05.04.02].

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Việc phản hồi nếu đưa ra quá muộn sẽ không mang lại tác dụng đối với NH. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận. Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến NH. NH có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm “Quản lý đào tạo” của Trường. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Đối với các học phần đồ án, thực hành và thực tập, giảng viên đánh giá kỹ năng thực hành của người học ngay trong buổi học, đưa ra nhận xét và góp ý kịp thời. Người học sau đó có thể điều chỉnh phương pháp học tập để cải thiện kết quả ngay trong buổi học đó hoặc các buổi, các học phần tiếp theo. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, SV cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp SV nhận thức rõ hơn về yêu cầu của học phần, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo. Đồng thời, hằng năm phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ phân tích kết quả thi rà soát, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập, đặc biệt là các học phần có tỷ lệ sinh viên không đạt vượt qua 30%. Quá trình này tạo ra một chu trình liên tục cải thiện, góp phần nâng cao

hiệu quả học tập của người học và chất lượng giảng dạy của giáo viên. [H5.05.04.03].

Kết quả đánh giá của SV được thể hiện trong báo cáo năm học của Nhà trường, Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, các Khoa [H5.05.04.04]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu các Khoa thông báo thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đến SV và theo dõi, giám sát việc SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập [H5.05.04.05]. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của SV được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các Khoa để thông báo CVHT và trên cơ sở đó, CVHT thông báo đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp để SV điều chỉnh, cải thiện hoạt động học tập. Nhiều ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm trao đổi hoạt động KTĐG nói chung và cải thiện hoạt động học tập dựa trên thông tin về kết quả KTĐG [H5.05.04.06].

2. Điểm mạnh

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học.

Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có sinh viên ngành QLXD đề nghị phúc khảo kết quả đánh giá các học phần.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Khoa KTXD triển khai còn chậm việc đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.	Khoa KTXD	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của SV.	Khoa KTXD Phòng KT- ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Nhà trường ban hành quy định rõ về việc khiếu nại KQHT đối với người học. Trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các Khoa để phổ biến đến SV [H5.05.05.01]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ được thể hiện trong Sổ tay GV, Sổ tay SV, Sổ tay CTĐT cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.05.02]. Phòng ĐT, Khoa KTXD phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đến SV tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H5.05.05.03]. Bên cạnh đó, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến SV tại các buổi sinh hoạt lớp.

Trường chú trọng đến việc giải quyết khiếu nại của SV đối với kết quả thi, KTĐG và phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL và các Khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, KTĐG. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Khoa KTXD không có trường hợp khiếu nại về KQHT [H5.05.05.04], [H5.05.05.05].

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa KTXD, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Trường luôn quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các

trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường	Khoa KTXD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.	Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Những điểm mạnh nổi bật

Trường đã ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Kế hoạch thi, kiểm tra được công bố công khai, rộng rãi đến người học ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT các học phần. GV được tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về các PP KTĐG. Triển khai các quy chế, quy định về KTĐG KQHT của người học, cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi của người học và các nội dung liên quan khác một cách đầy đủ, rõ ràng. Tất cả các quy chế, quy định về KTĐG đều được GV, Khoa, Trường công bố công khai tới người học vào đầu khóa học và trước mỗi kỳ KTĐG bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo người học hiểu và nắm rõ các quy chế, quy định này. Các phương pháp và hình thức KTĐG KQHT người học của Khoa được sử dụng đa dạng và thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định và theo ĐCCT được duyệt. Tiêu chí KTĐG KQHT của người học được xác định rõ và có phân định mức độ đạt/không đạt qua việc đánh giá liên tục của GV. Đồng thời một đề thi chung sẽ xác định điểm đánh giá cuối kỳ của các NH tham dự cùng học phần, tham gia kiểm tra cùng thời điểm. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 2 cán bộ coi thi đảm bảo tính công

bằng và độ tin cậy về kết quả thi của SV. Ban hành Quy chế ĐT, các QT liên quan đến các công tác ĐT, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp SV biết để cải thiện việc học tập của mình. Người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Có đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT và công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận. Người học được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, QT khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có trường hợp sinh viên ngành QLXD khiếu nại về việc đánh giá kết quả học tập.

Những tồn tại cơ bản

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CDR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa KTXD chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành QLXD. Khoa KTXD chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường. Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu: Khoa KTXD có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, xí nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng. Đội ngũ GV trong khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ

nhệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đề án “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Trường ĐHKTCN CT giai đoạn 2011 - 2020” và “Chiến lược phát triển Trường ĐHKTCN CT giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định 14/QĐ-HĐT ngày 20/4/2020), “Chiến lược phát triển Khoa KTXD giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030 (Quyết định 629/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020) [H6.06.01.01] và bảng mô tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu đào tạo; Trường và Khoa đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa định kỳ hàng năm [H6.06.01.02]. Đến tháng 12/2023 Khoa KTXD có 23 GV gồm 04 TS, 19Ths. Hiện tại, 100% giảng viên của Khoa đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có trình độ Ths trở lên, đặc biệt ngày càng có nhiều GV được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường cũng có kế hoạch nâng cao năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV, NV định kỳ để đánh giá năng lực tiếng Anh của đội ngũ GV và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo [H6.06.01.03]. Định kỳ nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV [H6.06.01.04]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.05].

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV Khoa KTXD theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		GS	PGS	TS	ThS	Kỹ sư/ Cử nhân
		Nam	Nữ					
2018-2019	15	13	2			1	12	2
2019-2020	21	16	5			1	19	1
2020-2021	21	16	5			4	17	0
2021-2022	21	16	5			3	18	0
2022-2023	23	18	5			4	19	0

(Nguồn: Phòng TC- HC, 2023)

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và

phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Khoa chú trọng từ khâu tuyển dụng: Khoa có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên Egov với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể [H6.06.01.06]. Khoa có 02 Bộ môn bao gồm Bộ môn CNKTCTXD và Bộ môn QLXD - TC. GV được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức các ngành nghề có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật và công nghệ theo định hướng phát triển đào tạo sinh viên có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa [H6.06.01.08]. Khoa có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học [H6.06.01.09], [H6.06.01.10]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hiện các phần việc theo đúng chuyên môn và theo kế hoạch của khoa và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa.

Hiện nay, tại Trường ĐHKTCNCT việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho nghỉ hưu đối với GV đều có qui định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường [H6.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện.

Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ.

Đội ngũ GV Khoa KTXD có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Bộ môn QLXD - TC có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng GV có trình độ cao phục vụ cho ngành QLXD -TC còn ít. Việc tuyển dụng và đào tạo GV có trình độ TS có khó khăn do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do chế độ đãi ngộ có sự cạnh tranh rất lớn từ các trường và tổ chức kinh tế - xã hội khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo.	Phòng TCHC Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCĐ.	Trường ĐHKTCN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, dựa trên Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và Khoa, BCN Khoa KTXD đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ dài hạn, chú trọng đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi, dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hưu. Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 23 người, gồm 04 TS (chiếm tỷ lệ 17,4% so với tổng số GV của Khoa), 19 ThS (82,6%), 0 cử nhân (0%). Hiện Khoa KTXD có 01 GV đang theo học NCS ở trong nước, 04 GV đang theo học NCS ở nước ngoài. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/SV chính quy ngành QLXD được quy đổi là 20 sinh viên/giảng viên, đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa theo tỉ lệ bảng 6.2.1.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/NH của Khoa KTXD qua từng năm học

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của NH	Tỷ lệ GV/NH
2018-2019	14.6	511	0.028

2019-2020	23.3	555	0.041
2020-2021	25	454	0.055
2021-2022	24	482	0.049
2022-2023	27	501	0.053

(Nguồn: Phòng TC- HC, 12/2023)

Bảng 6.2.2 Thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ trong 05 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45
2018 - 2019	15	13	2	12	2	1
2019 - 2020	21	16	5	15	3	3
2020 - 2021	21	16	5	16	3	2
2021 - 2022	21	16	5	14	5	2
2022 - 2023	23	18	5	13	8	2

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của nhà trường. Đội ngũ cơ hữu, Khoa KTXD còn có 11 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức, công ty doanh nghiệp lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo thỏa ước gắn kết đào tạo giữa Trường với doanh nghiệp [H6.06.02.01], [H6.06.02.02].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường. Trường có quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 300 giờ; NCKH: 150 giờ; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh...) theo Quy định chế độ làm việc của GV hiện hành (Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022, Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN 31/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN). Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Phòng QLKH-

HTQT và xác nhận từ giảng viên. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác (coi thi, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận,...) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo. Liên tục từ 2019 đến 2022, hằng năm Trường đều cải tiến, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ để xác định nghĩa vụ và quyền lợi được hưởng của các đối tượng liên quan, trong đó có GV, NCV (Quyết định số 56/QĐ-ĐHKTCN ngày 09/02/2018 ĐHKTCN, 317/QĐ- ĐHKTCN ngày 30/7/2018, 83/QĐ-ĐHKTCN ngày 04/03/2019 ĐHKTCN, 20/QĐ- ĐHKTCN ngày 16/01/2020 ĐHKTCN, 145/QĐ- ĐHKTCN, ngày 26/3/2021 ĐHKTCN; 212/QĐ-ĐHKTCN, ngày 30/3/2022). Ngoài ra, Khoa đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng kh naac như: các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng, tư vấn hướng dẫn về kỹ thuật. Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng tháng qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.02]. Sau khi GV tự đánh giá thì Trường Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TC-HC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành QLXD đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV.

GV Khoa KTXD luôn tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động PVCD do Trường, phòng CTCT&QLSV cũng như các cơ quan đoàn thể phát động và tổ chức.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành QLXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV cơ hữu ngành QLXD - TC có học vị cao chưa nhiều (02 TS). GV chưa thực hiện được nhiều công trình NCKH mang tính liên kết đa ngành và ở cấp cao (cấp thành phố, Bộ, Nhà nước, liên kết quốc tế). Việc đo lường các nhiệm vụ PVCD chưa có những tiêu chí cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường và Khoa KTXD luôn cải tiến và tăng cường các chính sách nhằm thu hút gia tăng số lượng GV.	Phòng TCHC Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa KTXD. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV	Phòng TCHC Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng trường ĐHKTCNCT đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV (Quyết định số 418/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2016 Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐH KTCN CT; Quyết định số 470/QĐ-ĐHKTCN ngày 09/11/2018 về thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Trường ĐH KTCN CT). Quy trình bổ nhiệm chặt chẽ, đúng quy trình quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.03.01].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02]. Bên cạnh đó, Trường cũng có những chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với nhân lực có trình độ cao cho ngành QLXD [H6.06.03.03].

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng [H6.06.03.04]. Căn cứ quy mô TS hằng năm, các HP trong CTĐT ngành QLXD, nhu cầu ĐTBĐ đội ngũ, Khoa KTXD có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt và thông báo rộng rãi [H6.06.03.05]. Trong các thông báo KH tuyển dụng hằng năm từ 2018 - 2023 của Trường đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H6.06.03.06]. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự..

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT ngành QLXD được thực hiện theo Quy định nêu trên; việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.08].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc điều chuyển được quy định trong Đề án vị trí việc làm và bản mô tả làm việc của Trường.

Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học

thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển công tác đều công khai minh bạch và đạt được sự đồng thuận từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm đảm bảo toàn thể CB, GV, NCV có đủ thông tin, nhận thức về các quy định, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế do đặc thù nguồn lực ngành QLXD còn hiếm và sự đỗi ngộ có sự cạnh tranh lớn từ các tổ chức khác do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Khoa KTXD đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.	Trường ĐHKTCN Khoa	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	Trường ĐHKTCN Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển CTĐT ngành QLXD, năng lực của đội ngũ GV được xác định cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV còn gọi là KPIs áp dụng tại Trường ĐH KTCN CT (Quyết định 490/QĐ- ĐHKTCN ngày 27/6/2022), bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng... Trường có quy định rõ năng lực của GV, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường (Quyết định số 54/QĐ-ĐHKTCN ngày 26/4/2022); Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV...; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với VC, NLĐ thuộc Trường (Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022, Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN 31/01/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN); Quy chế hoạt động KHCN (Quyết định 66/QĐ - ĐHKTCN ngày 06/02/2023) [H6.06.04.01], [H6.06.04.02].

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCD.

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Nhà trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường. Hằng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá [H6.06.04.03].

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCD.

Hằng năm, Trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình

thức: Đánh giá CLGD của GV, NCV qua quá trình DH của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra KL và CL công việc; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn... Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; cân nhắc bổ nhiệm... [H6.06.04.04].

Kết thúc mỗi học kỳ, P.TT-PC-KT-ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của NH về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, và Nh hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.05].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV.

Hàng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa KTXD còn hạn chế nhất định, chưa phát huy tốt trong hợp tác đối ngoại về liên kết đào tạo hoặc NCKH. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ	Trường Khoa KTXD	2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		cho GV Khoa KTXD. Khoa đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.	Trường ĐHKTCN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, khoa KTXD đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV. Trường đã ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động với các giải pháp cụ thể phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, NV (Quyết định số 21/KH-ĐHKTCN ngày 25/01/2018, 07/KH-ĐHKTCN ngày 10/01/2019, 214/KH-TCHC ngày 09/3/2020, 18/KH-ĐHKTCN ngày 06/01/2021, 30/KH-ĐHKTCN ngày 10/01/2022), cùng với Chiến lược phát triển Khoa KTXD đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 629/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020) đã giúp Khoa có kế hoạch và giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho GV trong giai đoạn phát triển mới [H6.06.05.01].

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của khoa luôn bám sát quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường. Hàng năm, Khoa KTXD tiến hành họp, tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào KH ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng kí nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải

đi ĐTBD đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch ĐTBD của đơn vị chuyên cho P.TC-HC tổng hợp thành KH ĐTBD chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2018 - 2023, 100 % GV của ngành QLXD có chứng chỉ BD chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng; có 3 lượt GV đi bồi dưỡng về công tác KĐCL, trên 80% GV được ĐTBD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường [H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

Trường và khoa KTXD có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài. Trường và khoa KTXD công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. Chương trình đào tạo ngành QLXD luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín [H6.06.05.05], [H6.06.05.06].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện KH ĐTBD, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBD từ việc XD và ban hành các quy định, lập KH, thực hiện so với KH, đánh giá kết quả ĐTBD, việc sử dụng kết quả ĐTBD; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả ĐTBD. Kết quả ĐTBD là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm.

2. Điểm mạnh

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV.

Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT.

Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm.

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Hằng năm, Phòng TCHC đều triển khai lấy ý kiến đánh giá về công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đối với đội ngũ GV tại các đơn vị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV đều hài lòng với kế hoạch của Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV có học hàm học vị cao của Khoa KTXD còn hạn chế.

Chưa có các kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần,

chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV.

Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa KTXD tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo. Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.	Trường ĐHKTCN CT Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KTXD có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV. Việc triển khai công việc của GV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan

được Khoa KTXD và Trường xác định rõ ràng bởi các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Trường và bảng mô tả công việc của GV [H6.06.06.01]. Từ đó, Khoa phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học.

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.06.02], việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: Định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trường Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận [H6.06.06.03], [H6.06.06.04].

Kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê. Qua đó, Khoa KTXD tiến hành đánh giá năng lực giảng viên thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV [H6.06.06.05]. Hằng năm, Bộ môn, Khoa KTXD tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích [H6.06.06.06], [H6.06.06.07].

GV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa KTXD đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến được thực hiện thông qua Egov của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.06.08].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc.

Hằng năm, GV Khoa KTXD thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học.

Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển

khai công tác đánh giá hằng năm của GV.

Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

GV Khoa KTXD hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa KTXD đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV Khoa KTXD đạt danh hiệu thi đua cấp cao còn ít. Hoạt động PVCD chưa được Khoa chú trọng trong các văn bản đánh giá thi đua.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCD. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của khoa KTXD. Trường, Phòng TC-HC, Khoa KTXD tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao.	Phòng TCHC Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.	Trường ĐHKTCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV

được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số giờ nghĩa vụ NCKH của GV được thể hiện cụ thể trong Quy chế GV: GV hạng I: 250 giờ; GV hạng II: 210 giờ; GV hạng III (tiền sĩ): 170 giờ; GV hạng III (thạc sĩ): 150 giờ; GV hạng III (chưa có thạc sĩ): 50; Trợ giảng: 40 giờ (Quyết định 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐH KTCN CT), được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên [H6.06.07.01].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường ĐHKTCNCT [H6.06.07.02]. Hoạt động NCKH được quản lý bởi Phòng QLKH-HTQT. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT Khoa KTXD được thành lập bao gồm 06 thành viên và 01 thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa KTXD [H6.06.07.03]. Để hoạt động NCKH được đa dạng và thúc đẩy việc trao đổi học thuật, Khoa KTXD cũng quan tâm và khuyến khích các GV tham dự hội thảo NCKH, viết bài NCKH ở các trường khác có đào tạo ngành QLXD.

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV [H6.06.07.04].

Hằng năm, Khoa KTXD tổ chức các hội thảo chuyên ngành cấp Khoa và Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn và nâng cao chất lượng NCKH [H6.06.07.05]. Khoa cũng đã phát hành Kỷ yếu hội thảo, trong đó có trên ... công trình nghiên cứu của GV cơ hữu của Khoa. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên phối hợp với Trường tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH [H6.06.07.06] phù hợp với xu hướng nghiên cứu mới và các định hướng phát triển KHCN trong tương lai. Việc quản lý đề tài NCKH được thực hiện theo quy định chung của Trường [H6.06.07.07].

Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2019 GV trong Khoa đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Đến năm học 2022-2023, có ... đề tài, nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. Nhiều GV của Khoa có tham gia viết bài tham luận hội thảo trong và ngoài

trường, nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Bảng 6.7.1 đến 6.7.3 thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học qua các năm.

Bảng 6.7.1. Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm

TT	Phân loại đề tài	Hệ số* *	Số lượng						
			2018- 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	Đến 12/2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0.5	0	0	2	0	4	2	4
	Tổng		0	0	2	0	4	2	4

(Nguồn: Khoa KTXD, 2023)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Bảng 6.7.2. Số lượng bài báo của GV qua từng năm

T T	Phân loại tạp chí	Hệ số* *	Số lượng						
			2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	Đến 12/2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1.5	0	1	2	0	1	2	9
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	2	1	3	6	10	2	24

	Tổng		2	2	5	6	11	2	33
--	-------------	--	----------	----------	----------	----------	-----------	----------	-----------

(Nguồn: Khoa KTXD, 2023)

Một số đề tài NCKH của GV được ứng dụng vào công tác giảng dạy và nội dung học tập của SV:

Bảng 6.7.3. Số lượng các đề tài NCKH ứng dụng vào công tác giảng dạy

T T	Phân loại tạp chí	Hệ số* *	Số lượng						
			2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	Đến tháng 12/2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1.5	0	1	2	0	1	2	9
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	1	1	2	3	4	2	13
	Tổng		1	2	3	4	5	4	22

(Nguồn: Khoa KTXD, 2023)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa KTXD được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng GV Khoa KTXD có các bài nghiên cứu khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế còn ít, chưa phát hết so với tiềm năng NCKH của Khoa. Khoa KTXD chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường và Khoa KTXD luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.	Phòng TCHC Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương, đồng thời tăng cường các đề tài NCKH từ các cấp với sự tham gia thực hiện của SV, và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.	Trường ĐHKTCN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Những điểm mạnh nổi bật

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa. Trường đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và của Khoa qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu ĐT trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Có đầy đủ quy định về tiêu

chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc. Chất lượng công việc được đánh giá thông qua các tiêu chí về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện định kỳ hàng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định thông qua khảo sát hàng năm và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động ĐT, bồi dưỡng do Trường triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, quy trình để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV-NV trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành QLXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC.

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa KTXD thực hiện đăng ký thi đua năm học. Trường

phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa KTXD hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa KTXD đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Trường, Khoa KTXD tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu. đồng thời các đề tài NCKH của GV ngày càng có nhiều SV cùng tham gia thực hiện. Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Những tồn tại cơ bản

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa KTXD còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa KTXD còn những hạn chế nhất định, chưa phát huy tốt trong quan hệ hợp tác quốc tế để phục vụ cho công tác liên kết trong NCKH, chuyển giao công nghệ. Các hình thức khen cao của GV Khoa KTXD chưa nhiều. Khoa KTXD chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 7/7 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 7/7; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa. Đội ngũ NV của Khoa bao gồm: thư ký, giáo vụ và NV các phòng ban liên quan như trung tâm thư viện, phòng QTTB, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác; đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV và SV. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục

tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành nghề, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược phát triển của Trường ĐHKTCNCT đến năm 2025 tầm nhìn 2030 theo QĐ số 14/QĐ-HĐT ngày 20/4/2020 đã xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường [H7.07.01.01]. Đây là cơ sở để phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đẩy mạnh và phát triển các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Hàng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế Tuyển dụng được ban hành theo QĐ số 413/QĐ-ĐHKTCN ngày 23/9/2020, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV [H7.07.01.04].

Khoa KTXD có 01 cán bộ phụ trách công tác giáo vụ Khoa, Phòng Đào tạo có cán bộ chuyên trách công tác quản lý học tập và tổ chức lớp học cùng hỗ trợ đắc lực cho Trường và BCN Khoa, GV và NH trong các công tác hành chính liên quan đến việc quản lý cũng như việc dạy và học. Giáo vụ Khoa và cán bộ chuyên trách có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt các hoạt động hỗ trợ này [H7.07.01.05].

Khoa KTXD đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, công tác Đoàn và phong trào thanh niên (05 GV), Công đoàn Khoa (01 GV). Khoa KTXD phân công 02 GV trực khoa hằng ngày để đảm bảo giải đáp được thắc mắc, kịp thời hỗ trợ NH các công tác liên quan đến thủ tục GV, Phòng Đào tạo phân công cán bộ chuyên trách hỗ trợ người học các công tác liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động phong trào của NH. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa KTXD và cán bộ chuyên trách của Phòng Đào tạo làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập và NCKH của NH [H7.07.01.04].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa KTXD và NH còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng Công tác chính trị - QLSV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Ban quản trị hệ thống CNTT và bộ phận tuyển sinh. Các phòng ban được bố trí đủ số lượng cán

bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu [H7.07.01.05].

Số lượng nhân viên Thư viện của Trường là 02 người. Đội ngũ nhân viên thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Thư viện được thành lập từ năm 2013, là đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Trường thực hiện công tác quản lý thư viện, triển khai ứng dụng KHCN& tổ chức các hoạt động thu thập, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường [H7.07.01.06].

Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/nhân viên một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng chuyên viên/nhân viên. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.07].

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên thể hiện trong bảng 7.1 dưới đây, trong đó dịch vụ được đánh giá cao nhất là... [H7.07.01.08].

Bảng 7.1.1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên năm 2022-2023

TT	Tiêu chí đánh giá	Hài lòng và Rất hài lòng (%)	
		Đánh giá của GV	Đánh giá của NH
1	Các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD	76	59
2	Số lượng nhân viên làm việc tại thư viện đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD	69	60,6
3	Số lượng nhân viên làm việc tại phòng thí nghiệm đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD	75	63,9
4	Số lượng nhân viên làm việc tại hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD	73	63,1

TT	Tiêu chí đánh giá	Hài lòng và Rất hài lòng (%)	
		Đánh giá của GV	Đánh giá của NH
5	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn và phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT	82	62,2
6	Thư viện, phòng đọc phục vụ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT	75	62,4
7	Thư viện, phòng đọc được trang bị các trang thiết bị để hoạt động	69	61,9
8	Học liệu của thư viện (<i>giáo trình, tài liệu, sách tham khảo bản cứng/bản mềm</i>) bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	69	62,7
9	Phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ	78	62,5
10	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	85	67,1

(Nguồn Báo cáo Khảo sát các bên liên năm 2022-2023)

Trường đã thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm, có kế hoạch triển khai quy hoạch đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Trường đã xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.04].

Bên cạnh đó, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ thông qua chính sách thu hút, tuyển chọn, phát triển đội ngũ [H7.07.01.03], [H7.07.01.08].

2. Điểm mạnh

- Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về

ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.

- Trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định.
- Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD.
- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường..

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ người học, cán bộ quản lý phòng thí nghiệm và phòng thực hành của Khoa chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm nên đôi lúc còn gặp nhiều khó khăn trong một số tình huống.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp.	Phòng TCHC Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hằng năm Trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm đảm bảo chất lượng của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Cụ

thể, theo văn bản Quy định tuyển dụng Trường ĐHKTCNCT ban hành kèm theo Quyết định số 413/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 23/9/2020 về việc ban hành Quy định tuyển dụng Trường ĐHKTCNCT, điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ. Đối với các chức danh cụ thể như khối cán bộ quản lý cao cấp, khối cán bộ quản lý học vụ - đào tạo, khối GV, khối cán bộ quản lý hành chính, khối trợ lý - thư ký - giáo vụ, ... Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Ngoài ra, quy trình tuyển dụng được ban hành theo QĐ số 413/QĐ-ĐHKTCN ngày 23/9/2020 cũng được thể hiện cụ thể trong Quy định tuyển dụng nói trên. Đội ngũ NV được Phòng TCHC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những qui định đã được ban hành [H7.07.02.01]. Theo đó, NV Khoa KTXD đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 3 vòng như sau: gặp gỡ phòng ĐT, tiếp xúc khoa chuyên môn, làm việc với phòng TCHC). Trường đã ban hành Quy định tuyển dụng viên chức nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.02]. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc [H7.07.02.03].

Bảng 7.2.1. Số lượng NV của Khoa KTXD tính đến tháng 12/2023

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	Khác	Cao đẳng - ĐH	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
NV thư viện	0	2	0	0	2
NV phòng thí nghiệm	0	1	23	1	25
NV công nghệ thông tin	0	0	7	0	7
NV hành chính	0	13	29	1	43
NV hỗ trợ	5	3	0	0	8
Tổng số	5	18	56	2	81

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc như sau

[H7.07.02.04]:

i) Chức danh thuộc Khối cán bộ quản lý cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối cán bộ quản lý học vụ, đào tạo, Khối GV: Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vi tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) Chức danh cán bộ, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính: có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm quản lý, thái độ tích cực và cầu tiến ...

iii) Chức danh NV giáo vụ, hỗ trợ của Khoa: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.06]. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.07]; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng Trường, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa, các tiêu chí tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Phòng TCHC và Khoa KTXD [H7.07.02.08].

2. Điểm mạnh

- Trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV.

- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và của Phòng TC-HC.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá hiệu quả công tác bổ nhiệm và điều chuyển chưa được thực hiện thường xuyên để có thể điều chỉnh kịp thời..

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường rà soát rà soát và ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo việc bổ nhiệm và điều chuyển NV thực hiện đúng công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm Trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KTXD và các Phòng ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên/ cán bộ hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo các thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng hàng năm và Quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc & nghỉ ngơi đối với VC&NLĐ thuộc Trường được ban hành theo QĐ số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022 đối với công chức viên chức [H7.07.03.01]. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá thông qua Bảng phân công công việc của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.02]. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ để giúp GV và NH hoàn thành nhiệm vụ của mình. Các cán bộ hỗ trợ được quản lý thông qua bằng cấp và lý lịch viên chức được cập nhật hàng năm [H7.07.03.03].

Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua Bảng tiêu chí năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.05]. Trong đó, phản ánh rõ chuyên môn, quá trình công tác và quá trình tự học nâng cao trình độ bằng biểu mẫu tự nhận xét cuối năm của viên chức hành chính [H7.07.03.04].

Kết quả đánh giá được phổ biến cho tất cả cán bộ nhân viên. Dựa vào đánh giá hàng tháng và kết quả công tác trong năm học, cán bộ hỗ trợ của Khoa KTXD được đánh giá

phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá có tiêu chí rõ ràng và cụ thể, các cá nhân đạt thành tích sẽ có Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng tặng cho tập thể và các cá nhân [H7.07.03.06]. Quy trình đánh giá cán bộ hỗ trợ cuối năm được thực hiện như sau: (i) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; (ii) Quyết định đánh giá, phân loại của trường đơn vị; (iii) Đánh giá ở Hội đồng cấp đơn vị; (iv) Đánh giá ở Hội đồng cấp Trường [H7.07.03.01].

Bảng 7.3.1. Tổng hợp kết quả đánh giá NV hỗ trợ tại Trường

Năm học	Tổng số NV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không xét
2018-2019	58	10	48	0	0
2019-2020	59	9	47	1	2
2020-2021	40	9	27	0	4
2021-2022	36	8	28	0	0
2022-2023	81	16	62	0	3

Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá được Trường phổ biến và công khai trước kết thúc mỗi năm học. Kết quả đánh giá cán bộ hỗ trợ của Khoa KTXD đều đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao [H7.07.03.05].

2. Điểm mạnh

- Trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Hằng năm, Trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của cán bộ hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và khoa cần có các tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm của nhân viên hỗ trợ và có giải pháp cải thiện.	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hằng năm Trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Định kỳ hằng năm, Nhà Trường và Khoa thực hiện cho nhân viên đăng ký nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân. Thông qua việc đăng ký, Trường và Khoa KTXD khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về đào tạo bồi dưỡng của Trường [H7.07.04.01].

Bảng 7.4.1. Thống kê số lượt NV hỗ trợ của Khoa KTXD được tập huấn, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ

TT	Nội dung đào tạo	Số lượt CB tham dự					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023

1	Bồi dưỡng giảng viên hạng III				1		
2	Bồi dưỡng giảng viên hạng II		1				
3	Đào tạo trình độ Tiến sĩ					1	

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn cho toàn bộ các VC và NLĐ như nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính, an toàn lao động, kiến thức quốc phòng-an ninh, tập huấn GV dạy kỹ năng mềm, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, tổ chức các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng và có 3 cán bộ hỗ trợ tham gia. [H7.07.04.02].

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng theo từng năm. Kế hoạch của Trường được hoạch định dựa vào kế hoạch đào tạo từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], các kết quả đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04], danh sách nhân sự thuộc diện quy hoạch [H7.07.04.05]; báo cáo khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLĐ của Trường [H7.07.04.06].

Sau khi thống kê, Trường có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó như các thông báo/kế hoạch về tổ chức bồi dưỡng [H7.07.04.02-03]. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Khoa KTXD và Trường đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng những nhu cầu đó. Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá việc đào tạo [H7.07.04.07].

Định kỳ giữa năm và cuối năm, người được cử đi học sẽ báo cáo kết quả đào tạo cho Trường để giám sát và có biện pháp kịp thời xử lý. Cán bộ nhân viên được cử đi học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập và áp dụng vào công tác hàng năm đều được Trường và Khoa thống kê [H7.07.04.08].

2. Điểm mạnh

- Hằng năm, Trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV.

- Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCD của Trường và các đơn vị.

- Trong giai đoạn 2018-2023, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của cán bộ hỗ trợ tại các đơn vị còn chưa đồng đều, dẫn đến mức độ hài lòng chung của toàn trường chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và khoa triển khai đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên, đảm bảo mức độ hài lòng từ người học.	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm Trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị.	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và qui định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV [H7.07.05.01], [H7.07.05.02].

Trường đã xây dựng hệ thống quản lý hành chính điện tử Egov trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... qua đó giúp Phòng TCHC tổng hợp, giám sát, đánh giá các hoạt động trong công việc của đội ngũ NV. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc [H7.07.05.03], [H7.07.05.04].

Bảng 7.5.1. Tổng hợp thành tích của NV hỗ trợ của Khoa KTXD

Năm	Tổng số NV	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Nâng lương trước hạn	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục
2019	4	3	0	0	0
2020	5	4	1	0	0
2021	3	3	1	0	0
2022	1	1	0	0	0
2023	5	4	0	0	0

Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như có máy chấm công bằng vân tay lúc vào làm và ra về; đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc công việc. Trường còn có cơ chế Khen thưởng đột xuất, cụ thể như sau: i) Thi đua - Khen thưởng dành cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích tốt trong năm học (Tập thể lao động xuất sắc/Tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp...); ii) Khen thưởng đột xuất những cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác và đạt thành tích tốt trong công tác thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học [H7.07.05.05].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản [H7.07.05.06].

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác [H7.07.05.07].

Trong giai đoạn 2018-2023, nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công

việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.07]. Không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác [H7.07.05.05]. Đồng thời, các quy định/Quy chế của Nhà trường luôn được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV [H7.07.05.06].

2. Điểm mạnh

- Trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

- Trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

- Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCD.

- Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

- Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá hiệu quả công việc thường chỉ được thực hiện vào cuối năm học hoặc trong các cuộc họp định kỳ, dẫn đến việc đánh giá công tác của nhân viên chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng TC-HC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm Trường và Khoa Kỹ thuật xây dựng cải tiến việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công	Trường ĐHKTCN Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và của Phòng TC-HC.

Trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hàng năm, Trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả đánh giá NV hàng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Trường xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011-2020” có nội dung phát triển nhân sự của

Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2018-2023, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa Kỹ thuật xây dựng còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ nhận định chất lượng của người học là yếu tố quyết định tới sự phát triển của nhà trường và chất lượng của CTĐT. Với mục đích đào tạo ra nguồn nhân lực ngành Quản lý xây dựng, Khoa Kỹ thuật xây dựng thuộc Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn xác định người học và hoạt động hỗ trợ người học là trọng tâm trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động của Khoa. Trường và Khoa đã xây dựng và từng bước cải tiến công tác tuyển sinh, nâng cao hoạt động quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của người học, đẩy mạnh hoạt động hoạt động hỗ trợ người học, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, năng động.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình xây dựng đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh của các ngành đào tạo nói chung và ngành Quản lý xây dựng nói riêng được quy định một cách rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả [H8.08.01.01].

Hằng năm, Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh, Khoa Kỹ thuật xây dựng xác định kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.02]. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường và Khoa được cập nhật hàng năm để phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế tuyển sinh chung của các trường ĐH trong cả nước. Phương thức tuyển sinh thay đổi theo từng năm:

Trong năm học 2018-2019, Trường có 01 phương thức xét tuyển (Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2018).

Trong năm học 2019-2020, Trường có 03 phương thức xét tuyển (Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT theo kết quả học tập của học bạ ba năm 10,11,12, Xét tuyển thẳng theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trong năm học 2020-2021, Trường có 04 phương thức xét tuyển (Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT theo kết quả học tập của học bạ ba năm 10,11,12, Xét tuyển đối với học sinh THPT có học lực khá và hạnh kiểm tốt, Xét tuyển thẳng theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trong năm học 2021-2022, Trường có 04 phương thức xét tuyển (Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT theo kết quả học tập của học bạ ba năm 10,11,12, Xét tuyển dựa vào kết quả từ kỳ thi tuyển đầu vào của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Xét tuyển thẳng theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trong năm học 2022-2023, Trường có 03 phương thức xét tuyển (Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT theo kết quả học tập của học bạ ba năm 10,11,12, Xét tuyển dựa vào kết quả từ kỳ thi tuyển đầu vào của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Xét tuyển thẳng theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trong giai đoạn 2018-2023, Trường có các hình thức: Điểm xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, điểm xét học bạ THPT, điểm từ kỳ thi tuyển đầu vào của Đại học Quốc

gia Thành phố Hồ Chí Minh và xét tuyển thẳng [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Qua đó, phần lớn người học của Khoa Kỹ thuật xây dựng được xét tuyển thông qua 2 hình thức chính là: Xét điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia và điểm từ xét học bạ THPT. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành Quản lý xây dựng (điểm, đối tượng ưu tiên) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 8.1.1 Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành Quản lý xây dựng qua các năm từ 2018-2023 [H8.08.01.04]

Phương thức tuyển sinh	Điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia	Điểm từ xét học bạ (TB 3 môn tổ hợp)	ĐGNL
Năm 2018-2019	13	-	-
Năm 2019-2020	13	18	-
Năm 2020-2021	18	18	-
Năm 2021-2022	19,75	19,5	-
Năm 2022-2023	22,15	22,1 (Xét tuyển sớm) 25,24 (Đợt chung)	600
Năm 2023-2024	15	18,3	600

(Nguồn Phòng Đào tạo, QLSV, 12/2023)

Thông qua các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh, thống nhất điểm trúng tuyển Đại học hằng năm và điểm trúng tuyển được cập nhật trên website Tuyển sinh của Trường. Ngoài ra, Trường ra thông báo công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh như: đối tượng, quy trình thi, Xét tuyển, đánh giá đầu vào, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên trên website Tuyển sinh của Trường, tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh [H8.08.01.04]

Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học; xét tuyển học bạ THPT các năm; xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia TPHCM, xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Từ năm 2018 - 2023 theo các kế hoạch 366/KH-ĐHKTCN ngày 20/12/2019, 1040/KH-ĐHKTCN ngày 21/12/2020, 1319/KH-ĐHKTCN ngày 31/12/2021 và 616/KH-ĐHKTCN ngày 21/6/2022, Trường thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp thông qua các kênh như: Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên; tham gia tư vấn tuyển sinh với các trường THPT tại thành phố Cần Thơ và các tỉnh ĐBSCL qua đó nắm bắt được nhu cầu nhân lực [H08.08.01.05]. Từ năm 2018 - 2023 Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá nhu cầu thị trường lao động liên quan đến ngành Quản lý xây dựng [H08.08.01.06]. Hằng năm, Trường phối hợp với các Khoa tổng hợp ý kiến đề

xuất về các tổ hợp môn xét tuyển, các ngành học tại Trường và thực hiện báo cáo công tác tuyển sinh [H8.08.01.07].

Bảng 8.1.2 Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học

Năm học	Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh ngành QLXD	Số lượng NH nhập học chính thức
Năm 2018-2019	50	36
Năm 2019-2020	50	58
Năm 2020-2021	50	52
Năm 2021-2022	60	61
Năm 2022-2023	60	59
Năm 2023-2024	65	63

(Nguồn Phòng Đào tạo, QLSV, 12/2023)

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng (Các nội dung được xác định cụ thể bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng), được công bố công khai thông qua website Trường và được cập nhật thường xuyên để phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Trường sử dụng nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

3. Điểm tồn tại

Việc quảng bá thông tin tuyển sinh của Trường chưa tận dụng kênh thông tin từ các cựu **sinh** viên một cách hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2023 - 2024, Khoa Kỹ thuật xây dựng tăng cường liên hệ với cựu sinh viên Khoa để quảng bá thêm thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các cựu sinh	Khoa KTXD	Từ năm 2023 - 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		viên.			
2	Phát huy điểm mạnh	Từ năm học 2023 - 2024, Trường tăng cường việc quảng bá những hình ảnh về hoạt động của ngành học đến các đối tượng có liên quan thông qua website Trường, liên tục cập nhật và bổ sung những thông tin, hình ảnh hoạt động chi tiết của ngành học như hoạt động giảng dạy, sinh hoạt ngoại khóa, thực hành thực tập... Cập nhật, đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông, nhất là qua không gian mạng, mạng xã hội,...	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển người học theo quy chế tuyển sinh đại học hàng năm của BGD&ĐT [H8.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hàng năm để tuyển chọn được người học có được năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn tuân thủ theo đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Thông qua các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh, thống nhất điểm trúng tuyển Đại học hàng năm và điểm trúng tuyển, cuối đợt xét tuyển Phòng Đào tạo thực hiện báo cáo tổng kết kết quả tuyển sinh các năm [H8.08.02.04].

Hàng năm, Trường phối hợp với các Khoa tổng hợp ý kiến đề xuất về các tổ hợp môn xét tuyển, các ngành học tại Trường và thực hiện báo cáo công tác tuyển sinh [H8.08.02.05]. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường có những buổi

hợp để phân tích, đánh giá kết quả tuyển sinh, từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa lấy ý kiến các bên liên quan, cụ thể là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa phân tích sâu về tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số sinh viên thôi học và chất lượng sinh viên năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2023 - 2024, Bộ phận tư vấn tuyển sinh và Khoa tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh. Trường cần có chính sách rõ ràng hơn để thu hút học sinh giỏi, chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số sinh viên thôi học và chất lượng sinh viên năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.	Trường T Khoa KTXD	Từ năm 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm	Hội đồng tuyển sinh, các bộ phận giúp việc,... phối hợp với Khoa	Trường ĐHKTCNCT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	manh	bám sát quy chế của BGD&ĐT xác định tiêu chí tuyển sinh linh hoạt, đa dạng sao cho việc chọn lựa được người học phù hợp nhất để tuyển và đào tạo.	Khoa KTXD		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các đơn vị, cố vấn học tập, nhân viên chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ người học từng bước tiến bộ. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được phân công cho các đơn vị như: Phòng Đào tạo quản lý kết quả học tập sinh viên, xét tốt nghiệp sinh viên; Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên quản lý điểm rèn luyện sinh viên [H8.08.03.01]. Ngoài ra, Trưởng Khoa phân công một GV phụ trách công tác cố vấn học tập triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt cố vấn học tập. Mỗi CTVH duy trì lịch sinh hoạt cố vấn học tập với người học hàng tháng, đảm bảo thực hiện sinh hoạt cố vấn học tập trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của SV. Khi tiếp nhận những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của người học cần giải quyết ngay, cố vấn học tập phụ trách tại Khoa tổng hợp báo cáo và gửi tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho người học, cố vấn học tập thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của người học để kịp thời tư vấn cho người học thực hiện đúng tiến độ của CTĐT [H8.08.03.02].

Căn cứ vào Quy chế, quy định của Trường để giám sát việc học tập và rèn luyện của người học và được phổ biến trong tuần Sinh hoạt công dân - Sinh viên hằng năm [H8.08.03.03]. Năm học đầu tiên, Phòng ĐT và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho người học trong quá trình học tập tại Trường. Người học tham dự Lễ đón tân sinh viên do Trường và Khoa tổ chức và được giới thiệu tổng quan về các đơn vị, cố vấn học tập, nhân viên quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa, cố vấn học tập của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành Quản lý xây dựng

và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học [H8.08.03.04]. Từ năm 2018 - 2023 vào đầu năm học, Tân sinh viên được phổ biến quy chế, quy định Trường, thông tin liên quan đến học tập, rèn luyện của sinh viên có trong Sổ tay sinh viên [H8.08.03.05]. Bên cạnh đó, giáo vụ Khoa cũng tham gia hỗ trợ, tư vấn người học giải quyết học vụ và phối hợp với các phòng ban liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho người học. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng ĐT công bố trước mỗi học kỳ, chuyên viên Phòng ĐT phối hợp với trợ lý các Khoa xây dựng thời khóa biểu, lịch thi, lịch thực tập phù hợp ở từng học kỳ, giúp người học có điều kiện hoàn thành CTĐT đúng thời hạn [H8.08.03.06].

Để giám sát tiến độ học tập và rèn luyện sinh viên đạt hiệu quả cao, Trường lập kế hoạch học tập hằng năm, và kết quả học tập rèn luyện sẽ được quản lý qua hệ thống phần mềm quản lý giáo dục PMT-EMS [H8.08.03.07]. Trường ban hành Quyết định ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học tập để đánh giá về kết quả học tập và kết quả rèn luyện theo từng học kỳ. Đồng thời, những hoạt động phục vụ cộng đồng của người học đều được ghi nhận lại [H8.08.03.08]. Trường có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học [H8.08.03.09]. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm hồ sơ thông tin của người học, các thông báo của Trường, thời khóa biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, thông báo công nợ... Việc học tập và rèn luyện của người học được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đào tạo của Trường. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của từng Khoa sẽ được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, kết quả học tập, rèn luyện của từng người học có thể tra cứu thông qua phần mềm hệ thống quản lý giáo dục PMT-EMS [H8.08.03.10]. Kết quả học tập và rèn luyện của người học được đánh giá và Trường xét khen thưởng sinh viên có tiến bộ trong học tập và rèn luyện vào mỗi học kỳ [H8.08.03.11]. Định kỳ hằng năm, BGH, Khoa, cố vấn học tập, các đơn vị liên quan tổ chức gặp gỡ để trực tiếp giải đáp các thắc mắc của người học, đề xuất các biện pháp hỗ trợ sinh viên thông qua Hội nghị gặp gỡ BGH với sinh viên [H8.08.03.12].

2. Điểm mạnh

Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV.

Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.

Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao kết quả học tập

và rèn luyện của sinh viên được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của sinh viên được cải thiện.

3. Điểm tồn tại

Hội nghị cố vấn học tập chưa diễn ra định kỳ thường xuyên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Năm học 2023-2024, Trường tăng cường tổ chức Hội nghị cố vấn học tập để hỗ trợ người học trong việc học tập và rèn luyện.	Trường Khoa KTXD	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hơn nữa hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của người học trong rèn luyện và học tập.	Trường Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học, gồm:

Về trách nhiệm tư vấn học tập, các phòng ban như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của người học trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý người học thông qua hoạt động của cố vấn học tập [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Từ năm 2018 - 2023, để giúp cải thiện việc học tập của SV, Trường ban hành quy định công tác cố vấn học tập theo các quyết định hằng năm 416/QĐ-ĐHKTCN ngày 18/09/2019, 442/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/10/2020, 398/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/09/2021, 629/QĐ-ĐHKTCN ngày 05/09/2022 và 439/QĐ-ĐHKTCN ngày 23/08/2023 nhằm tăng cường sự chủ động và phối hợp giữa các đơn vị có liên quan đến công tác tư vấn, phục vụ, hỗ trợ, giám sát sinh viên trong quá

trình học tập và rèn luyện tại trường [H8.08.04.04].

Về hoạt động ngoại khóa, thi đua, lãnh đạo Khoa, đội ngũ giảng viên phối hợp với Đoàn Khoa và Liên chi hội Khoa để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho người học [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07].

Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho người học, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ người học trong việc tra cứu và tìm kiếm các tài liệu học tập cần thiết tại thư viện và hướng dẫn sử dụng tài liệu trang thư viện số, tài liệu điện tử liên kết với Trung tâm học liệu trường Đại học Cần Thơ. Qua đó, người học có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [H8.08.04.08], [H8.08.04.09].

Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm phối hợp tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng, phối hợp các đơn vị trong và ngoài trường để hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.10].

Ngoài ra, trong sổ tay sinh viên phổ biến cho người học đầu năm nhất cũng có đầy đủ những văn bản, quy định, nội quy, hướng dẫn của Trường để hỗ trợ việc học tập và rèn luyện của người học [H8.08.04.11]. Theo quyết định số 537/QĐ-ĐHKTCN ngày 18/12/2018 và 688/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/12/2023, Trường ban hành Quy chế công tác sinh viên trong đó có đề cập đến về tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ người học [H8.08.04.12]. Các Khoa có đội ngũ cố vấn học tập hỗ trợ việc học tập và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.13]. Trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của người học như: Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tạo nhiều sân chơi để sinh viên tham gia học tập, rèn luyện, trao dồi kỹ năng, sống, nhiều câu lạc bộ ra đời theo nhu cầu của sinh viên và thu hút nhiều sinh viên tham gia các câu lạc bộ, tổ chức nhiều cuộc thi, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học thu hút người học tham gia ... [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Để hỗ trợ cho người học trong việc học tập, NCKH Trường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp phòng TN nhờ đó đề tài NCKH của người học ngày càng tăng [H8.08.04.16]. Từ năm 2018 - 2023, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, các Khoa, Phòng tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: hội thao văn nghệ truyền thống; các cuộc thi thiết kế theo chủ đề (giới thiệu ngành nghề, an toàn thực phẩm), báo tường; Chương trình Xanh - Sạch - Đẹp trường học, tổ chức các câu lạc bộ: tin học, giao lưu, kết nghĩa với các đoàn thể địa phương, các hoạt động giao lưu tuyên truyền phổ biến pháp luật, giao lưu giữa các câu lạc bộ với nhau, tổ chức rèn luyện kỹ năng... [H8.08.04.17].

Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học, Khoa tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề ...trên địa bàn thành phố và các tỉnh để tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, tiếp xúc thực tế, từ đó tăng cường kỹ năng để xin việc làm [H8.08.04.18], [H8.08.04.19]. Trên trang website phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên có chuyên mục việc làm để đăng thông tin tuyển dụng và

nhu cầu việc làm của các cơ quan, doanh nghiệp [H8.08.04.20]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các Khoa tổ chức Ngày hội việc làm hàng năm cho SV. Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV xây dựng kế hoạch và trình Hiệu trưởng ban hành kế hoạch ngày hội việc làm của SV. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV phối hợp các khoa mời các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các buổi chuyên đề giới thiệu, tư vấn việc làm cho SV. Nhà trường, Khoa Kỹ thuật xây dựng triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: hội thảo tư vấn việc làm, ngày hội việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp, ... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học [H8.08.04.21].

Nhằm tiếp thu những đóng góp, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của SV, cuối năm học Trường có tổ chức Hội nghị Ban Giám hiệu gặp gỡ SV, hoặc trong những buổi sinh hoạt cố vấn học tập, thông qua báo cáo cố vấn học tập, phòng CTCT&QLSV tổng hợp những ý kiến và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ sinh viên [H8.08.04.22]. Ngoài ra, đầu năm học Trường tổ chức tuần sinh hoạt CD-SV để phổ biến những quy định, nhiệm vụ chức năng của các đơn vị hỗ trợ, giáo dục pháp luật cho người học năm nhất và người học của các lớp chuyển tiếp [H8.08.04.23]. Hằng tháng, trong những buổi sinh hoạt cố vấn học tập, thông qua báo cáo cố vấn học tập, phòng CTCT&QLSV tổng hợp những ý kiến và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ người học, qua các buổi SH cố vấn học tập người học hiểu biết các chủ trương, kế hoạch và thông báo của Trường [H8.08.04.24]. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về khảo sát các bên liên quan, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, Phòng CTCT&QLSV tiến hành khảo sát khảo sát, kết quả năm học 2022-2023 có 92.8% sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Ngoài ra, Trường phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo tiến hành khảo sát sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công hằng năm. [H8.08.04.25], [H8.08.04.26].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học.

Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp người học tăng trải nghiệm thực tế.

Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với doanh nghiệp tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả người học trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động ngoại khóa tổ chức cho người học đa số gói gọn trong phạm vi Trường, chưa đa dạng các hoạt động mang phạm vi cấp thành phố hoặc cả nước để thu hút

thêm người học các trường khác tham gia. Tuy khoa có thực hiện họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, việc đánh giá, đối chuẩn sự hiệu quả của các hoạt động chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2023 - 2024, Khoa sẽ phối hợp cùng P.CTCT&QLSV nghiên cứu và tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa trực tiếp hoặc online để tạo cơ hội cho sinh viên có thể tham gia nhiều hoạt động và có điều kiện giao lưu, học hỏi với sinh viên các trường bạn. Khoa thực hiện so sánh, đối chiếu hiệu quả của các hoạt động thông qua phân tích kết quả số lượng người tham dự, phản hồi của người tham dự, quy mô tổ chức.	Trường Khoa KTXD	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, GV, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ người học, tư vấn hỗ trợ học tập giúp người học nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề, tự tin.	Trường Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Kỹ thuật xây dựng luôn tạo môi trường học tập thoải mái thân thiện, tạo không khí làm việc để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên

cứu. Cơ sở đào tạo của Khoa Kỹ thuật xây dựng được bố trí tại cơ sở I. Trên diện tích 96 m², Trường và Khoa đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho SV, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của SV đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, giáo vụ Khoa với NH tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với NH khiến NH thêm tin yêu và tự hào về Khoa, Trường (Quyết định số 903/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2020, Kế hoạch số 140/KH-DHKTCN ngày 18/02/2023 tăng cường công tác xây dựng văn hóa học đường tại 'Trường ĐH KTCN CT) [H8.08.05.01], [H8.08.05.02].

Trường và Khoa thành lập các CLB ngoại khóa với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Thông tin về các CLB được đăng trên website của nhà trường để SV dễ dàng tìm hiểu. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua nhằm tạo sân chơi và rèn luyện sau giờ học trên giảng đường cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành QLXD. Công đoàn Trường phối kết hợp với các phòng ban khác trong Trường tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện và thu hút sự tham gia của NV, GV để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NV, GV, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ NV, GV.... Tổ trưởng Công đoàn Khoa cùng với Ban chủ nhiệm Khoa cải thiện điều kiện việc làm, chăm lo đời sống cho NV, GV trong Khoa. Thu hút NV, GV tham gia các hoạt động do Công đoàn Trường phát động. Trường phối hợp với cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ tổ chức khám sức khỏe cho các tân SV thuộc Trường. Theo thống kê hàng năm, 100% SV của Trường tham gia bảo hiểm y tế học đường [H8.08.05.03], [H8.08.05.04].

Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nhằm đảm bảo cảnh quan sư phạm của Trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho GV, NV và NH về điều kiện học tập, sinh hoạt trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh, hoa, ghế đá, mái che nắng, tạo môi trường thoải mái, mát mẻ, thân thiện cho NH. Cantin trong khuôn viên trường để phục vụ cho GV, NV và NH [H8.08.05.06], [H8.08.5.07), [18.08.5.08]. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.05]. Thư viện lớn với các phòng làm việc khép kín tạo điều kiện cho NH làm việc nhóm. Tại khu Vực Văn phòng Khoa KTXD, Ban chấp hành Chi Đoàn khoa phụ trách nội bảng thông tin cho SV trước văn phòng Khoa với nội dung và hình ảnh được trang trí phong phú, sinh động, cập nhật các sự kiện trong năm học. Hằng năm, Trường tổ chức kiểm tra về công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường, bên cạnh đó các dãy phòng học, phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng và vệ sinh an toàn thực phẩm để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập tốt nhất cho NH [H8.08.05.09], [H8.08.05.10], [H8.08.05.11].

Để đánh giá sự hài lòng của người học về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan, Khoa và Nhà trường đã lấy ý kiến trực tiếp của người học thông qua các buổi đối thoại NH, các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.05.12]. Ngoài ra, Trường tiến hành khảo sát dạng phiếu để lấy ý kiến của người học được khách quan hơn về môi trường học tập, điều kiện học tập và hoạt động ngoại khóa để từ đó những giải pháp điều chỉnh, cải tiến môi trường cảnh quan học tập tốt nhất cho người học. Khảo sát ý kiến của CBVC về môi trường tâm lý, môi trường làm việc thực hiện trong năm 2019 cho thấy mức độ hài lòng ở hầu hết các các tiêu chí đạt trên 70%: hài lòng về mức lương bổng và phúc lợi xã hội là 77,63%; hài lòng với cấp quản lý trực tiếp là 74,71%; hài lòng với đồng nghiệp là 88,21%; mức độ hài lòng về công việc là 86,79%; hài lòng đối với điều kiện hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu được đánh giá ở mức thấp nhất là 67,45% (Báo cáo khảo sát ý kiến CBVC về môi trường làm việc tháng 5/2020). Trong các báo cáo khảo sát CB, GV, NV về lĩnh vực hoạt động của Trường năm 2020, 2021 cho thấy mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, XH, môi trường làm việc được cải thiện hơn (năm 2020: 85,3% và năm 2021: 84,5%). Kết quả khảo sát NH cho thấy mức độ hài lòng của NH được cải thiện dần từ năm 2021 đến năm 2022, cụ thể: 75% (năm 2021) và 75,7% (năm 2022) NH hài lòng về môi trường tâm lý, XH, môi trường làm việc; 74% (năm 2021) và 76,2% (năm 2022) NH hài lòng về cảnh quan sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong Trường: 69% (năm 2021) và 72,2% (năm 2022) NH hài lòng với môi trường, cảnh quan (khu vui chơi, giải trí, căn tin, nhà xe,...) (Báo cáo khảo sát SV về các lĩnh vực hoạt động của Trường tháng 12/2021 và tháng 11/2022). Ý kiến đánh giá của cựu NH về môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc đạt trên 75% (Theo báo cáo kết quả khảo sát tháng 12/2021 và tháng 3/2023 của Trường) [H8.08.05.13].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học.

Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp người học thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	Trường	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hằng năm, Trường và Khoa KTXD đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Trường Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật:

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy chế tuyển sinh của BGDĐT, được công bố công khai, được cập nhật thường xuyên phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của Trường. Công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng, sử dụng nhiều hình thức, PP, phương tiện trong quá trình tuyển sinh. Tùy theo phương thức tuyển sinh, Nhà trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và PP tuyển chọn cho từng CTĐT một cách rõ ràng. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học không ngừng được Nhà trường rà soát, đánh giá và cải tiến. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ người học. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của người học được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của người học được cải thiện. Có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học. Có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp người học

tăng trải nghiệm thực tế. Có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả người học trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp người học thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Những tồn tại cơ bản:

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu người học và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số sinh viên thôi học và chất lượng sinh viên năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Điểm trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,40 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Cơ sở vật chất và trang thiết bị là những điều kiện cần thiết để triển khai các hoạt động đào tạo ở trường Trường và Khoa KTXD. Trường cần có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cũng như hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành QLXD theo quy định hiện hành. Trường hiện đang đào tạo nhiều ngành và bậc học với số lượng hơn 5184 SV, với tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục là 1,252.5 ha, cơ sở II là 17,69 ha, trong đó Khoa KTXD có tổng diện tích đất sử dụng là 96 m². Các phòng học phục vụ công việc đào tạo, giảng dạy và học tập của khoa được bố trí, sắp xếp

tại cơ sở I tại số 256 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Cụ thể, văn phòng Khoa được đặt tại cơ sở I; Phòng thí nghiệm VLXD, Cơ Lý Đất và Trắc Địa; 2 hội trường lớn trên 200 chỗ, 13 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 33 phòng học từ 50 - 100 chỗ, 14 phòng học dưới 50 chỗ, 2 phòng học đa phương tiện, 27 phòng làm việc (diện tích 12199,26 m²); 01 thư viện (diện tích 1554 m²); 42 phòng thí nghiệm thực hành (diện tích 6240 m²). Ngoài ra, một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, khu tự học, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện ... tổng diện tích sử dụng hiện tại Trường Đại học KTCN Cần Thơ nói chung và Khoa KTXD nói riêng đáp ứng được với tỉ lệ [H9.09.01.01].

Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được niêm yết tại lối ra vào của trường, của khu nhà và từng tầng cụ thể. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các thiết bị trên hỗ trợ tối đa cho các công tác hành chính, công tác tiếp sinh viên và giải quyết học vụ, tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa, Trường. Về hệ thống phòng học, cũng như các khoa khác trực thuộc Trường đều sử dụng chung cơ sở vật chất của Trường dưới sự điều phối chính của Phòng ĐT. Khoa KTXD sử dụng hệ thống phòng học tại cơ sở chính đảm bảo chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy chiếu, âm thanh, chiếu sáng, mạng wifi... thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học [H9.09.01.02]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng phòng thực hành, phòng máy tính, mượn và trả trang thiết bị của Trường. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Tại các dãy phòng học, phòng thực hành, cầu thang máy của Trường luôn có số điện thoại liên lạc khẩn để GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên kỹ thuật hoặc sự cố khẩn cấp [H9.09.01.03]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT tham mưu cho BGH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Nhằm định hướng phát triển và mở rộng quy mô đào tạo, Trường ban hành Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020 - 2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu cơ sở hạ tầng của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trong đó tập trung phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, điều chỉnh lại quy hoạch

không gian cơ sở đúng theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và dự kiến di dời về cơ sở mới vào năm 2025. Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của Trường luôn dành kinh phí cho đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 ha [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Trong năm 2023, Trường đã xây dựng phòng thực hành mô phỏng phục vụ cho sinh viên ngành QLXD với các phần mềm mô phỏng đáp ứng cho chương trình đào tạo ngành. Nhằm giúp cho SV trong ngành QLXD có điều kiện tiếp cận hơn với thực tế, thực hành trực tiếp với công việc ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường, dễ dàng bắt nhịp với công việc sau khi tốt nghiệp ra trường. Trường đã trang bị phòng thực hành mô phỏng - Logistics [H9.09.01.06].

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Trường rất chú trọng việc phục vụ cho người học. Những năm qua, Trường và khoa ... thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng trong trường tổ chức hội nghị đối thoại với SV cũng như lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất và trang thiết bị [H9.09.01.07]. Kết quả thu được từ các hội nghị đối thoại và khảo sát này là cơ sở để Khoa và Trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất để phục vụ người học ngày càng tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành QLXD theo quy định hiện hành.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành QLXD.

Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	Khoa KTXD Và các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KTXD cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành QLXD theo quy định hiện hành.	Khoa KTXD Phòng QT-TB	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên kết đào tạo, Trung tâm Đại học Tại chức (tiền thân của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) thành lập bộ phận Thư viện và giao nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập để phục vụ nhu cầu học tập của các sinh viên các trường liên kết đào tạo. Sau khi thành lập Trường, căn cứ tình hình và điều kiện hoạt động thực tế của Trường, Trường bố trí Thư viện trực thuộc Phòng Đào tạo từ năm 2013 - 2016; trực thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm từ 2017 - 2018 và từ 2019 đến hiện nay, Thư viện trực thuộc Phòng QLKH-HTQT. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018 - 2020 và 2020 - 2025. Thư viện Trường tọa lạc tại tòa nhà có 2 tầng, với diện tích hơn 1554m². Tầng trệt gồm

kho sách, phòng đọc được trang bị máy lạnh, khu vực tra cứu OPAC được trang bị 10 máy vi tính, khu vực để báo, tạp chí và luận văn, tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên chính quy. Tầng một có 01 phòng máy tính với 40 máy, 01 phòng hội thảo và 01 phòng thảo luận.[H9.09.02.01].

Trường ban hành nội quy của Thư viện, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện. Thư viện Trường áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường bằng hình thức triển khai các hoạt động tập huấn như giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt HSSV đầu khóa, hướng dẫn kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thư viện cho SV, cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn tra cứu các cơ sở dữ liệu trên website nhằm giúp người đọc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có. Hằng năm, Thư viện Trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện. Trên cơ sở đó, hằng năm, Thư viện Trường thực hiện báo cáo, theo dõi, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực học tập của Trường. Thư viện, phòng đọc có nội quy và các các trang thiết bị để hoạt động nhằm đảm bảo được công suất sử dụng tối đa hiệu quả của thư viện, phòng đọc của Trường, như chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính bàn, thiết bị quét thẻ sinh viên, phần mềm tra cứu... Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn như giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt HSSV đầu khóa, hướng dẫn kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thư viện cho SV, cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn tra cứu các cơ sở dữ liệu trên website nhằm giúp người đọc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.02], [H9.09.02.03].

Hiện tại, Thư viện Trường có 7.064 đầu sách, đề tài khoa học, luận văn tiểu luận tốt nghiệp với 19.652 bản; bản tin khoa học: 7.000; 5 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện Trường thiết lập mối quan hệ liên kết với Thư viện của Trường Đại học Cần Thơ để tiếp nhận nhiều sách và CSDL trực tuyến. Với số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo hiện có, Thư viện Trường đảm bảo nguồn học liệu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD [H9.09.02.04], [H9.09.02.05]. Nhằm học tập chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên của Trung tâm, hằng năm, Trường thường xuyên cử cán bộ, nhân viên của Trung tâm học liệu tham gia các hội thảo, hội nghị về Thư viện, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, nhằm mở rộng nguồn tài liệu phục vụ cho công tác dạy học và NCKH, Thư viện gửi thông báo về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH đến các Khoa. Căn cứ đề xuất của các khoa về dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học

tập, NCKH, Thư viện tổng hợp kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện. Hằng năm, Phòng TC-KT tham mưu BGH dự toán kinh phí cho việc mua sắm, đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập của Trường. Trường đầu tư thư viện số phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của Trường. Bên cạnh đó Trường cũng dành kinh phí để mua CSDL trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của GV và SV. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, Quy định chế độ làm việc của GV và Quy định biên soạn, chọn lựa giáo trình của Trường có quy định chế độ khuyến khích GV biên soạn và xuất bản giáo trình Thư viện số trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Thư viện Trường cập nhật, bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo liệu (bản in và điện tử) được cập nhật, bổ sung đáp ứng nhu cầu ĐT và nghiên cứu của SV và GV. Hằng năm, căn cứ vào đề xuất của các Khoa, trong đó có Khoa KTXD, về nhu cầu bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập cũng như NCKH của đơn vị mình, Thư viện tổng hợp, xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, trình Hiệu trưởng ký phê duyệt và triển khai thực hiện. Do đó, SV và GV Trường ĐHKTCNCT nói chung và Khoa KTXD nói riêng được tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú. Kết quả thống kê cho thấy, Trường đã đầu tư 561.600.000 đồng cho việc nâng cấp Thư viện, trong đó có kinh phí dành cho việc bổ sung và cập nhật nguồn học liệu. Thư viện cũng đã thiết lập cơ sở dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu đáp ứng Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT ngày 17/7/2023. [H9.09.02.06], [H9.09.02.07].

Trường đã đầu tư phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Bên cạnh đó, Thư viện triển khai thực hiện sổ góp ý để tiếp thu ý kiến bạn đọc. Hằng năm, Thư viện Trường phối hợp các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan trong trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường. Trong giai đoạn 2015 - 2019, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD. Định kỳ hằng năm, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị tiến hành kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có kiểm kê nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và dựa trên kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, Trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học. Qua thống kê kinh phí đầu tư, mua sắm hằng năm của Phòng TC-KT, Trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H9.09.02.08].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị.

Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường.

Hàng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, tiếp tục đề xuất đầu tư kinh phí, trang bị hạ tầng đủ tiêu chuẩn kết nối với các trung tâm thư viện lớn trong và ngoài nước. Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó sẽ tăng cường liên kết sử dụng chung cơ sở dữ liệu; xây dựng kế hoạch tham gia làm thành viên các tổ chức, hiệp hội lớn về thư viện, các trung tâm chuyên đào tạo ngành QLXD trong nước và quốc tế.	Khoa KTXD Phòng QT-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hàng năm	1

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Khoa KTXD Phòng QT-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hàng năm	2

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hiện có 42 phòng thí nghiệm, phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và các trang thiết bị cần thiết được xác định trong CTĐT ngành QLXD. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có khoảng 320 máy tính, 13 máy chiếu, 41 tivi thông minh đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các Khoa đào tạo CTĐT nói chung và Khoa KTXD nói riêng. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành của Nhà trường được bố trí phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và SV. Khoa cũng được Trường giao trọng trách thực hiện các công việc giảng dạy, đào tạo và hỗ trợ hoạt động NCKH. Cụ thể, Khoa KTXD có 03 phòng thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm đều được trang bị các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm phục vụ đầy đủ cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.01] [H9.09.03.02].

Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các Khoa [H9.09.03.05].

Trong phòng thí nghiệm có Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành, thí

nghiệm rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện. Có nội quy riêng của phòng thí nghiệm thực hành trực thuộc Khoa [H9.09.03.06]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Phòng QT-TB sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị; Sổ nhật ký theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng; Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07]. Phòng QT-TB và Khoa đều có cán bộ phụ trách phòng, thiết bị riêng [H9.09.03.08].

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thí nghiệm thực hành hàng năm Trường có tổ chức đối thoại SV [H9.09.03.09]. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Khoa tiến hành phát phiếu khảo sát ý kiến của SV về phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị ở mỗi học kỳ [H9.09.03.10]. Đây là cơ sở để Khoa điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các học kỳ tiếp theo.

Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành ngành QLXD, trên cơ sở đề xuất của Khoa KTXD, Trường phân công các GV khoa kiêm nhiệm trợ lý phụ trách phòng thí nghiệm, phòng thực hành và giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QT-TB có trách nhiệm xây dựng CSDL theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và PVCĐ [H9.09.03.11]. Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Định kỳ hằng năm thông qua kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hằng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Phòng QT-TB phối hợp các phòng, khoa, trung tâm tham mưu BGH và đề xuất Trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H9.09.03.12], [H9.09.03.13].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD.

Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng

cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành QLXD nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Ý kiến phản hồi của người sử dụng chưa đầy đủ, chưa được phân tích chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD. Phối hợp với các phòng chức năng tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.	Khoa KTXD Phòng QT-TB Phòng TC-KT Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho ngành ĐT.	Khoa KTXD Phòng QT-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi thành lập trường, năm 2013, Trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban Quản trị hệ thống thông tin là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm quản lý ĐT, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm kế toán, hệ thống mạng Internet, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu của Trường, Khoa KTXD [H9.09.04.01]. Trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch năm học đã được ban hành và thực hiện luôn luôn có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Bên cạnh đó, kế hoạch về CSVC giai đoạn 2020 - 2025 có các nội dung về tăng cường thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, đặc biệt năm học 2021 - 2022 Trường triển khai hệ thống học tập trực tuyến Elearning phục vụ công tác giảng dạy và đánh giá kết quả học tập. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.02].

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, SV được sử dụng máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và tham gia các kỳ thi online. Năm 2021, bên cạnh việc ĐT giảng dạy trực tiếp trên giảng đường, các học phần trong CTĐT CNSH Khoa KTXD đồng thời triển khai giảng dạy trên hệ thống E-Learning các học phần trong giai đoạn dịch bệnh, đến nay vẫn tiếp tục được duy trì [H9.09.04.03].

Toàn bộ hệ thống CNTT của trường hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của GV, NV và SV. Trên cơ sở phần mềm OneUni trong công tác quản lý ĐT, quản lý hành chính điện tử, GV, NV có thể truy cập, truy xuất, tra cứu thông tin. Ngoài ra, Trường cung cấp cho GV, NV và SV Khoa KTXD E-mail nội bộ dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác ĐT, học tập và NCKH. Để duy trì cho sự ổn định của hệ thống CNTT, Ban Quản trị hệ thống thông tin và Phòng QTTB được sự phân công của BGH phối hợp thực hiện các công tác kiểm tra định kỳ (gồm hằng ngày và hằng tuần) nhằm phát hiện và xử lý kịp thời nếu xảy ra sự cố [H9.09.04.04]. Bên cạnh đó, Khoa KTXD đã xây dựng những kênh thông tin khác nhằm hỗ trợ quản lý công tác ĐT, NCKH và trao đổi thông tin giữa Khoa, GV với SV như fanpage Facebook (Tên chính thức: Khoa KTXD, Trường ĐHKTCNCT, địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/khoaktxdctut>)

và website của Khoa KTXD (<https://khoaktxd.ctuet.edu.vn/>) [H9.09.04.05]. Năm học 2019 - 2020, Khoa KTXD đã ứng dụng phần mềm Google-Meet/Zoom vào việc sinh hoạt CVHT hàng tháng để trao đổi với SV.

Hàng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QT-TB gửi công văn đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Tổng hợp các đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, Phòng QT-TB tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện]. Hàng năm, Trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Quản trị hệ thống tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập [H9.09.04.06]. Trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện. Trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H9.09.04.07]. Bên cạnh đó, Trường trang bị các phần mềm diệt virus và giao Ban Quản trị hệ thống phối hợp các đơn vị thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus có bản quyền để bảo đảm các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT của Trường và máy tính tại phòng làm việc của đơn vị. Trường trang bị ổ cứng di động để Ban Quản trị hệ thống thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời máy chủ có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ. Đối với hệ thống mạng, Trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, hàng năm, Trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H9.09.04.08], [H9.09.04.09].

Kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB phối hợp với Ban Quản trị hệ thống tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hàng năm Phòng QT-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, Phòng TC-KT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT

phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H9.09.04.10].

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT và nghiên cứu [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư hạ tầng CNTT và tuyên thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hàng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa KTXD, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai	Khoa KTXD Phòng QT-TB	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	tại	thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.	Phòng TC-KT Ban QT HTTT CVHT		
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Khoa KTXD Phòng QT-TB Phòng TC-KT Ban QT HTTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt. Các Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường. Hàng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người

có nhu cầu đặc biệt. Trường đã ban hành các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành. Các quy định, tiêu chuẩn được ban hành nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế, vệ sinh môi trường, an toàn trong trường học của các đơn vị, GV, NV và NH [H9.09.05.01].

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban như: Phòng QT-TB, Phòng CCTCT&QLSV, Bộ phận Y tế, Tổ Bảo vệ có chức năng chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) *Về môi trường*: GV và NH có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, cây cảnh, ghế đá, mái che nắng... tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho GV và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với Trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và có kế hoạch cải tiến cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, Trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh...). Thực hiện theo quy định của Trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập. [H9.09.05.02] [H9.09.05.03].

ii) *Về sức khỏe*: Bộ phận Y tế tại trường với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của Bộ, các ngành liên quan để sơ cứu khi xảy ra các sự cố về an toàn và sức khỏe [H9.09.05.04].

iii) *Về đảm bảo an toàn, khuôn viên*: Trường có tường rào bao quanh và được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera an ninh, theo dõi người ra - vào. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương về việc tập huấn cho lực lượng tự vệ của Trường hằng năm nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Liên quan hoạt động phòng chống cháy nổ, các cơ sở được Trường trang bị trang thiết bị PCCC theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ. Đồng thời, Trường phối với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ.

Trường thực hiện báo cáo giai đoạn 2018 - 2023 về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và

báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm, Hội nghị đối thoại và gặp gỡ giữa Ban Giám hiệu và sinh viên hằng năm. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng TC-KT lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường. Phòng CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.05^[A5]], [H9.09.05.06]. Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Qua kết quả báo cáo khảo sát, Trường đã xây dựng các Kế hoạch và triển khai việc cải thiện tiêu chuẩn về môi trường tâm lý xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, trong đó đạt tỷ lệ hài lòng trên 80% của CB, GV, NV, 84,8% của cựu SV và từ 53,4 – 66,2% của SV đang học tại Trường [H9.09.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt.

Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện.

Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, đối với CSVC tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các BLQ, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các BLQ về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.	Khoa KTXD Phòng CTCT&QLSV Phòng QT-TB Phòng TC-KT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.	Khoa KTXD Phòng CTCT&QLSV Phòng QT-TB Phòng TC-KT	Hàng năm	

5.Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Những điểm mạnh nổi bật

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành QLXD theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành QLXD. Hàng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị

cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, ngành QLXD được trang bị một phòng thí nghiệm thực hành với 10 máy tính cấu hình cao và phần mềm có bản quyền. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành QLXD nói riêng. Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý

kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Những tồn tại cơ bản

Những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Có 4/5 tiêu chí đạt điểm 5,0, 1/5 tiêu chí đạt điểm 4,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn 9 đạt: 4,80 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Sứ mạng của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước. Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Vì vậy, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ và Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, nghiên cứu viên, NH, nhà tuyển dụng, HĐKH & ĐT cấp Khoa, Trường). Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban

hành các CTĐT và các học phần của Trường. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, Quy định khảo sát và các biểu mẫu các bên liên quan góp ý về CDR, CTĐT, CTDH [H10.10.01.01].

Bảng 10.1.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH ngành QLXD

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức hoặc đăng ý tham dự các buổi tập huấn của chuyên gia	Bảng phân công nhân sự tổ soạn thảo CTĐT và ĐCCT các học phần ngành QLXD
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng	Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá của nhà tuyển dụng về năng lực của SV tốt nghiệp chuyên ngành QLXD và những yêu cầu của họ đối với lao động.
Giảng viên	- Thiết kế CDR của CTDH, học phần. - Thiết kế ĐCCT, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần.	- Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, họp bộ môn. - Tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV	- CDR của CTĐT - CDR của học phần - Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá học phần - ĐCCT học phần - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của GV về CTDH ngành QLXD.
Người học	- SV phản hồi về nội	Tổ chức khảo sát lấy	- Báo cáo kết quả khảo

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
	dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các học phần trong CTDH; - SV đã tốt nghiệp phản hồi về CTDH ngành QLXD.	ý kiến người học về PP dạy học, kiểm tra đánh giá.	sát ý kiến của SV về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá trong CTDH ngành QLXD. - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV về CTDH ngành QLXD.
Các trường đại học khác	Mục tiêu đào tạo, CDR, Cấu trúc CTDH ngành QLXD có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH ngành QLXD của Trường với CTDH ngành này của Trường ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học San Diego (Mỹ), Trường Đại học Rutgers (Mỹ)	Bảng đối sánh giữa CTDH ngành QLXD của Khoa KTXD
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CDR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT các học phần ngành QLXD	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa KTXD thông qua CTDH ngành QLXD	Dự thảo toàn bộ CTDH ngành QLXD
Trường	Sự phù hợp của CDR ngành QLXD với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH ngành QLXD mới

Bảng 10.1.1 cho thấy việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được

thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Trường ban hành Quy định về khảo sát các bên liên quan. Dựa trên các quy định, biểu mẫu đã ban hành về khảo sát các bên liên quan, Trường tiến hành khảo sát và chuyển dữ liệu về Khoa KTXD để xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan vào việc rà soát, cập nhật và phát triển CTDH ngành QLXD. Bảng 10.1.1 được cụ thể hóa như sau:

i) Đối với các chuyên gia: Trường đã tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Khoa KTXD tham gia đầy đủ các buổi tập huấn này. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi tập huấn, Khoa KTXD đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện soạn thảo, điều chỉnh CTDH và ĐCCT ngành QLXD.

ii) Đối với nhà tuyển dụng: Trường, Khoa đã ban hành quy định và kế hoạch khảo sát các bên liên quan nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục, trong đó có khảo sát nhà tuyển dụng. Căn cứ vào các quy định và kế hoạch này, Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của nhà tuyển dụng về năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên dữ liệu khảo sát của Trường, Khoa KTXD thực hiện phân tích và viết báo cáo đánh giá về năng lực và mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp ngành QLXD về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề để thiết kế, hiệu chỉnh CTDH ngành QLXD phù hợp hơn.

iii) Đối với giảng viên: Khoa KTXD tổ chức họp nhóm GV tham gia thiết kế CTDH ngành QLXD và họp Bộ môn QLXD-TC nhằm xây dựng cơ sở thiết kế CDR của CTDH ngành này, thiết kế ĐCCT, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các học phần thuộc ngành QLXD. Ngoài ra, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến GV về CTDH ngành QLXD và chuyển thông tin, dữ liệu về Khoa KTXD phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh CTDH ngành QLXD.

iv) Đối với người học: Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Dữ liệu, thông tin thu thập được chuyển về Khoa KTXD để xử lý, phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTDH ngành QLXD.

v) Đối với các trường đại học khác: Trường có thực hiện đối sánh các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi xây dựng và điều chỉnh CTDH. Khoa KTXD đã thực hiện đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTDH ngành QLXD có liên quan và kết quả đối sánh này được tham khảo để thiết kế, điều chỉnh CTDH ngành QLXD phù hợp hơn.

vi) Đối với HĐKH & ĐT cấp Khoa: Khoa KTXD có tổ chức họp HĐKH & ĐT của Khoa để thảo luận thống nhất CDR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT các học phần ngành QLXD. Từ đó, Trường và Khoa KTXD đã xây dựng được dự thảo toàn bộ về CTDH và ĐCCT ngành QLXD.

vii) Đối với Trường: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có

liên quan, thảo luận sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường. Dựa trên kết luận từ các cuộc họp của BGH và lãnh đạo các đơn vị về CĐR và ý kiến các bên liên quan có được qua khảo sát, Khoa KTXD cập nhật, điều chỉnh CTDH của ngành QLXD và ĐCCT các học phần thuộc ngành này và trình BGH Trường phê duyệt và ban hành.

Định kỳ hằng năm, Khoa KTXD phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH ngành QLXD thông qua nhiều hình thức như phiếu khảo sát, hội nghị, hội thảo về CTDH. Kết quả khảo sát được Khoa KTXD sử dụng làm căn cứ để rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTDH ngành QLXD [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tổ chức tập huấn cho CBGV cách thức thiết kế CTDH [H10.10.01.04]. Việc thiết kế CTDH, Khoa KTXD có tham khảo CTDH các CSĐT trong nước, đồng thời sử dụng, tham khảo ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là của cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động và các kênh thông tin dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành QLXD trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành QLXD [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07]. CTDH ngành QLXD được Hội đồng KHĐT Trường thông qua và trình Hiệu trưởng ban hành. CTDH ngành QLXD được ban hành lần đầu tiên vào năm 2013 và ban hành phiên bản điều chỉnh vào năm 2019, 2020, 2022 [H10.10.01.08], [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan.

Trường ĐHKTCNCT đã ban hành Quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát hàng năm, trong đó có khảo sát về CTĐT ngành QLXD.

Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành QLXD và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa KTXD tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành QLXD.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến về thiết kế cải tiến CTDH ngành QLXD chưa đầy đủ số lượng mẫu các bên liên quan ngoài trường nên kết quả khảo sát chưa mang tính đại diện cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Giai đoạn 2024 - 2027, định kỳ hằng năm Khoa KTXD phối hợp	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	

	tại	các phòng, phòng chức năng đa dạng hóa hình thức khảo sát nhằm tăng cường số lượng các bên liên quan.	Khoa KTXD		
2	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm, Trường tiếp tục rà soát, cải tiến quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các Khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường. Năm 2015, Trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Phòng ĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã ban hành năm 2015, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT đã được điều chỉnh vào năm 2020 và 2021, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các biểu mẫu cụ thể [H10.10.02.01].

Năm 2019, 2020 và 2022, Trường tiến hành điều chỉnh CTĐT, trong đó có CTDH ngành QLXD và thông báo đến các khoa, GV, SV biết để thực hiện. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020 có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Định kỳ hàng năm, căn cứ Kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan, các khoa tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT vào năm 2019, 2020 và 2022, đồng thời thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH,

Trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung khảo sát về CDR của CTĐT và đề cương học phần [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH được các Khoa tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, các khoa triển khai lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH. CTDH ngành QLXD đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các bên liên quan khi điều chỉnh CTDH [H10.10.02.07], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09], [H10.10.02.10].

2. Điểm mạnh

Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDDH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Khoa KTXD triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành QLXD vào năm 2019, 2020 và 2022.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Giai đoạn 2024 - 2027, Phòng ĐT chủ động phối hợp các Khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTDH đạt hiệu quả hơn.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy	Định kỳ hằng năm, Trường và	Trường	Hằng năm	

	điểm mạnh	Khoa KTXD rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo.	ĐHKTCNCT Khoa KTXD		
--	--------------	--	-----------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành các văn bản, quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của người học, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Định kỳ hằng năm, Khoa KTXD thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H10.10.03.03]. Ngoài ra, Bộ phận Thanh tra của Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H10.10.03.04]. Phòng ĐT là đơn vị giám sát về kết quả học tập của SV toàn Trường và Khoa KTXD giám sát kết quả học tập của SV do Khoa quản lý [H10.10.03.05]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT & QLSV thống kê danh sách SV bị cảnh báo học vụ và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học vụ SV, trong đó có SV ngành QLXD [H10.10.03.06].

Hằng năm, Trường luôn triển khai khảo sát chất lượng học phần giảng dạy của GV, đồng thời tiến hành hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để làm cơ sở rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV. Nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG KQHT người học [H10.10.03.07]. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường ban hành có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR [H10.10.03.08]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức tập huấn cho GV cách thức xây dựng chuẩn đầu ra; xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT; thiết kế Rubrics và ban hành ngân hàng câu hỏi [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học.

Trường, Khoa KTXD triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học

trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc giải trình ý kiến của cựu NH về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKTCNCT đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của GV là giảng dạy và NCKH; với các loại hình NCKH cụ thể được

trình bày tại Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường. Trong đó, Trường đã quy định rõ về nhiệm vụ thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; (v) hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đánh giá hàng năm thông qua quy đổi thành giờ chuẩn. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học. Thông tin sản phẩm đề tài NCKH được đăng tải trên website của Trường, của Phòng QLKH-HTQT, Khoa KTXD để GV, SV dễ dàng tiếp cận và sử dụng trong quá trình [H10.10.04.01].

Tính đến năm 2023, GV Khoa KTXD đã và đang thực hiện 09 đề tài NCKH; trong đó, có những đề tài không chỉ phục vụ giảng dạy và học tập tại Trường mà còn mang tính thực tiễn rất cao như: “Phát triển hợp tác đào tạo cao học tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”; “Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”; “Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030”; “Phương pháp xây dựng hồ sơ đánh giá năng lực nâng cao đầu ra đối với sinh viên Khoa KTXD”; “Xây dựng mô hình thu nhỏ, tối ưu vận chuyển hàng hóa nội bộ kho trong lĩnh vực kho vận Logistics” và “Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ sản phẩm khoa học Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ”. Ngoài ra, GV Khoa KTXD còn tham gia 01 dự án xây dựng phòng thí nghiệm mô phỏng Logistics. GV của Khoa KTXD đã thực hiện chuyển tải những sản phẩm NCKH đã nghiên cứu thành nội dung bài giảng, chuyên đề để ứng dụng vào cải tiến quá trình giảng dạy và học tập của Cụ thể, NCKH “Ứng dụng chương trình 5S tại văn phòng đoàn Trường ĐHKTCNCT” được bổ sung dưới dạng ví dụ thực tiễn vào nội dung bài giảng học phần Quản lý SX Lean & JIT và Lean Six Sigma. NCKH “Phương pháp xây dựng hồ sơ đánh giá năng lực đầu ra đối với sinh viên Khoa KTXD” và “Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chính quy trường Đại học Kỹ thuật- Công nghệ CT” được chuyển thành chuyên đề phổ biến đến GV và SV của Khoa ứng dụng đánh giá năng lực đầu ra của SV, cũng như giúp SV nâng cao kết quả học tập. NCKH “Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ” được chuyển tải vào nội dung bài giảng học phần Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp của ngành QLXD. Nội dung của NCKH “Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030” đã được bổ sung làm phong phú nội dung bài giảng của học phần Quản trị nhân sự. NCKH “Xây dựng Website khoa KTXD hỗ trợ hoạt động tuyển sinh và quảng bá thông tin” được chuyển tải thành một phần nội dung giảng dạy trong các

học phần Marketing trong xây dựng và học phần Quản lý dự án xây dựng [H10.10.04.02], [H10.10.04.03], [H10.10.04.04].

Bảng 10.4.1. Các đề tài, báo cáo KH liên quan đến dạy và học của Khoa KTXD

Năm	Tên đề tài/Báo cáo KH	GV thực hiện
2019 - 2020	Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ.	ThS. Nguyễn Minh Tân
2020-2021	Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ Giai đoạn 2020 - 2025	ThS. Nguyễn Minh Tân
2021-2022	Thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ sản phẩm khoa học tại trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ	ThS. Nguyễn Minh Tân
2021-2022	Nghiên cứu ứng xử của tấm nổi dưới ảnh hưởng hệ 3 bậc tự do di động khi vận tốc xe thay đổi bằng phương pháp phần tử biên và phương pháp phần tử chuyển động	ThS. Phan Nhật Tân
2022-2023	Đề tài khoa học cấp trường: Giải pháp Đào tạo, Đào tạo lại cho sinh viên của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ bị ảnh hưởng do đổi mới công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	ThS. Nguyễn Minh Tân

(Nguồn Khoa KTXD, 12/2023)

Tính đến năm 2023, Khoa KTXD đã có 24 bài báo trong nước và 6 bài báo quốc tế do giảng viên Khoa thực hiện hoặc tham gia thực hiện, xuất bản 02 giáo trình, nghiệm thu 18 bài giảng cấp Khoa và có 46 báo cáo khoa học cấp Khoa, cấp Trường với nhiều sáng kiến của GV được áp dụng vào cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập. Ngoài ra, Khoa KTXD đã tổ chức thành công Chương trình Tọa đàm kết nối “Doanh nghiệp - Sinh viên” năm 2019 và 2020; chương trình Tọa đàm “Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành QLXD” năm 2022. Về hội thảo khoa học, Khoa KTXD đã tổ chức 03 hội thảo khoa học để chia sẻ kinh nghiệm về PPGD hiệu quả cũng như thảo luận kiến thức chuyên ngành: Hội thảo khoa học cấp khoa năm 2020 “Nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV”; Hội thảo khoa học cấp trường “Quản trị rủi ro và nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp” năm 2022; Hội thảo khoa học cấp trường “Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong ngành xây dựng” năm 2023. Hội thảo thu hút sự tham gia của các chuyên gia trong ngoài trường, sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp. Khoa cũng chủ động tham gia báo cáo trong hội thảo quốc gia do Bộ giáo dục và đào tạo, học viện

QLGD, TĐHKTCNCT phối hợp tổ chức năm 2019 với chủ đề “Bàn về các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục” [H10.10.04.05], [H10.10.04.06].

Bảng 10.4.2. Kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học

Năm	Tên đề tài/Báo cáo KH	GV thực hiện	Áp dụng thực tiễn
2019-2020	Giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp cho sinh viên mới tốt nghiệp tại trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ.	PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã ThS. Nguyễn Minh Tân	Áp dụng tại các khoa thuộc trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ; làm tài liệu tham khảo và mở rộng kiến thức cho môn học “ <i>Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp</i> ”
2020-2021	Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ Giai đoạn 2020 - 2025	PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã ThS. Nguyễn Minh Tân	Áp dụng tại các khoa thuộc trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ; làm tài liệu tham khảo và mở rộng kiến thức cho môn học “ <i>Quản trị chiến lược trong xây dựng</i> ” và “ <i>Quản trị nhân sự trong xây dựng</i> ”
2021-2022	Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ sản phẩm khoa học Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã ThS. Nguyễn Minh Tân	Áp dụng tại các khoa thuộc trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ; làm tài liệu tham khảo cho môn học “ <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i> ”.
2021-2022	<i>Nghiên cứu ứng xử của tám nổi dưới ảnh hưởng hệ 3 bậc tự do di động khi vận tốc xe thay đổi bằng</i>	ThS. Phan Nhật Tân	áp dụng làm tài liệu tham khảo và mở rộng kiến thức cho môn học “ <i>Đàn hồi ứng dụng và</i>

Năm	Tên đề tài/Báo cáo KH	GV thực hiện	Áp dụng thực tiễn
	<i>phương pháp phân tử biên và phương pháp phân tử chuyển động</i>		<i>phương pháp phân tử hữu hạn”</i>
2022-2023	Đề tài khoa học cấp trường: Giải pháp Đào tạo, Đào tạo lại cho sinh viên của trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ bị ảnh hưởng do đổi mới công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	ThS. Nguyễn Minh Tân PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã	Áp dụng cho việc học, nghiên cứu tại khoa KTXD

(Nguồn Khoa KTXD, 12/2023)

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ rõ ràng và đã thực hiện phổ biến đầy đủ nhiệm vụ NCKH đến GV, SV.

Đến nay, GV Khoa KTXD đã áp dụng vào giảng dạy, học tập và nghiên cứu kết quả NCKH.

Định kỳ Trường và Khoa KTXD có tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Trong số các đề tài NCKH của GV ngành QLXD, chưa có nhiều đề tài NCKH liên quan trực tiếp đến việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Giai đoạn 2024 - 2027, Khoa KTXD tăng cường số lượng đề tài NCKH của GV có liên quan đến đổi mới phương pháp dạy	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	

		học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát, đánh giá lại và cải tiến Quy định về công tác NCKH của GV, nhất là cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành các văn bản, quy định công tác CVHT, công tác hướng nghiệp và việc làm, quy định về học bổng khuyến khích, quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Trường, trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được thể hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học về CSVC đã được ban hành [H10.10.05.02].

Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường ban hành có nội dung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường đã được ban hành, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.03]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của GV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

Trường đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT - TT, trong đó có đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, thư viện số, phần mềm quản lý thư viện, trên cơ sở đó, Thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H10.10.05.05]. Nguồn kinh phí của Trường chỉ cho việc tăng cường, nâng cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tăng qua từng năm. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5,7 ha trên tổng thể 17,72 ha [H10.10.05.06], [H10.10.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hàng năm, Trường và Khoa KTXD thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...).

Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Tuy Trường ĐHKTCNCT có nỗ lực cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhưng do nguồn lực của Trường còn hạn chế nên kết quả cải tiến vẫn chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường thực hiện tăng cường xã hội hóa giáo dục	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	

		để nâng cao nguồn lực phục vụ cải tiến dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT.			
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện rà soát và cải tiến Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đối với hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKTCNCT có tính hệ thống và được thể hiện rõ ràng trong Quy định về hoạt động ĐBCL do Trường ban hành [H10.10.06.01]. Quy định này nêu rõ Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan thông qua phối hợp với các đơn vị khác trong trường. Cụ thể, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; Xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; Hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; Lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm. Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng ĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học

và công nghệ. Phòng CTCT&QLSV có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Hằng năm, Trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường [H10.10.06.02]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.03].

Năm 2020, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức họp với các đơn vị để rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL được điều chỉnh, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Định kỳ hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Trường. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách.. Bên cạnh đó, Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường [H10.10.06.04].

Bảng 10.6.1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Biểu mẫu	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
Sinh viên	Khảo sát về các lĩnh vực hoạt động của Trường	Quy trình SV đánh giá về các hoạt động của Trường	BM02	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
	Khảo sát điều chỉnh CTĐT	Quy trình SV đánh giá CTĐT	BM05	ít nhất 1 lần/2 năm	Khoa KTXD Phòng TT-PC-KT-ĐBCL

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Biểu mẫu	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
	Khảo sát về chất lượng học phần lý thuyết	Quy trình SV đánh giá về chất lượng học phần lý thuyết	BM09	1 lần/học kỳ	Khoa KTXD Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
	Khảo sát về chất lượng học phần đồ án, khóa luận	Quy trình SV đánh giá về chất lượng học phần đồ án, khóa luận	BM10	1 lần/học kỳ	Khoa KTXD Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
Sinh viên năm nhất	Khảo sát về công tác tuyển sinh, nhập học	Quy trình SV năm nhất đánh giá về tuyển sinh, nhập học	BM08	1 lần/năm	Phòng Đào tạo
Sinh viên đã tốt nghiệp	Khảo sát về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo	Quy trình SV đã tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo	BM03	1 lần/năm	Phòng CTCT&QLSV
	Khảo sát điều chỉnh CTĐT	Quy trình SV đã tốt nghiệp đánh giá CTĐT	BM06	ít nhất 1 lần/2 năm	Khoa KTXD Phòng CTCT&QLSV
Cán bộ, viên chức, giảng viên	Khảo sát về các lĩnh vực hoạt động của Trường	Quy trình CBGV đánh giá về các hoạt động của Trường	BM01	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL; Phòng TC-HC
Nhà tuyển dụng	Khảo sát về chất lượng đào tạo của Trường và nhu cầu tuyển dụng	Quy trình nhà tuyển dụng phản hồi về chất lượng đào tạo của Trường và nhu cầu tuyển dụng	BM04	1 lần/năm	Phòng CTCT&QLSV

Đối tượng khảo sát	Nội dung khảo sát	Quy trình thu thập	Biểu mẫu	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
	Khảo sát điều chỉnh CTĐT	Quy trình nhà tuyển dụng đánh giá CTĐT	BM07	ít nhất 1 lần/2 năm	Khoa KTXD Phòng CTCT&QLSV

(Nguồn Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, 12/2023)

Trong quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường ban hành sau rà soát, Trường bổ sung nội dung về việc Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Hàng năm, Trường đều có ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong công tác ĐBCL. Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL của Trường đã điều chỉnh được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV, SV biết và thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.05].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đối với hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường có tính hệ thống, thể hiện rõ ràng trong Quy định về hoạt động ĐBCL do Trường ban hành.

Hàng năm, Trường định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả thông kê đến các đơn vị để ứng dụng cải tiến cơ chế phản hồi và chất lượng các hoạt động.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được cải tiến dần sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp từ kết quả khảo sát thu được mỗi năm.

3. Điểm tồn tại

Trường có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về công tác ĐBCL hàng năm nhưng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát vẫn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL thực hiện đa dạng các	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	

		hình thức khảo sát để nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường định kỳ thực hiện rà soát quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL để cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất theo lịch điều chỉnh toàn Trường, đúng QT, tuân thủ theo đúng quy định của Trường và BGDDT. Hàng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại QT xây dựng, thiết kế và QT cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của BGDDT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Trường. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và Quy định về khảo sát các bên liên quan. Định kỳ hàng năm Trường có thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTĐT ngành QLXD. Trường yêu cầu Khoa KTXD sử dụng thông tin này trong việc thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành QLXD của Khoa. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Trường tổng hợp đầy đủ và gửi về Khoa KTXD phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành QLXD, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH ngành này. Trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT; trong đó, có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Dựa trên Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, Khoa KTXD đã thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành QLXD vào năm 2019, 2020 và 2022.

Trường ban hành đầy đủ các văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học. Dựa trên các văn bản, quy định hướng dẫn của Trường, Khoa KTXD đã thực hiện rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT

để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Cụ thể, hàng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hoạt động NCKH của Trường nói chung và Khoa KTXD nói riêng ngày càng được quan tâm, lan tỏa và phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Dựa trên các Quy định về công tác NCKH của GV, SV mà Trường đã ban hành, GV, SV của Khoa KTXD đã tích cực tham gia NCKH; kết quả, sản phẩm NCKH được sử dụng làm tài liệu tham khảo giảng dạy của GV, học tập của SV. Cụ thể, trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD đã và đang thực hiện 09 đề tài NCKH với nhiều đề tài ứng dụng vào cải tiến giảng dạy và học tập, 26 báo cáo khoa học cấp Khoa, cấp Trường, 24 bài báo trong nước và 06 bài báo quốc tế. Trường và Khoa KTXD tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Cụ thể, hàng năm, Trường và Khoa KTXD thực hiện khảo sát lấy ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) để chủ động cải tiến chất lượng các dịch vụ dựa trên kết quả phản hồi.

Việc cải tiến để nâng cao chất lượng đối với công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) tại Trường được quan tâm sâu sát và thực thi đúng quy định của BGDDT. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Hàng năm, Trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng trong hoạt động của từng đơn vị. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan và bổ sung vai trò giám sát của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đối với các đơn vị khác khi sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động.

Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Việc lấy ý kiến về thiết kế cải tiến CTDH ngành QLXD chưa đầy đủ số lượng mẫu các bên liên quan ngoài trường nên kết quả khảo sát chưa mang tính đại diện cao.

Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Việc giải trình ý kiến của cựu NH về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR triển khai còn chậm.

Các đề tài NCKH của GV chưa có liên quan nhiều đến việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

Tuy Trường ĐHKTCNCT có nỗ lực cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhưng do nguồn lực của Trường còn hạn chế nên kết quả cải tiến vẫn chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu của SV.

Trường có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về công tác ĐBCL hàng năm nhưng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát vẫn chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/6 tiêu chí đạt điểm 5,0, 1/6 tiêu chí đạt điểm 4,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn 10 đạt: 4,83 điểm; Số tiêu chí đạt: 6/6; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường. Hằng năm, Khoa KTXD đã tổ chức thống kê tỷ lệ NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ NH thôi học, lượng NH tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu NH. Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành QLXD. Các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa KTXD đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là

năm học có nhiều sự biến động lớn về tỷ lệ thôi học của NH. Chính vì vậy, Khoa KTXD theo dõi tỷ lệ NH đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV và báo cáo sinh hoạt CVHT hằng tháng của các CVHT. Hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý, trong đó yêu cầu các khoa chuyên môn phân tích và dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của các lớp chuyên ngành do khoa đang quản lý [H11.11.01.01]. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, Khoa KTXD phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV để theo dõi, giám sát tỷ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỷ lệ thôi học của NH [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên đều được Phòng ĐT quản lý thông qua phần mềm chuyên dụng với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

Phòng ĐT và Khoa thường xuyên thống kê và giám sát chặt chẽ tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QLXD nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT. Phòng CTCT&QLSV chịu trách nhiệm khảo sát ý kiến NH, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm SV; tổ chức đánh giá nội bộ, giám sát, rà soát việc ĐBCL trong công tác ĐT [H11.11.01.04]. Các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học được xác lập như sau:

Bảng 11.1.1. Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học

TT	Chỉ số hoạt động chính (KPIs)	Công thức tính
1	Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (tính theo khóa học)	Tổng số SV tốt nghiệp/Số SV nhập học (%)
2	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số SV tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ/Tổng số SV hiện tại (theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
3	Tỷ lệ SV thôi học của từng học kỳ, năm học so với đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số SV thôi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số SV nhập học đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
4	Tỷ lệ SV thôi học của từng học kỳ, năm học so với tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước	Tổng số SV thôi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước

Trường sử dụng phần mềm Education để lưu trữ dữ liệu SV, kết quả quá trình ĐT, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của SV, xem xét tỷ lệ SV bị học lại, bỏ học, xét tốt nghiệp,... Thông qua phần mềm này giúp SV tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký học phần và theo dõi, giám sát sự tiến

bộ của mình một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Trường còn phát triển một số tính năng trong phần mềm nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thông kê báo cáo, chăm sóc SV nhằm phục vụ cho công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo Trường [H11.11.01.05].

Mỗi học kỳ, tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các khoa được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả ĐT theo từng học kỳ, năm học của Phòng ĐT. Cùng với báo cáo phân tích, đánh giá kết quả đào tạo và đề xuất cải tiến của Khoa KTXD.

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QLXD của 6 khoá

Khóa học	Thời gian đào tạo	Số lượng toàn khóa	Người học hoàn thành chương trình trong thời gian									
			3 năm		4 năm		4,5 năm		Trên 4,5 năm		Tổng	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2014	4 năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2015	4 năm	76	0	0	26	34,2	0	0	50	65,8	76	100,00
2016	4 năm	33	0	0	14	51,9	0	0	13	48,1	27	81,82
2017	4 năm	15	0	0	4	33,3	0	0	8	66,7	12	80,00
2018	4 năm	27	0	0	11	64,7	1	5,9	5	29,4	17	62,96
2019	4,5 năm	47	0	0	0	0,0	23	100,0	0	0,0	23	48,94

(Số liệu cập nhật đến 30/12/2023)

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QLXD, tính cho đến thời điểm hiện tại ngành đã có 06 khóa có SV tốt nghiệp. CTĐT của các khóa 2014 đến 2018 là 4 năm nên tỷ lệ SV tốt nghiệp của các khóa này cũng tập trung là 4 năm, CTĐT của khóa 2019 là 4,5 năm nên có đến 43,8% SV tốt nghiệp trong thời gian 4,5 năm. Tuy nhiên, tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành QLXD từ khóa 2014 đến khóa 2019 ở mức thấp, chỉ từ 43,8% đến 81,5%. SV tốt nghiệp với tỷ lệ thấp do những nguyên nhân như: SV chưa tốt nghiệp còn trong thời gian đào tạo theo quy định, SV thôi học.

Bảng 11.1.3 Tỷ lệ SV thôi học ngành QLXD của 6 khoá

Khóa học	Số lượng toàn khóa	SV thôi học	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)

2014	0	0	0
2015	98	22	22,45
2016	40	7	17,5
2017	28	12	42,86
2018	36	9	25
2019	58	11	18,97

(Số liệu cập nhật đến 30/12/2023)

Qua bảng số liệu trên cũng cho thấy tỷ lệ thôi học của NH ở mức độ khá cao và biến động trong khoảng từ 17,5% - 42,86% từ khóa 2015 đến 2019. Khóa 2017 có tỷ lệ SV thôi học cao nhất, lên đến 42,86%, đây là khóa thứ 3 Trường tuyển sinh ngành QLXD, thời điểm này ngành học QLXD còn khá mới ở vùng ĐBSCL nên nhiều người chưa biết đến ngành này nên SV bị tác động tâm lý ngành học ít được biết đến và đã thôi học. Sau đó, tỷ lệ SV thôi học giảm ở Khóa 2016 và thấp nhất là Khóa 2016 (tỷ lệ SV thôi học 17,5%). Nhưng sau đó, tỷ lệ SV thôi học lại tăng vào các Khóa tiếp theo.

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng NH thôi học từ khóa 2015 trở đi, Ban chủ nhiệm Khoa KTXD đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do giáo vụ Khoa cung cấp. Hoạt động quản lý SV thôi học/SV tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp khoa và cấp trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng sinh viên, tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV hàng tháng cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH [H11.11.01.05]. Ban chủ nhiệm Khoa cùng các CVHT đánh giá, dự đoán xu hướng tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học và hỗ trợ SV tiếp tục quá trình học tập [H11.11.01.06]. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Khoa KTXD đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho SV các phương pháp cải thiện kết quả học tập, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.07].

Hàng năm, Khoa KTXD đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Việc đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được Phòng ĐT thực hiện với các ngành đào tạo khác trong phạm vi nhà Trường [H11.11.01.08].

**Bảng 11.1.4. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp của 6 khoá giữa ngành QLXD
với ngành QLCN**

Ngành	Khóa học	Thời gian đào tạo	Số lượng g toàn khóa	Người học hoàn thành chương trình trong thời gian									
				3 năm		4 năm		4,5 năm		Trên 4,5 năm		Tổng	
				S L	Tỷ lệ (%)	S L	Tỷ lệ (%)	S L	Tỷ lệ (%)	S L	Tỷ lệ (%)	S L	Tỷ lệ (%)
QLXD	2014	4 năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2015	4 năm	76	0	0	26	34,2	0	0	50	65,8	76	100,00
	2016	4 năm	33	0	0	14	51,9	0	0	13	48,1	27	81,82
	2017	4 năm	15	0	0	4	33,3	0	0	8	66,7	12	80,00
	2018	4 năm	27	0	0	11	64,7	1	5,9	5	29,4	17	62,96
	2019	4,5 năm	47	0	0	0	0,0	23	100,0	0	0,0	23	48,94
QLCN	2014	4 năm	78	0	0	48	61,5	6	7,7	5	6,4	59	75,6
	2015	4 năm	123	0	0	71	57,7	6	4,9	10	8,1	87	70,7
	2016	4 năm	26	0	0	16	61,5	2	7,7	2	7,7	20	76,9
	2017	4 năm	56	0	0	28	50,0	9	16,1	10	17,9	47	83,9
	2018	4 năm	69	0	0	53	76,8	2	2,9	1	1,4	56	81,2
	2019	4,5 năm	85	0	0	0	0,0	54	63,5	0	0,0	54	63,5

(Số liệu cập nhật đến 30/12/2023)

Kết quả đối sánh giữa ngành đào tạo QLXD và ngành QLCN là 2 ngành thuộc của Trường quản lý và đào tạo cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QLXD thấp hơn ngành QLCN (khóa 2017-2019) và tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành QLXD cao hơn ngành QLCN (khóa 2015-2016).

Sau mỗi năm học, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế. Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV bị buộc thôi học, tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, phổ điểm kết quả rèn luyện so với dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Sau mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp

so với cùng kỳ các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV học lại, phổ điểm kết quả học tập so với cùng kỳ các năm trước. Ngoài ra, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại học phần của các CTĐT tương ứng với Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Trường [H11.11.01.09], [H11.11.01.10], [H11.11.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm tồn tại

SV tốt nghiệp trễ hạn của ngành QLXD vẫn còn ở tỷ lệ khá cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Kể từ năm học 2024 - 2025, CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của SV do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể kết quả học tập của SV để có các giải pháp kịp thời giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Trường. BGH Trường phân công 01 lãnh đạo trưởng quản lý công tác đào tạo, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành QLXD được Khoa KTXD tính toán cụ thể. Qua đó, Khoa KTXD tiến hành phân công bộ phận chuyên trách giám sát tốt nghiệp và thiết lập quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Theo quy định của BGD & ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành QLXD được xác lập là 4 năm, thời gian đào tạo tối đa cho phép là 8 năm áp dụng cho các khóa 2018 trở về trước [H11.11.02.02]. Đối với các khóa từ 2019 trở đi, thời gian đào tạo trung bình là 4,5 năm, thời gian đào tạo tối đa là 9 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng ĐT và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm ĐT và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐT phối hợp Khoa KTXD tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [11.11.02.05], [11.11.02.06]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường ban hành [11.11.02.07]. Định kỳ hằng năm, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của SV, đồng thời trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.08].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Trường, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [11.11.02.09], [11.11.02.10]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, các báo cáo tổng kết năm học của Trường có nội dung điều chỉnh CTĐT hướng đến nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian đào tạo [11.11.02.11], [11.11.02.12]. Trường điều chỉnh chuẩn đầu ra ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [11.11.02.13]. Bên cạnh đó, Trường có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện

để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp CTĐT [11.11.02.14]. Sinh viên các khóa 2014-2018 có thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,5 năm (thời gian đào tạo 4 năm), sinh viên khóa 2019 Trong giai đoạn 2018 - 2022, thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QLXD khóa 2019 là 4,3 năm (thời gian đào tạo là 4,5 năm).

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ người học học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm tiến độ và cũng tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QLXD còn cao so với thời gian dự kiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024-2025, Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá người học, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp người học tốt nghiệp đúng hạn.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Phòng CTCT&QLSV phân công 01 Phó trưởng phòng và 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường. Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa để theo dõi, liên hệ với SV tốt nghiệp và hỗ trợ SV tốt nghiệp chưa có việc làm [H11.11.03.01]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thống kê và gửi kết quả SV có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của SN sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đến các Khoa để tham khảo [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, các báo cáo kết quả khảo sát cựu SV của Trường thể hiện vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của cựu SV [H11.11.03.03].

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.03.05]. Qua kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2020 có 641/671 (đạt 95,5%) ý kiến cựu SV trả lời, trong đó có việc làm đúng ngành đào tạo 251/641 (đạt 39,16%); liên quan đến ngành đào tạo 269/641 (đạt 41,97%); không liên quan đến ngành đào tạo 98/641 (đạt 15,29%); tiếp tục học nâng cao trình độ 1/641 (đạt 0,16%); chưa có việc làm 22/641 (đạt 3,43%).

Định kỳ hằng năm, Trường phối hợp các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và nhà tuyển dụng thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị việc làm nhằm tư vấn, hỗ trợ SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.06]. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H11.11.03.07]

Bảng 11.3.2. Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của SV Khoa KTXD (%)

Năm học	Hiện trạng việc làm	
	Chưa có việc làm	Đã có việc làm
2018 - 2019	2	23
2019 - 2020	2	40
2020 - 2021	1	32

Năm học	Hiện trạng việc làm	
	Chưa có việc làm	Đã có việc làm
2021 - 2022	3	32
2022 - 2023	-	-

(Số liệu cập nhật đến 30/12/2023)

Kết quả từ bảng 11.3.2, cho thấy SV đa phần đã có việc làm khi ra Trường.

Bảng 11.3.1. Thống kê môi trường làm việc của SV Khoa KTXD tốt nghiệp (%)

Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
DN tư nhân	22	34	29	21	-
DN có vốn đầu tư nước ngoài	0	4	1	6	-
Các cơ quan Nhà nước	1	1	0	3	-
DN quốc doanh	0	0	0	0	-
Tự làm chủ	0	1	1	0	-
Loại hình khác	0	0	0	0	-

(Số liệu cập nhật đến 30/12/2023)

Đa phần SV tốt nghiệp, hầu hết sinh viên ngành QLXD tốt nghiệp làm việc tại khu vực tư nhân. Tiếp theo là làm việc tại các cơ quan Nhà nước.

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, của Trường, Phòng CTCT&QLSV chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.08]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H11.11.03.09], [H11.11.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học,

rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.11], [H11.11.03.12], [H11.11.03.13]. Tất cả các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp được Trường đăng đầy đủ trên website của Trường, của Khoa [H11.11.03.14]. Ngoài ra, Trường ký nhiều hợp tác với các cơ sở đào tạo, các khu công nghiệp nhằm thúc đẩy tạo điều kiện cho SV tiếp cận việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.15].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị phụ trách khảo sát người học tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của người học, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. Người học được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của người học cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. Một bộ phận SV ngành QLXD làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu SV để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hằng năm Trường và Khoa KTXD tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hằng năm	

		việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc đại học là trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho SV hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ người học là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV thông qua việc ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà người học phải thực hiện [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H11.11.04.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch tổ chức các hoạt động khoa học - công nghệ hằng năm, kế hoạch năm học hằng năm của Trường và của các Khoa đều có chỉ tiêu về số lượng và chất lượng NCKH của SV [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học, trong đó cấp trường do Phòng QLKH-HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện. Về chuyên môn có các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV. BGH Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.05]. Theo đó, hoạt động NCKH của SV ngành QLXD được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở, bài kỷ yếu hội thảo khoa học, bài báo khoa học,... mang lại những ý nghĩa thiết thực cho SV [H11.11.04.06]. Tuy nhiên, giai đoạn 2018-2023 số lượng hoạt động NCKH và số SV tham gia các hoạt động NCKH của Khoa KTXD nói chung, ngành QLXD nói riêng còn hạn chế về số lượng.

Bảng 11.4.1. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của SV qua các năm

Tiêu chí		2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng
Loại hình NCKH	Tham luận tham gia Hội thảo cấp Trường							
	Tham luận tham gia Hội thảo trong nước							
	Tham luận tham gia Hội thảo quốc tế							
	Bản tin Khoa học - Công nghệ cấp Trường						1	1
	Bài báo quốc tế							
	NCKH cấp cơ sở						1	1
Số SV tham gia NCKH	Tham luận tham gia Hội thảo cấp Trường							
	Tham luận tham gia Hội thảo trong nước							
	Tham luận tham gia Hội thảo quốc tế							
	Bản tin Khoa học - Công nghệ cấp Trường						4	4
	Bài báo quốc tế							
	NCKH cấp cơ sở						4	4

(Nguồn: Khoa KTXD, 2023)

Hằng năm, Phòng QLKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên báo cáo hằng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của SV của Khoa. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09]. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của SV Trường [H11.11.04.09]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có

khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của SV Trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của SV Trường ở mức độ Khá [H11.11.04.10].

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Trường phải thực hiện. Bên cạnh đó, Phòng QLKH-HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị. Ngoài ra, hàng năm, Trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.04.11].

Hiện nay, tại Khoa Kỹ thuật Xây dựng, việc sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học đang dần được cải thiện và phát triển. Trước đây, mặc dù lãnh đạo và giảng viên của khoa đã thường xuyên tuyên truyền và vận động sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, nhưng do hạn chế về điều kiện, cơ sở vật chất và hỗ trợ cần thiết, nhiều sinh viên vẫn gặp khó khăn và hạn chế trong việc tham gia.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, nhờ sự hỗ trợ tích cực từ phía giảng viên và các chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, sinh viên đã có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với các đề tài nghiên cứu khoa học hoặc bài báo khoa học. Đến nay, số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trong khoa đang tăng lên góp phần tạo ra môi trường học tập và nghiên cứu tích cực, giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn trong cả lý thuyết lẫn thực hành.

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Trường đạt được hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.12]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Trường, của Phòng QLKH-HTQT và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV. Ngoài ra, Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.13]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H11.11.04.14].

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của SV, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV

trong quá trình làm đề tài.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2024 - 2025, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho SV nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Ngoài ra thông qua Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Giai đoạn 2024 - 2028, Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho sinh viên.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,...). Định kỳ hằng năm, căn cứ quy định khảo sát

các bên liên quan của Trường, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị trực thuộc về kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H11.11.05.01]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất,... có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H11.11.05.02]. Theo đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt, đồng thời xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan, hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát, lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm [H11.11.05.03]. Ngoài ra, Trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát trực tuyến. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng còn được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Trường, Khoa tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường.

Kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL có nội dung giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,... được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và trong báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan [H11.11.05.04] [H11.11.05.05]. Phòng ĐT phối hợp các Khoa thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.05.06]. Ngoài ra, Trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT mà Trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành.

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT ngành QLXD, Phòng ĐT phối hợp với Khoa KTXD đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo

các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H11.11.05.07]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường nói chung và của ngành QLXD nói riêng. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp CTĐT ngành QLXD.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các bên liên quan. Ý kiến của các bên liên quan được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024-2025, Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để chất lượng ĐT, phục vụ người học ngày càng được nâng cao.	Trường ĐHKTCNCT	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Giai đoạn 2024-2028, Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở có tham khảo kết quả khảo sát các bên liên quan để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	Trường ĐHKTCNCT Khoa KTXD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Trường có bộ phận chuyên trách, có công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển

khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ người học trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ người học học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn. Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. Người học được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của người học cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. NH ngành QLXD nói riêng và SV của Khoa KTXD nói chung tham gia hoạt động NCKH với nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của SV luôn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hàng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các bên liên quan. Ý kiến của các bên liên quan được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của người học với các trường trong và ngoài nước. Một số SV chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu SV phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ. Vẫn còn một số SV chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 3/5 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 2/5 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành QLXD tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành QLXD được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QLXD xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp do có tham chiếu dựa trên Khung trình độ quốc gia. CĐR của CTĐT ngành QLXD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT

ngành QLXD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT. CĐR của CTĐT ngành QLXD được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa KTXD tiếp tục tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời phổ biến mục tiêu CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng. Định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành QLXD phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. Trường và Khoa KTXD công bố công khai CĐR cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và đảm bảo CĐR luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Nhà trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành QLXD và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2020, Khoa KTXD thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành QLXD với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. ĐCCT học phần ngành QLXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019, 2020 năm 2022. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành QLXD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành QLXD được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản Mô tả CTĐT và ĐC học phần.

Để phát huy các điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành QLXD, rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện. Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Trường ban hành, trong đó CTDH ngành QLXD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. GV ngành QLXD xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG KQHT của SV trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Các học phần

trong CTDH ngành QLXD được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Tất cả các học phần trong CTDH ngành QLXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Tất cả ĐC học phần trong CTDH ngành QLXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành ngành QLXD thể hiện việc đạt được CĐR. Hằng năm, Trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung về CTDH ngành QLXD. Các học phần trong CTDH ngành QLXD được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Tất cả các học phần trong CTDH ngành QLXD được bố trí hợp lý, có tính hệ thống, đảm bảo học phần song hành, học trước và tiên quyết. CTDH ngành QLXD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2018, 2020 và năm 2022. Khoa KTXD tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa KTXD tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GDĐT trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành QLXD xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường có khảo sát về TLGD của Trường. GV Khoa KTXD xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành QLXD và thể hiện trong ĐC học phần. Trường tạo điều kiện để GV Khoa KTXD tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. GV Khoa KTXD tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa KTXD hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành QLXD. Tất cả ĐC học phần ngành QLXD mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự

học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, ... Trường tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Để tiếp tục phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục tuyên bố TLGD “Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường. Bên cạnh đó, hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa KTXD tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. Định kỳ hằng năm, Trường và Khoa KTXD tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị, xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học; thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, SV thực hiện. Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện. Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐC học phần ngành QLXD và GV Khoa KTXD thông báo cho SV ngay trong buổi học đầu tiên. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR.

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình,

phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa KTXD triển khai thực hiện. Trường, Khoa KTXD áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa KTXD sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT của SV ngành QLXD được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Nhà trường thông báo, phổ biến đến SV quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2018 - 2023, không có trường hợp khiếu nại về KQHT. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến SV sử dụng để cải thiện việc học tập của SV.

Để phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành và phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức. Hằng năm Khoa KTXD tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Trường và Khoa KTXD tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của SV. Trường và Khoa KTXD cũng tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của SV.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa KTXD có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy,

NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn QLXD-TC có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành QLXD đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Hằng năm, Trường có triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành QLXD hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tuyển dụng 59 CBVC, trong đó có 05 TS, 36 ThS và 18 ĐH; bổ nhiệm 68 CBQL, luân chuyển 08 CBQL.

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa KTXD thực hiện đăng ký thi đua năm học. Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa KTXD hài lòng về kết quả đánh

giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa KTXD đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Trường, Khoa KTXD tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu. Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Để phát huy các điểm mạnh về đội ngũ GV, nghiên cứu viên, hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH, tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm Trường và Khoa KTXD rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Mỗi năm Trường và Khoa KTXD cũng tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Hằng năm Trường và Khoa KTXD phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Trường và Khoa KTXD tiếp tục cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

1.7. *Đội ngũ nhân viên*

Trường xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ NV và triển khai hoạch đội ngũ NV dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường triển khai quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ NV đúng theo quy định. Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Ban quản trị hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng về mức độ đáp ứng của NV của Nhà trường.

Trường ban hành hệ thống văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của

Trường và của Phòng TC-HC. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tuyển dụng 04 NV có trình độ ĐH.

Trường ban hành quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NC, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, Trường tiến hành thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả đánh giá NV hằng năm được lưu trữ trong CSDL về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hằng năm của CB, GV, NV của Trường và trong hồ sơ năng lực của NV.

Trường xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, giai đoạn 2011 - 2020” có nội dung phát triển nhân sự của Trường nói chung và phát triển đội ngũ NV nói riêng. Hằng năm, Trường xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Căn cứ kế hoạch ĐT, BD đã phê duyệt, Trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCD của Trường và các đơn vị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ NV thể hiện 100% ý kiến NV hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

Trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Các phòng, khoa, trung tâm đều có xây dựng kế hoạch năm và phân công công việc rõ ràng cho NV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCD. Tất cả đội ngũ NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Ý kiến khảo sát CB, GV, NV và ý kiến của CB, GV, NV tại hội nghị viên chức và người lao động hằng năm đều thể hiện sự hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Để tiếp tục phát huy các điểm mạnh, hằng năm Trường và Khoa KTXD cải tiến công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD; cải tiến các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV; cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, hằng năm Trường và Khoa KTXD triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD và

phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và các đơn vị. Trường và Khoa KTXD cũng cải tiến việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trường và Khoa KTXD xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

Trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học rõ ràng. Hằng năm, Trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

Trường phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV và triển khai thực hiện. Trường đầu tư phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&QLSV, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học. Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Khoa KTXD có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của SV, cựu SV cho thấy trên 85% số SV, cựu SV tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường.

Với phương châm “*Tất cả vì Sinh viên thân yêu!*”, Trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự

thoải mái cho người học. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Trường có hợp đồng thuê Công ty Thành Đồng để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Nhằm phát huy các điểm mạnh, hằng năm Trường và Khoa KTXD tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành; cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh; cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quá trình học tập và rèn luyện của SV. Ngoài ra, Trường và Khoa KTXD tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Trường và Khoa KTXD tiếp tục đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành QLXD theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành QLXD. Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường và Khoa được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng

thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành QLXD nói riêng. Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Để phát huy các điểm mạnh, Trường và Khoa KTXD thường xuyên cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành QLXD theo quy định hiện hành; cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho tất cả ngành đào tạo; tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường tiếp tục cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

1.10. Nâng cao chất lượng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành có

yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan, thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Trường ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và hằng năm triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH ngành QLXD. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH ngành QLXD và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa KTXD tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành QLXD. Năm 2020, Trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Khoa KTXD triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành QLXD vào năm 2019, năm 2020 và năm 2022. Trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT của người học. Trường, Khoa KTXD triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa KTXD đã và đang thực hiện 09 đề tài NCKH, 38 báo cáo chuyên đề cấp khoa và trường có áp dụng trong dạy học. Trường và Khoa KTXD tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hằng năm, Trường và Khoa KTXD thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...). Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Hằng năm, Trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị để xác định kế hoạch cải tiến và tiến hành cải tiến chất lượng hoạt động. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung Phòng TT-PC-KT-ĐBCL giám sát các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Nhằm tiếp tục phát huy các điểm mạnh, hằng năm Trường rà soát, cải tiến quy định về khảo sát các bên liên quan, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành đào tạo. Định kỳ hằng năm, Trường và Khoa KTXD thực hiện rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành đào tạo; cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Trường thực hiện cải tiến quy định về công tác NCKH của GV, trong đó có cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH định kỳ hằng năm. Trường thường xuyên rà soát, cải tiến Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; thường xuyên rà soát, cải tiến quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong công tác ĐBCL, trong đó thể hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

1.11. Kết quả đầu ra

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT. Trường trang bị phần mềm quản lý giáo dục và triển khai theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp. Trường phân công nhiệm vụ cho các phòng, khoa theo dõi đánh giá, phân tích, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Sau mỗi năm học, Trường tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV học lại học phần trên thực tế để cải tiến chất lượng CTĐT. Hằng năm, Trường triển khai tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT và trên cơ sở đó xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT. Trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Trường. Kết thúc từng học kỳ, Trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ

trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường, Khoa KTXD áp dụng nhiều biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Trường triển khai đề Phòng CTCT&QLSV phân tích, dự đoán tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT. Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT của Trường. Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Trường ban hành. Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định. Trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của SV, trong đó có dữ liệu việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của SV phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Hằng năm, Trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV. Trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của SV Trường.

Trường ban hành quy định khảo sát các bên liên quan, trong đó phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất,... Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCD,... Báo cáo kết quả khảo sát thể hiện mức độ hài lòng được so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó của chính CTĐT ngành QLXD. Trường, Khoa KTXD sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để lập kế hoạch cải tiến chất lượng và cải tiến CTĐT ngành QLXD.

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thi học, tốt nghiệp. Trường và Khoa KTXD tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình

của người học, các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Hằng năm, Trường và Khoa KTXD thực hiện cải tiến hoạt động NCKH của SV, đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của SV; cải tiến phương pháp khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy, KTĐG, NCKH, CSVC và trang thiết bị, cảnh quan sư phạm, hỗ trợ người học, hoạt động kết nối và PVCD.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành QLXD chưa nhiều. Số lượng cựu NH, các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành QLXD còn hạn chế do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Số lượng các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành QLXD ký kết hợp tác với Khoa KTXD chưa nhiều do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới nhà tuyển dụng.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa KTXD chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Biểu mẫu ĐC học phần của ngành QLXD chưa tham khảo hoàn toàn ĐC học phần của CDIO. Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành QLXD đến các bên liên quan.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các PPGD hiện đại được GV Khoa KTXD xác định trong ĐC học phần chưa nhiều. Số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành QLXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa KTXD tổ chức chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa KTXD tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành QLXD chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu SV tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít.; Vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa KTXD tổ chức chưa nhiều.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa KTXD chưa đánh giá mức độ hiểu biết của SV các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành QLXD. Khoa KTXD chưa đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết

thức học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

2.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa KTXD còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa KTXD còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa KTXD chưa nhiều. Khoa KTXD chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa KTXD còn hạn chế.

2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành QLXD vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo SV tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, SV.

2.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

2.10. *Nâng cao chất lượng*

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia góp ý CTĐT ngành QLXD chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Việc giải trình ý kiến của cựu SV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR triển khai còn chậm. Số lượng đề tài NCKH của Khoa KTXD còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa

đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của SV. Số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

2.11. Kết quả đầu ra

Hàng năm, vẫn có các trường hợp SV ngành QLXD bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QLXD còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn tỷ lệ SV ngành QLXD làm việc chưa đúng chuyên ngành đào tạo. Số lượng SV Khoa KTXD tham gia NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của SV. Số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa KTXD đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành QLXD. Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT triển khai hoạt động nối kết doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT; Trường kiện toàn mạng lưới cựu sinh viên, mở rộng hợp tác nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đó, Khoa KTXD tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, các nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT ngành QLXD tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức; Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa KTXD tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng có thương hiệu trong ngành QLXD.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa KTXD tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT; Trường tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo, CĐR, ĐCHP. Trên cơ sở đó, Khoa KTXD tham khảo ĐC học phần của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐC học phần ngành QLXD; Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Khoa KTXD đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành QLXD đến các bên liên quan.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KTXD triển khai đề GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐC học phần để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR; tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành QLXD; tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành QLXD.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường; Trường và Khoa KTXD tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học; Khoa KTXD tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KTXD triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR; Khoa KTXD triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của SV của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học; Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa KTXD tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần; Khoa KTXD phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ SV sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập; Khoa KTXD có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo; Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa KTXD; Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao; Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa KTXD; Trường, Khoa KTXD tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo; Phòng TC-HC, Khoa KTXD tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao; Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương.

3.7. Đội ngũ nhân viên

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp; Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; Trường bổ sung các

hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp; Trường và khoa triển khai đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với nhân viên được chuyển sang ngạch giảng viên; Trường, Phòng TC-HC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp; Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường; Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ SV; Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của SV; Trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ; Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo; Trường bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành QLXD; Khoa KTXD, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường; Đối với CSVC tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3.10. Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát; Phòng ĐT phối hợp các khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH; Khoa KTXD phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; Trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa KTXD; Trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của SV; Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hình

thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các nhà tuyển dụng trả lời ý kiến khảo sát.

3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường, Khoa KTXD tăng cường công tác theo dõi, giám sát, hỗ trợ người học để giảm thiểu tối đa số lượng SV bị thôi học; Tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành QLXD để hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp; Tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động hướng nghiệp nhằm tạo điều kiện để SV có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo; Tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích SV Khoa KTXD tham gia NCKH; Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đa dạng hóa hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa tiến hành khảo sát nhằm nâng cao số lượng cựu SV, các nhà tuyển dụng tham gia và trả lời khảo sát.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Mã: KCC

Tên CTĐT: QUẢN LÝ XÂY DỰNG

Mã CTĐT: 7580302

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								5,00		
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%

Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					

Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,00	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,80	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					

<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,60	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,90	50	100%

Cần Thơ, ngày 5 tháng 9 năm 2024



NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
 - Tiếng Anh: Can Tho University of Technology
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHKTCNCT
 - Tiếng Anh: CTUT
3. Tên trước đây (nếu có): Không
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
5. Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
6. Thông tin liên hệ:
E-mail: 0292 3894050 - Website: <http://ctu.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2013
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/2013
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Đại học: 10/2017
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa kỹ thuật xây dựng / Bộ môn Quản lý xây dựng
 - Tiếng Anh: Faculty of Civil Engineering / Department of Construction Management
 - Tên viết tắt của Khoa / Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa KTXD / BM. QLXD-TC
 - Tiếng Anh:
13. Tên trước đây (nếu có): Không
14. Mã CTĐT: 7580302
15. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
16. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
17. Số điện thoại liên hệ: 02923894104
E-mail: khoaktxd@ctu.edu.vn
Website: <https://khoaktxd.ctu.edu.vn/>

18. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2013/2018
19. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2015
20. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 10/2019

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

21. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa KTXD được thành lập theo Quyết định số 159/QĐ-ĐHKTCN ngày 01 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Năm 2023, tổng số CBGV cơ hữu là 23 người, trong đó có 18 CBGV nam và 05 CBGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 CBGV giữ chức vụ Phó trưởng khoa, 01 CBGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Bộ môn QLXD-Thi công (theo Quyết định số 475/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ). Đối với Bộ môn Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Đối với Bộ môn QLXD-Thi công có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng Bộ môn, 01 CBGV giữ nhiệm vụ Phó Trưởng Bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa KTXD gồm 01 Chi đoàn CBGV và 08 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa KTXD, 01 Tổ Công đoàn Khoa. Về trình độ chuyên môn: có 04 CBGV có trình độ Tiến sĩ, 19 CBGV có trình độ Thạc sĩ. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa KTXD đang phụ trách đào tạo 02 ngành trình độ đại học: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng và Quản lý xây dựng. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa gần 517 SV, trong đó có 260 SV ngành Quản lý xây dựng.

Thường xuyên thực hiện phương châm “Tất cả vì sinh viên thân yêu!”, hằng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Năm 2023, Khoa có khoảng 57 sinh viên tìm hiểu thực tập thực tế ở trên nhiều công trình thi công và tổ chức khoảng 101 sinh viên đi tham quan thực tế tại các địa điểm, công trình xây dựng. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm và có sự phát triển. Hằng năm, trong các buổi giao lưu, hội nghị việc làm và hướng nghiệp, Trường cũng mời các doanh nghiệp đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ, định hướng nghề nghiệp cũng như có những phần thưởng nhằm khuyến khích, động viên sinh viên của các ngành thuộc Khoa. Trong năm, Khoa đã tổ chức thành công Chương trình hội thảo chuyên ngành, hướng nghiệp cho sinh viên “Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng – Định hướng sáng

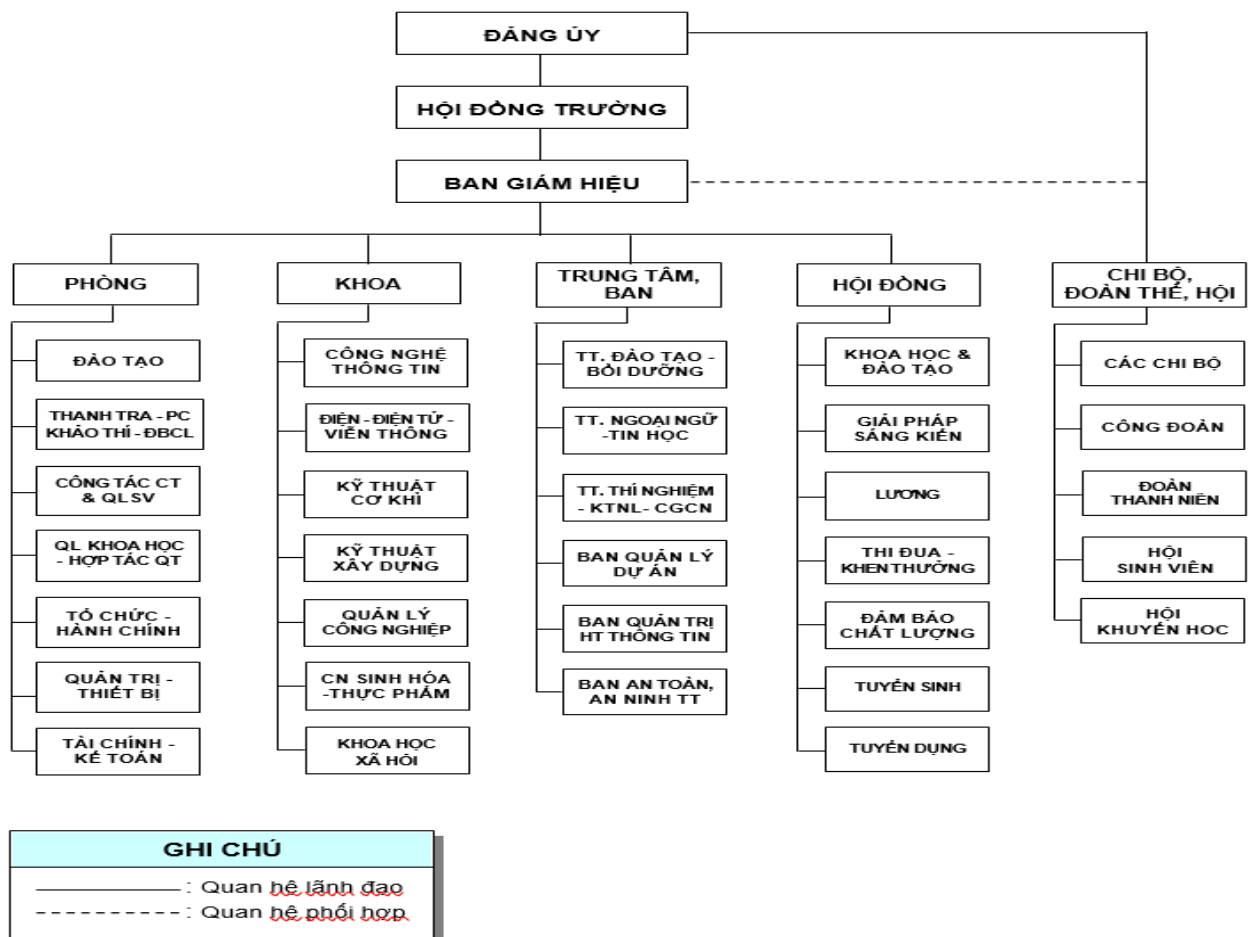
tạo khởi nghiệp; Khoa thường xuyên Tổ chức hội thảo về các giải pháp, công nghệ tiên tiến tiếp cận tri thức số hóa, vật liệu xanh, kiến thức chuyên ngành cho sinh viên như: hội thảo “Công nghệ mới Túi vật liệu D-Box; Cọc đá đầm Geopier; Vật liệu nhẹ Lightweight Soil áp dụng tại Đồng bằng sông Cửu Long” (2017); hội thảo “Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà – Vật liệu xây dựng cho công trình xanh – INSEE PRIZE” (2018); “Giải pháp tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà – Vật liệu xây dựng cho công trình xanh – INSEE PRIZE” (2019), hội thảo “Giải pháp ADS Civil trong thiết kế hạ tầng giao thông” (2020) và hội thảo cấp Trường “Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng” (2019), Qua đó tổ chức ký kết hợp tác với Công ty TNHH phần mềm Baezeni năm 2020 hỗ trợ chuyển giao gói phần mềm bản quyền thiết kế hạ tầng ADS Civil cho hệ thống phòng máy thực hành tương đương 2 tỷ. Các chương trình Tọa đàm, hội thảo có nội dung phong phú, hấp dẫn, thiết thực đã thu hút hầu hết sinh viên tham dự. Qua đó, Khoa đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để trao quà, trao học bổng cho sinh viên, giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Tính đến tháng 12/2023, Khoa KTXD đã có hơn 163 sinh viên ngành Quản lý xây dựng tốt nghiệp đã tốt nghiệp.

22. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

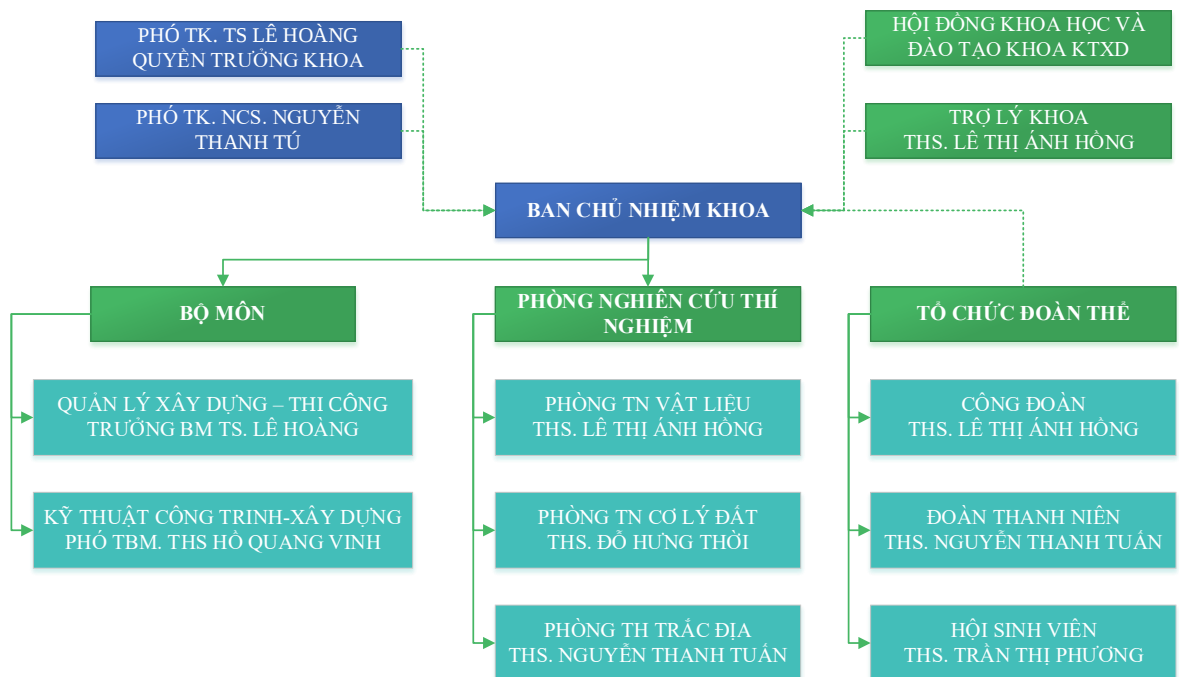
a) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 07 phòng (phòng Đào tạo, phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Quản trị - Thiết bị, phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế), 07 khoa (Khoa Điện - Điện tử - Viễn Thông, Khoa Khoa học xã hội, Khoa Kinh tế - Quản lý công nghiệp, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật cơ khí và Khoa Công nghệ Sinh hóa - Thực phẩm), 03 trung tâm (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ), Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể hội, các Hội đồng tư vấn gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng Lương, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

b) Cơ cấu tổ chức của Khoa KTXD



Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Khoa KTXD

Cơ cấu tổ chức của Khoa Kỹ thuật Xây dựng gồm Ban Chủ nhiệm khoa; Văn phòng khoa và Trợ lý khoa; các Bộ môn và Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa; các Bộ phận

chuyên trách cho Công tác đoàn thể, hội sinh viên cấp khoa; phụ trách về công tác thực hành - thực tế, thực tập của sinh viên; công tác liên kết doanh nghiệp, và các phòng thực hành...

23. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1.	Chủ tịch Hội đồng Trường	Đỗ Thị Tuyết Nhung	1975	GVC, TS	0983006563	dttnhung@ctu.edu.vn
2.	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Đoàn Thị Kiều Tiên			0919005068	dtktien@ctu.edu.vn
3.	Hiệu trưởng	Huỳnh Thanh Nhã	1965	GVCC, PGS. TS	0919209555	htnha@ctu.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Trương Minh Nhật Quang	1965	GVC, TS	0918192592	tmnquang@ctu.edu.vn
5.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	GVC, ThS	0907389111	ntychi@ctu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn	Lê Hoàng	1983	GV, TS		
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Chi bộ	Đoàn Thị Kiều Tiên			0919005068	dtktien@ctu.edu.vn
2.	Đoàn Thanh	Nguyễn Thanh				

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	niên Cộng Sản HCM	Tuấn				
3.	Công đoàn	Lê Thị Ánh Hồng				
III .	Các phòng, ban					
1.	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1971	GV, TS	0913185666	nmtuan@ctuet.edu.vn
2.	Trưởng phòng TC-HC	Lê Anh Xuân		GVC, TS	0919333680	laxuan@ctuet.edu.vn
3.	PT Phòng QLKH-HTQT	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	1984	GV, TS	0935611408	ndhnghiem@ctuet.edu.vn
4.	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Nguyễn Chí Hiếu	1976	CV, ThS	0931771517	nchieu@ctuet.edu.vn
5.	Trưởng phòng QT-TB	Võ Khắc Tâm	1970	CVC, ThS	0913530530	vktam@ctuet.edu.vn
6.	Trưởng phòng TC-KT	Trần Long Hải	1978	CV, ThS	0983891457	tlhai@ctuet.edu.vn
7.	Trưởng Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Lê Anh Tuấn	1967	GV, ThS	0918280455	latuan@ctuet.edu.vn
IV .	Các bộ môn					
1.	Trưởng khoa kiêm Trưởng bộ môn QLXD-TC	Lê Hoàng	1983	GV, TS		
2.	Phó trưởng bộ môn KTCTXD	Hồ Quang Vinh	1988	GV, ThS		

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3.	Phó trưởng bộ môn QLXD-TC	Nguyễn Tấn Hưng	1989	GV, TS		

24. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

CNKTCT Xây dựng, Quản lý Xây dựng

25. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 00

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 00

27. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

28. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 00

29. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 00

30. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác:		

31. Tổng số các ngành đào tạo: 2

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

32. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	18	5	23
I.1	<i>Đội ngũ trong biên chế</i>	18	5	23
I.2	<i>Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn</i>			

II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	5	6	11
	Tổng số			34

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có sơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên)

33. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	1				1	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	5	4			1	
5	Thạc sĩ	28	19			9	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	34	23			11	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 23 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

34. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35)

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	0	0	0	1	0	0,6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2,0	5	4	0	0	1	0	8
5	Thạc sĩ	1,0	28	19	0	0	10	0	21
6	Đại học	0,3	0	1	0	0	0	0	0
	Tổng		34	23	0	0	11	0	29,6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

35. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	0	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	-	2,9	-	-	-	-	-	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	0	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	4	14,7	4	-	-	2	1	1	-
5	Thạc sĩ	19	82,4	14	5	2	13	4	-	-
6	Đại học	-	0	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng	23	100	18	5	2	15	5	1	-

35.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35 tuổi

35.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $4/23 = 17,4\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $19/23 = 82,6\%$.

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	13,3	100,0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40,0	0,0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	33,4	0,0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	13,3	0,0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian)	0,0	0,0

	của công việc)		
	Tổng	100,0	100,0

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

37. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và NCS

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Đơn vị: người

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Tỷ lệ cạnh tranh	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm 30	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học
2018-2019	50	36	36	1:1.52	16	17,02	0
2019-2020	58	60	58	1:2,32 (THPT) 1:1,46 (HB)	13 (THPT) 18 (HB)	16,91 (THPT) 22,23 (HB)	0
2020-2021	52	52	52	1:2 (THPT) 1:2.1 (HB)	17 (THPT) 18 (HB)	19.8 (THPT) 26.08 (HB)	0
2021-2022	61	66	61	1:2.1 (THPT) 1:3.97 (HB)	19.3 (TPT) 18 (HB)	19.8 (THPT) 26.08 (HB)	0
2022-2023	59	68	59	1:14.1 (THPT) 1:3.15 (HB)	21.3 (THPT) 19.01 (HB)	22.04 (THPT) 20.05 (HB)	0

38. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên đại học <i>Trong đó:</i>	36	58	52	61	59
<i>Hệ chính quy</i>	36	58	52	61	59
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	-
<i>Hệ chính quy</i>	-	-	-	-	-
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	-
<i>Hệ chính quy</i>	-	-	-	-	-
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-

39. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	-	-	-	-	-

40. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
(m ²)					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	-	-	-	-	-
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	-	-	-	-	-

41. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0%	0%	0%	0%	1.72%

42. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	-	-	-	-	
Trong đó:					
Hệ chính quy	25	43	45	26	53

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ chính quy</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. <i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ chính quy</i>	-	-	-	-	
<i>Hệ không chính quy</i>	-	-	-	-	
6. Khác:	-	-	-	-	

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

43. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	21	31	15	15	48
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%),	40	42	56	45	60
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	-	51,02	42	85
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	44,90	58	15
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	4,08	-	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A, Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:		23	40	31	30
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%),					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
- Sau 6 tháng tốt nghiệp, - Sau 12 tháng tốt nghiệp,	12	30	54	42	56
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%),	5	16	23	58	44
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm,	-	6,34	6,51	7,44	10,1
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này, B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%),	-	-	21	25	40
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%),	-	-	72	75	54
5.3. Tỷ lệ người học phải	-	-	7	-	6

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm,
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp,
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

44. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Đến 12/2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	-	-	-	-	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	-	-	-	-	-	-	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	-	0	2	0	4	2	4
	Tổng		-	0	2	0	4	2	4

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước,

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số đề tài quy đổi: 4

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $4/23 = 0,174$

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018 - 2019	0	0	0
2	2019 - 2020	0	0	0
3	2020 - 2021	0	19	0/23=0
4	2021 - 2022	0	0	0
5	2022 - 2023	0	58,25	0/23=0

46. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	-	-	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

47. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

T T	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	-	-	-	-	-	-	-

T T	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	
2	Sách giáo trình	1,5	-	-	-	-	02	-	3
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	-	-	-	-	-
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng		-	-	-	-	-	-	3

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số sách (quy đổi): 3

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $3/23 = 0,13$

48. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	-	5	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	-	5	-	-

49. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	12/20 23	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	2	0	1	2	9

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	12/2023	
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	2	1	3	6	10	2	24
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5							
	Tổng		2	2	5	6	11	4	33

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 33

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $33/23 = 1,435$

50. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	7	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	7	0

51. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2022- 2022	2022 - 2023	12/20 23	
1	Hội thảo quốc tế	1	-	-	-	-	-	3	3,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	-	-	-	-	-	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	2	-	-	2	-	1,0
4	Tổng		1	2	-	-	2	3	4,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 4,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $4,5/23 = 0,196$

52. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	3	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	3	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

53. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018 - 2019	0
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021 - 2022	0
2022 - 2023	0

54. Nghiên cứu khoa học của người học

54.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

54.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

T T	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	2	0	0	1	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

55. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): Cơ sở I diện tích 12.521,5 m²
56. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 166,4 m² (Văn phòng khoa), Diện tích PTN khoa quản lý 924 m²
57. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
- Nơi làm việc: 3.409,56 m² Nơi học: 11.103 m² Nơi vui chơi giải trí: 7.021 m²
58. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
- Tổng diện tích phòng học: 12.167,83 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6
59. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin
- Thư viện: 6.063 đầu sách (thư viện) và 6.058 đầu sách (thư viện số)
Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0
60. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 54 máy
- Dùng cho người học học tập: 320 máy
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,07

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 23

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 17,4% (4/23)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 82,6% (19/23)

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 260 (QLXD)

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 11,3 (260/23)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): % (192/23)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời *đã học được* những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 85%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 15%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 56%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 44%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10,100,000

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 40%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 60%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $4/23 = 0,174$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: $0/23 = 0$

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $3/23 = 0,13$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $33/23 = 1,435$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $4,5/23 = 0,196$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,06

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,3

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,0

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 700 /QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình
Quản lý xây dựng, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng và Trường khoa Kỹ thuật xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Quản lý xây dựng trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Quản lý xây dựng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, ĐGN CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trường khoa Kỹ thuật xây dựng, trường các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *huy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG
 (Kèm theo Quyết định số: 700/QĐ-DHKTCN ngày 30 tháng 9 năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	TS. Trương Minh Nhật Quang	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Lê Hoàng	Trưởng khoa KTXD	Phó Chủ tịch
4	ThS. Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng TTr-PC-KT-ĐBCL	Thư ký
5	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	TS. Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	Phụ trách phòng QLKH-HTQT	Thành viên
7	TS. Lê Anh Xuân	P. Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Thành viên
9	ThS. Võ Khắc Tâm	Trưởng phòng QT-TB	Thành viên
10	ThS. Trần Long Hải	Trưởng phòng TC-KT	Thành viên
11	TS. Nguyễn Tấn Hưng	Phó trưởng Bộ môn QLXD	Thành viên
12	ThS. Hồ Quang Vinh	Phó trưởng Bộ môn KTCTXD	Thành viên
13	ThS. Lê Hữu Quốc Phong	Giảng viên	Thành viên
14	ThS. Đỗ Hưng Thời	Giảng viên	Thành viên
15	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn	Giảng viên	Thành viên
16	ThS. Phan Nhật Tân	Giảng viên	Thành viên
17	ThS. Trần Thị Phương	Giảng viên	Thành viên
18	ThS. Nguyễn Thị Yến Nhi	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Lê Thị Ánh Hồng	Giảng viên	Thành viên
20	ThS. Nguyễn Minh Tân	Giảng viên	Thành viên
21	SV. Phan Thị Trúc Nghi	Sinh viên lớp QLXD 2020	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người)

huy

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2022

Số: 967 /KH - ĐHKTCN

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
Chương trình đào tạo: QUẢN LÝ XÂY DỰNG
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT và đề đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 744/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Quản lý xây dựng được thành lập theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Hội đồng gồm có 21 thành viên (Danh sách kèm theo).

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá theo Điều 8, Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

by

a) Nhóm thư ký

Trưởng, phó ban thư ký: chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng; giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

Trưởng nhóm điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm thông tin, minh chứng; chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn được phân công; biên tập các báo cáo của thành viên trong nhóm theo kế hoạch tự đánh giá của Trưởng và gửi cho Trưởng ban thư ký.

Các thành viên nhóm công tác chuyên trách: tìm thông tin, minh chứng, xử lý số liệu, dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do trưởng nhóm phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1	Từ 01/10/2022 đến 15/11/2022	
2.	Tiêu chuẩn 4, 5	Nhóm 2		
3.	Tiêu chuẩn 6, 7	Nhóm 3		
4.	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4		
5.	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5		
6.	Tiêu chuẩn 10, 11	Nhóm 6		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: tháng 10/2022

2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Phổ biến các văn bản tự đánh giá CTĐT

- Quy trình và thủ tục tự đánh giá

- Hướng dẫn phân tích tiêu chí, tìm thông tin và minh chứng; đánh giá tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động / cung cấp

bay

1. Nhân lực

Các thành viên Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (trưởng, phó đơn vị, giảng viên, chuyên viên; các tổ chức đoàn thể: tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,...)

2. Cơ sở vật chất

Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường và các đơn vị; Có thể mua sắm thêm các dụng cụ văn phòng phẩm cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở lập dự trù mua sắm.

3. Tài chính

Các mức kinh phí chi cho hoạt động tự đánh giá bao gồm: Các phiên họp, xây dựng báo cáo, tìm minh chứng, biên tập, sửa chữa, đánh giá, văn phòng phẩm trên cơ sở lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin minh chứng từ nguồn ngoài trường theo các đề xuất sau:

- Các lĩnh vực cần khảo sát.
- Các đối tượng/ các bên liên quan cần khảo sát.
- Các thông tin/ dữ liệu cần cho so sánh, đối sánh và so chuẩn.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá

Dự kiến tháng 12/2022, Nhà trường mời chuyên gia tư vấn đến tập huấn công tác tự đánh giá với các nội dung về kỹ thuật tìm minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và giải quyết những vấn đề phát sinh trong lúc triển khai công tác tự đánh giá.

IX. Lập bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TDG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TDG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (Từ 19/9/2022 đến 02/10/2022)	1. Hội đồng Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Hội đồng TĐG CTĐT đề: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG • Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 – 4 (Từ 03/10/2022 đến 16/10/2022)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch TĐG CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (Từ 17/10/2022 đến 13/11/2022)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 (Từ 14/11/2022 đến 01/01/2023)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 16 (Từ 02/01/2023 đến 08/01/2023)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17 - 18 (Từ 09/01/2023 đến 22/01/2023)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 (Từ 23/01/2023 đến 12/02/2023)	- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG
Tuần 22 - 23 (Từ 13/02/2023 đến 26/02/2023)	- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; - Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. - Hoàn thiện báo cáo TĐG
Tuần 24 (Từ 27/02/2023 đến 05/3/2023)	- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- UBND TPCT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu VT, P.TTPCKTĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng